

## **Lời mở đầu**

Đất nước ta đang trong giai đoạn đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hoá. Mục tiêu đã được đại hội VIII của Đảng đề ra là đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Thực hiện mục tiêu đó, Đảng và Nhà Nước đã ,đang và tiếp tục thực hiện các chính sách để phát huy tiềm lực tối đa xây dựng một nền kinh tế phát triển .Trong những năm gần đây chúng ta đã đưa ra nhiều chính sách để khuyến khích tiềm

năng của mọi thành phần kinh tế, phát triển sản xuất ,khuyến khích đầu tư mở rộng sản xuất ...Trong hàng loạt các chính sách đưa ra thì chính sách thuế có một vị trí quan trọng. Nó không những ảnh hưởng tới nguồn thu chủ yếu của nhà nước mà còn ảnh hưởng trực tiếp tới mọi người dân đặc biệt là các nhà sản xuất, các doanh nghiệp và người tiêu dùng. Trong đó thuế GTGT là một trong những loại thuế có tác động trực tiếp.

Luật thuế GTGT được quốc hội khoá IX thông qua ngày 10/5/1997 và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/1/1999.

Kể từ khi ban hành cho đến nay, thuế giá trị gia tăng luôn thu hút sự quan tâm đặc biệt của xã hội, nhất là các nhà kinh doanh lớn và nhỏ. Tác động tích cực do thuế GTGT mang lại rất rõ: thu ngân sách Nhà nước không giảm mà còn tăng nhiều so với thuế doanh thu; hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng ph, t triỐn mạnh mẽ và sản xuất nội địa được gia tăng áp lực bảo hộ. Bên cạnh những mặt tích cực, thuế GTGT còn bộc lộ nhiều điểm hạn chế và trong nền kinh tế hiện tượng gian lận và chiếm đoạt thuế vẫn còn tồn tại.

Chuyển từ việc áp dụng luật thuế doanh thu sang áp dụng luật thuế GTGT ở nước ta có thể coi như một bước chuyển biến lớn trong lĩnh vực quản lý tài chính. Cũng như nhiều nước trên thế giới, trong những năm đầu áp dụng, những vướng mắc là điều khó tránh khỏi. Điều quan trọng là cần phát hiện và xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh nhằm góp phần hoàn thiện luật thuế GTGT nói riêng và hệ thống thuế nói chung ở nước ta. Nhưng nếu chỉ có sự cố gắng của nhà nước

thôi chưa đủ công việc phức tạp này đòi hỏi phải có sự phối kết hợp của các cấp các ngành và sự tham gia của đông đảo người dân đặc biệt là tầng lớp trí thức.

Để có thể hiểu rõ hơn về thuế GTGT và góp một phần nhỏ bé vào quá trình hoàn thiện thuế GTGT em quyết định tham gia luận văn tốt nghiệp là “Thuế GTGT và các phương pháp hoàn thiện hạch toán thuế GTGT”.

Luận văn được thiết kế theo theo bố cục thành ba phần lớn :

Phần I: Lý luận chung về thuế GTGT

Phần II: Thực trạng công tác thuế GTGT tại công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng.

Phần III : Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng.

Luận văn tốt nghiệp của em được hoàn thành với sự hướng dẫn tận tình của cô giáo, Thạc sĩ Đồng Thị Nga cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của cô chú và anh chị trong công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2011.

Em xin chân thành cảm ơn!

**Sinh viên**

*Vũ Thúy Mừng*

## **PHẦN 1:**

# **LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

### **I. Lý luận chung về thuế giá trị gia tăng :**

#### 1. Khái niệm :

Thuế giá trị gia tăng có nguồn gốc từ thuế doanh thu và Pháp là nước đầu tiên trên thế giới ban hành Luật thuế giá trị gia tăng vào năm 1954. Thuế giá trị gia tăng theo tiếng Pháp gọi là : Taxe Sur La Valeur Tée ( viết tắt là TVA ), tiếng Anh gọi là Value Added Tax ( viết tắt là VAT ), dịch ra tiếng Việt là thuế giá trị gia tăng. Khai sinh từ nước Pháp, thuế giá trị gia tăng đã được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Tính đến nay đã có khoảng 130 quốc gia trên thế giới áp dụng thuế giá trị gia tăng.

Thuế là một hình thức động viên cổ x- a nhất của Tài chính nhà n- ớc của bất kỳ nhà n- ớc nào khi xuất hiện thì sẽ xuất hiện thuế. Tuy nhiên, với mỗi nhà n- ớc khác nhau thì bản chất của thuế lại phụ thuộc vào bản chất của nhà n- ớc, đồng thời khi xuất hiện thuế thì sẽ xuất hiện mối quan hệ giữa nhà n- ớc và ng- ời nộp thuế.

Xét về góc độ nhà n- ớc : Thuế là khoản thu của nhà n- ớc, khoản thu mang tính bắt buộc không hoàn trả trực tiếp, đ- ợc pháp luật qui định.

Xét về góc độ ng- ời nộp thuế : Thuế là khoản đóng góp mang tính chất pháp luật cao nhất của nhà n- ớc, buộc các tổ chức kinh tế và mọi ng- ời dân phải nộp một phần thu nhập của mình vào NSNN để nhà n- ớc đáp ứng nhu cầu chi tiêu của bộ máy nhà n- ớc.

Xét về về mặt nội dung vật chất : Thuế là một khoản tiền, hiện vật mà ng- ời dân và các tổ chức kinh tế có nghĩa vụ đóng góp cho nhà n- ớc để dùng vào việc chi tiêu của nhà n- ớc.

Xét về thực chất : Thuế là một hình thức phân phối đ- ợc Nhà n- ớc sử dụng để động viên một phần thu nhập của các tổ chức kinh tế và các cá nhân trong xã hội vào NSNN.

Theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu đánh trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh

trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào Ngân sách Nhà nước theo mức độ tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ.

## 2. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong lưu thông hàng hoá :

Luật thuế doanh thu quy định doanh thu phát sinh là cơ sở để thực hiện chế độ thu nộp thuế. Do đó Nhà nước đánh thuế trên toàn bộ doanh thu phát sinh của sản phẩm qua mỗi lần dịch chuyển từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Nếu các sản phẩm, hàng hoá chịu thuế càng qua nhiều khâu thì số thuế Nhà nước thu được cũng tăng thêm qua các khâu nên việc áp dụng thuế doanh thu dẫn đến tình trạng thuế thu trùng lặp đối với phần doanh thu đã chịu thuế ở công đoạn trước. Điều đó mang tính bất hợp lý, tác động tiêu cực đến sản xuất và lưu thông hàng hoá. Với tính ưu điểm của thuế giá trị gia tăng là Nhà nước chỉ thu thuế đối với phần giá trị tăng thêm của các sản phẩm ở từng khâu sản xuất lưu thông mà không thu thuế đối với toàn bộ doanh thu phát sinh như mô hình thuế doanh thu.

## 3. Cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng :

Cơ sở của thuế giá trị gia tăng chính là phần giá trị tăng thêm của sản phẩm do cơ sở sản xuất, kinh doanh mới sáng tạo ra chưa bị đánh thuế. Nói cách khác, cơ sở của thuế giá trị gia tăng là khoản chênh lệch giữa giá mua và giá bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ. Do đó cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng được quy định như sau :

- Một trong những nguyên tắc cơ bản của thuế giá trị gia tăng là sản phẩm, hàng hoá dù qua nhiều khâu hay ít khâu từ sản xuất đến tiêu dùng đều chịu thuế như nhau.
- Thuế giá trị gia tăng có điểm cơ bản khác với thuế doanh thu là chỉ có người bán hàng ( dịch vụ ) lần đầu phải nộp thuế giá trị gia tăng trên toàn bộ doanh thu bán hàng ( cung ứng dịch vụ ). Còn người bán hàng ( dịch vụ ) ở các khâu tiếp theo đối với hàng hoá ( dịch vụ ) đó, chỉ phải nộp thuế trên phần giá trị tăng thêm.
- Thuế giá trị gia tăng không chịu ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất kinh doanh của đối tượng nộp thuế, không phải là yếu tố của chi phí mà đơn thuần là

một khoản được cộng thêm vào giá bán của đối tượng cung cấp hàng hoá, dịch vụ.

- Thuế giá trị gia tăng do người tiêu dùng chịu nhưng không phải do người tiêu dùng trực tiếp nộp mà là do người bán sản phẩm (hoặc dịch vụ) nộp thay vào kho bạc Nhà nước, do trong giá bán hàng hoá (hoặc trong dịch vụ) có cả thuế giá trị gia tăng.

#### 4. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong quản lý Nhà nước về kinh tế :

Vai trò của thuế đ- ợc xác định theo các mục tiêu cơ bản sau :

Thuế là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà n- ớc.

Thuế là một trong những công cụ quan trọng của Nhà n- ớc trong việc quản lý và điều tiết vĩ mô, thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng l- u thông hàng hoá nâng cao hiệu quả kinh tế trong hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung.

Thuế góp phần thực hiện công bằng xã hội, bình đẳng giữa các tầng lớp kinh tế và các tầng lớp dân c- .

Nhà n- ớc dùng thuế để thực hiện các chức năng kinh tế xã hội của mình đối với đất n- ớc. Thực hiện những mục tiêu đó cũng chính là thực hiện vai trò cơ bản của thuế.

#### 5. Chức năng của thuế :

Thuế là một công cụ quan trọng để động viên một phần thu nhập của dân vào NSNN.

Thuế là một công cụ để điều tiết kích thích sản xuất, điều chỉnh cung-cầu xã hội. Thuế là công cụ giải quyết đúng đắn mối quan hệ lợi ích giữa Nhà n- ớc-tập thể và ng- ời lao động.

Nhà n- ớc sử dụng thuế để kiểm tra và giám sát về mặt kinh tế đối với các hoạt động kinh doanh của tất cả các thành phần kinh tế.

Thuế có tác dụng mở rộng kinh tế đối ngoại, đồng thời bảo vệ lợi ích sản xuất trong n- ớc.

Thuế là công cụ sắc bén để điều hoà thu nhập giữa các tầng lớp dân c- .

## 6. Phân loại thuế :

Thuế đ- ọc phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau, nh- ng thông th- ờng căn cứ vào mối quan hệ giữa ng- ời chịu thuế và ng- ời nộp thuế, ng- ời ta phân thuế làm hai loại :

Thuế gián thu : là loại thuế đ- ọc cộng vào giá, là một bộ phận cấu thành nên giá cả hàng hoá nh- : thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu. Thực chất loại thuế này ng- ời nộp thuế theo luật chỉ là ng- ời nộp thay cho ng- ời tiêu dùng những hàng hoá, dịch vụ hoặc tài sản do mình cung cấp, phân thuế đó đ- ọc ng- ời tiêu dùng hoàn trả qua giá mua hàng hoặc dịch vụ tài sản của ng- ời cung cấp.

Thuế trực thu : là loại thuế thu trực tiếp đánh vào thu nhập của các tổ chức kinh tế, cá nhân nh- thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cao. Khác với thuế gián thu, đối với thuế trực thu ng- ời chịu thuế đồng thời là ng- ời nộp thuế cho Nhà n- ớc. Chính vì vậy thuế trực thu có nhiều - u điểm và công bằng hơn, phù hợp với khả năng của từng đối t- ợng, thu nhập cao thì nộp thuế cao, thu nhập thấp thì nộp thuế ít.

## 7. Các yếu tố cấu thành sắc thuế :

Mỗi sắc thuế đòi hỏi có các đặc tr- ng riêng nh- ng về cơ bản đều đ- ọc cấu thành từ các yếu tố sau :

- Tên gọi của sắc thuế.
- Đối t- ợng chịu thuế, đối t- ợng thuộc diện không chịu thuế.
- Đối t- ợng nộp thuế.
- Căn cứ và ph- ơng pháp tính thuế.
- Thuế suất – mức thuế – biểu thuế.
- kê khai – nộp thuế.
- Chế độ miễn giảm thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế.
- Trách nhiệm, nghĩa vụ của đối t- ợng nộp thuế, cơ quan quản lý thuế.

## II. Các quy định của thuế giá trị gia tăng :

### 1. Đối tượng chịu thuế

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT nêu tại Mục II, Phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 6 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

### 2. Người nộp thuế

Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu)

### 3. Đối tượng không chịu thuế

Có 25 loại hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT được phân làm các nhóm sau :

- **Nhóm 1** : Hàng hoá dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu của cộng đồng.

Ví dụ : Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư; duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ. Các dịch vụ nêu tại điểm này không phân biệt nguồn kinh phí chi trả.

- **Nhóm 2** : Hàng hoá dịch vụ đang khuyến khích hoặc cần được khuyến khích.

Ví dụ 2 : Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học-kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; in tiền.

Báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, bao gồm cả hoạt động truyền trang báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành.

- **Nhóm 3** : Đối tượng nộp thuế chuyên quyền sử dụng đất.

Ví dụ : Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê.  
Chuyên quyền sử dụng đất.

- **Nhóm 4** : Khoáng sản khai thác chưa chế biến đem xuất khẩu

Ví dụ : Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến.

#### 4. Căn cứ và phương pháp tính thuế

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

##### *4.1. Giá tính thuế GTGT :*

Giá tính thuế là một căn cứ quan trọng để xác định số thuế GTGT phải nộp, giá tính thuế GTGT là giá bán ch- a có thể đ- ợc ghi trên hoá đơn bán hàng của ng- ời bán hàng, cung cấp dịch vụ hoặc ng- ời nhập khẩu. Giá tính thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ đ- ợc xác định cụ thể nh- sau :

##### 4.1.1. Đối với HHDV do CS SXKD bán ra hoặc cung ứng cho đối tượng khác:

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT ghi trên hoá đơn

##### 4.1.2. Đối với HH nhập khẩu:

Giá tính thuế = giá NK+ thuế NK + thuế TTĐB (nếu có)

##### 4.1.3. Đối với HHDV chịu thuế TTĐB:

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT + thuế TTĐB

##### 4.1.4. Đối với HH bán theo phương thức trả góp, trả chậm:

Giá tính thuế = giá bán trả 1 lần chưa VAT (không bao gồm lãi trả góp, trả chậm)

##### 4.1.5. Đối với DV đại lý tàu biển, môi giới, ủy thác XNK và Dịch vụ khác hưởng tiền công, hoa hồng :

Giá tính thuế = giá tiền công (hoa hồng) được hưởng chưa có VAT

##### 4.1.6. Đối với HHDV dùng để trao đổi biếu tặng hoặc trả thay lương

Giá tính thuế = giá tính thuế của HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh hoạt động

##### 4.1.7. Đối với DV cho thuê tài sản:

Giá tính thuế = số tiền thuê từng kỳ hoặc thu trước



4.1.8. Đối với HHDV cơ sở KD xuất để tiêu dùng, không phục vụ SXKD hoặc dùng SXKD HHDV không chịu VAT:

Giá tính thuế = giá bán HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh việc tiêu dùng

4.1.9. Đối với hoạt động in

Giá tính thuế = tiền công in (có thể gồm cả tiền giấy in)

4.1.10. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản:

Giá tính thuế = giá bán – tiền sử dụng đất

4.1.11. Đối với DV du lịch theo hình thức lữ hành, trọn gói (ăn, ở, đi lại)

Giá tính thuế = (giá trọn gói – chi phí thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT) / (1 + thuế suất)

4.1.12. Đối với các HHDV sử dụng hoá đơn đặc thù:

Giá tính thuế = giá bán / (1 + thuế suất)

#### 4.2. Thuế suất :

Có 3 mức thuế suất khác nhau: 0%, 5%, 10% đ- ợc áp dụng đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ sản xuất-kinh doanh trong n- ớc hoặc nhập khẩu. Việc qui định các mức thuế suất khác nhau nhằm thể hiện chính sách điều tiết thu nhập và h- ớng dẫn tiêu dùng đối với hàng hoá, dịch vụ khác nhau. Trong điều kiện hiện nay, khi mặt bằng kinh doanh của các ngành nghề ch- a đồng nhất, thì việc phân biệt các mức thuế suất là cần thiết.

4.2.1. Thuế suất 0%: HHDV xuất khẩu và được coi như xuất khẩu và một số dịch vụ khác

- Hàng hoá XK, bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu, bán cho các doanh nghiệp chế xuất và các trường hợp được coi là xuất khẩu.

- Dịch vụ và dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để sử dụng cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trừ các dịch vụ sử dụng cho tiêu dùng cá nhân (dịch vụ vận chuyển đưa đón CBCNV, cung cấp suất ăn cho CBCNV của doanh nghiệp chế xuất...)

- Vận tải quốc tế

4.2.2. Thuế suất 5%: HHDV thiết yếu phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng (15 nhóm)

4.2.2.1. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác áp dụng mức thuế suất 10%.

4.2.2.2. Phân bón, quặng để sản xuất phân bón, thuốc phong trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng

4.2.2.3. Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác

4.2.2.4. Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng, chăm sóc, phong trừ sâu bệnh cho cây trồng, sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp

4.2.2.5. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt lát, ướp muối, bảo quản lạnh và các hình thức bảo quản thông thường khác ở khâu kinh doanh thương mại

4.2.2.6. Mủ cao su sơ chế như mủ cờ rếp, mủ tờ, mủ bún, mủ côm; nhựa thông sơ chế; lưới; dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá

4.2.2.7. Thực phẩm tươi sống; nông sản chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại, trừ gỗ, măng

4.2.2.8. Đường, phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn

4.2.2.9. Sản phẩm băng đay, cói, tre, song, mây, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp

4.2.2.10. Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp

4.2.2.11. Thiết bị, dụng cụ y tế gồm máy móc và dụng cụ chuyên dùng cho y tế như: Các loại máy soi, chiếu, chụp dùng để khám, chữa bệnh; các thiết bị, dụng cụ chuyên dùng để mổ...

4.2.2.12. Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, compa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu thí nghiệm khoa học

4.2.2.13. Hoạt động văn hoá, triển lãm, thể dục thể thao; biểu diễn nghệ thuật, sản xuất phim, nhập khẩu, phát hành và chiếu phim

4.2.2.14. Đồ chơi trẻ em, sách các loại, trừ sách không chịu thuế GTGT nêu tại phần trên

4.2.2.15. Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn, không bao gồm trò chơi trực tuyến và dịch vụ giải trí trên internet.

4.2.3. Thuế suất 10%: HHDV thông thường còn lại

### **III. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

***Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo một trong hai phương pháp: phương pháp khấu trừ thuế và phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.***

Đối tượng áp dụng và việc xác định thuế phải nộp theo từng phương pháp như sau:

#### 1. Phương pháp khấu trừ thuế

*1.1. Đối tượng:* áp dụng đối với các đơn vị thực hiện tốt chế độ kế toán, sử dụng hoá đơn giá trị gia tăng và không thuộc đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp trực tiếp.

*1.2. Công thức xác định :*

**Thuế phải nộp = Thuế đầu ra - thuế đầu vào được khấu trừ**

- Thuế đầu ra = Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra x Thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ đó.
- Thuế đầu vào được khấu trừ = Giá tính thuế của hàng hoá dịch vụ mua vào chịu thuế x Thuế suất thuế giá trị gia tăng.

### 1.2.1. Xác định thuế giá trị gia tăng đầu ra :

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ khi bán hàng hoá dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải tính và thu thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ bán ra. Khi lập hóa đơn bán hàng phải ghi rõ giá bán chưa thuế, thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền người mua phải thanh toán

Trường hợp hóa đơn chỉ ghi giá thanh toán, không ghi giá chưa thuế và thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hóa đơn chứng từ.

Trường hợp hóa đơn ghi sai mức thuế suất mà CSKD bán HHDV chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế phát hiện thì xử lý như sau:

- Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ > mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên HĐ
- Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ < mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất quy định

### 1.2.2. Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ :

Chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng để sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng cho cả sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế giá trị gia tăng => chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng.

Tài sản cố định dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thì được khấu trừ toàn bộ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, tài sản cố định mua vào bị tổn thất, hỏng hóc do thiên tai, hoả hoạn ... nếu xác định được người phải bồi thường thì thuế giá trị gia tăng đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường, không được khấu trừ.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó,

không phân biệt đã xuất dùng hay còn trong kho. Trong trường hợp chưa kịp kê khai trong tháng thì được khai khấu trừ vào các tháng tiếp theo, tối đa là 6 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá (gồm cả mua ngoài và doanh nghiệp tự sản xuất ra) mà doanh nghiệp sử dụng để khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá chịu thuế giá trị gia tăng thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Không khấu trừ VAT đầu vào khi **hoá đơn GTGT không đúng quy định** (không ghi thuế GTGT, ghi sai tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn ghi không đúng giá trị thực của HHDV mua bán, trao đổi).

Nếu hàng hoá dịch vụ mua vào sử dụng đồng thời cho cả hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế giá trị gia tăng thì được xử lý như sau :

- Nếu cơ sở sản xuất kinh doanh hạch toán riêng được thì chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng .
- Nếu không hạch toán riêng được thì số thuế đầu vào được khấu trừ xác định theo tỷ lệ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào :

Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào = Doanh thu chịu thuế GTGT / Tổng doanh thu tiêu thụ trong kỳ

$$\Rightarrow \text{Số thuế GTGT} = \text{Tổng số thuế GTGT} \times \text{Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT}$$

### *1.3.Điều kiện khấu trừ thuế :*

a) Có hoá đơn giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng hàng hoá ở khâu nhập khẩu, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp mua dịch vụ

b) Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

- Đối với hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị trên 20 triệu đồng, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ, hoá

đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán qua ngân hàng của hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ.

- Hàng hoá, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra cũng được coi là thanh toán qua ngân hàng; trường hợp sau khi bù trừ mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.
- Trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ của một nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu đồng, nhưng mua nhiều lần trong cùng ngày có tổng giá trị trên 20 triệu đồng thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

## 2. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng

### *2.1. Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT áp dụng đối với các đối tượng sau đây:*

a) Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

c) Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý và hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì phải hạch toán riêng được hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý để áp dụng theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

## 2.2. Xác định thuế GTGT phải nộp

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT bằng GTGT của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ đó.

a) Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ được xác định bằng giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra trừ (-) giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra là giá thực tế bán ghi trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ, bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào được xác định bằng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.

Giá trị gia tăng xác định đối với một số ngành nghề kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh số bán với doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất, kinh doanh. Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán được doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng với doanh số hàng bán ra thì xác định như sau:

Giá vốn hàng bán ra bằng (=) Doanh số tồn đầu kỳ, cộng (+) doanh số mua trong kỳ, trừ (-) doanh số tồn cuối kỳ.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là số chênh lệch giữa tiền thu về xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình trừ (-) chi phí vật tư nguyên liệu, chi phí động lực, vận tải, dịch vụ và chi phí khác mua ngoài để phục vụ cho hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình.

- Đối với hoạt động vận tải là số chênh lệch giữa tiền thu cước vận tải, bốc xếp trừ (-) chi phí xăng dầu, phụ tùng thay thế và chi phí khác mua ngoài dùng cho hoạt động vận tải.

- Đối với hoạt động kinh doanh ăn uống là số chênh lệch giữa tiền thu về bán hàng ăn uống, tiền phục vụ và các khoản thu khác trừ (-) giá vốn hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng cho kinh doanh ăn uống.

- Đối với hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ, giá trị gia tăng là số chênh lệch giữa doanh số bán ra vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ trừ (-) giá vốn của vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ bán ra.

- Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế có kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, cơ sở phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào để kê khai thuế GTGT phải nộp của hàng hóa, dịch vụ theo từng hoạt động kinh doanh và phương pháp tính thuế riêng.

Trường hợp không hạch toán được riêng thì được xác định phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với tỷ lệ doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế trên tổng doanh thu bán hàng phát sinh trong kỳ.

- Đối với các hoạt động kinh doanh khác là số chênh lệch giữa tiền thu về hoạt động kinh doanh trừ (-) giá vốn của hàng hóa, dịch vụ mua ngoài để thực hiện hoạt động kinh doanh đó.

- Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT không được tính giá trị tài sản mua ngoài, đầu tư, xây dựng làm tài sản cố định vào doanh số hàng hóa, dịch vụ mua vào để tính giá trị gia tăng.

b) Đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ có đầy đủ hoá đơn của hàng hóa, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không có đủ hoá đơn mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào thì GTGT được xác định bằng doanh thu nhân (x) với tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu.

Tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu làm căn cứ xác định giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Thương mại (phân phối, cung cấp hàng hóa): 10%.



- Dịch vụ, xây dựng (trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%.
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%.

c) Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế theo tỷ lệ (%) GTGT do Bộ Tài chính quy định.

#### **IV. Thủ tục kê khai thuế, nộp thuế :**

##### **1. Kê khai thuế**

- Các cơ sở kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải có trách nhiệm lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng kèm theo bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra theo mẫu qui định .

- Đối với các cơ sở kinh doanh nhập khẩu, mỗi lần phát sinh hoạt động nhập khẩu, cơ sở phải có trách nhiệm kê khai, nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu cho cơ quan hải quan thu thuế tại cửa khẩu nhập.

- Đối với các cơ sở kinh doanh buôn chuyển phải kê khai và nộp thuế GTGT theo từng chuyển hàng cho cơ quan thuế nơi mua hàng trước khi vận chuyển hàng đi tiêu thụ.

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hoá dịch vụ có mức thuế suất thuế GTGT khác nhau phải kê khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất qui định đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ, nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hoá, dịch vụ mà cơ sở có sản xuất, kinh doanh.

##### **2. Nộp thuế**

- Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo thông báo của cơ quan thuế thì thời hạn nộp thuế của tháng chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp theo.

- Đối với cơ sở kinh doanh có số thuế phải nộp hàng tháng lớn thì cơ sở phải tạm nộp thuế theo định kỳ 10-15 ngày một lần và trong thời hạn qui định (Theo thông báo của cơ quan thuế) cơ sở phải nộp đủ số thuế phải nộp trong tháng.

### 3. Hoàn thuế

Theo Luật thuế GTGT thì các cơ sở sản xuất kinh doanh, người nhập khẩu được hoàn thuế GTGT trong các trường hợp sau:

a. Các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được hoàn thuế trong các trường hợp sau:

- Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng trở lên có lũy kế số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra.

- Các cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá xuất khẩu, nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng tháng.

b. Các cơ sở kinh doanh mới thành lập thuộc đối tượng đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng chưa có doanh thu bán hàng, chưa có thuế GTGT đầu ra để khấu trừ với thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, vật tư, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên thì sẽ được xem xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm. Số thuế GTGT đầu vào của TSCĐ, vật tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng quý.

c. Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sát nhập, giải thể, chia tách ...có số thuế GTGT nộp thừa thì có quyền đề nghị hoàn thuế .

d. Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

e. Tổ chức cá nhân ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hoá dịch vụ tại Việt Nam.

## **V. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán thuế**

### 1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT.

Thuế GTGT là một phần quan trọng và không ngừng vận động cùng với quá trình vận động của dòng vốn kinh doanh, do vậy việc quản lý thuế GTGT yêu cầu phải toàn diện trên các mặt sau:

- Quản lý thuế GTGT đầu vào: Đây là số tiền mà doanh nghiệp trả thay cho người tiêu dùng, sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hoá, dịch vụ. Nếu đủ tiêu chuẩn hoàn thuế theo qui định thì khoản thuế GTGT đầu vào này sẽ được Nhà Nước hoàn lại, do vậy phải quản lý chặt chẽ khoản thuế này để tránh thất thoát, thiệt hại cho doanh nghiệp.

- Quản lý thuế GTGT đầu ra: Đây là số tiền mà doanh nghiệp thu từ người tiêu dùng khi bán các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, số thuế này sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu vào, nếu thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế GTGT đầu vào thì phần lớn hơn đó sẽ phải nộp vào Ngân sách. Do đó, khoản thuế này cũng phải được quản lý chặt chẽ để tránh trường hợp kê thiếu, kê sai nhằm trốn thuế gây thất thoát cho ngân sách.

- Quản lý số thuế GTGT được hoàn lại: Đây là số tiền mà Nhà Nước hoàn lại cho doanh nghiệp trong một số trường hợp như đã nêu ở phần I, trên thực tế thì đây là một vấn đề rất đáng nói, việc hoàn thuế theo qui định hiện nay đôi khi là một kẽ hở để một số doanh nghiệp lợi dụng, bòn rút Ngân sách.

Vì vậy yêu cầu quản lý khoản thuế này là vô cùng cần thiết và đòi hỏi phải được theo dõi thường xuyên, chặt chẽ và phải thực sự khách quan.

- Quản lý số thuế GTGT phải nộp Ngân sách: Đây là nguồn thu thường xuyên của Ngân sách cho nên việc quản lý nguồn thu này là đương nhiên và hết sức cần thiết.

### 2. Nhiệm vụ kế toán thuế GTGT.

#### *2.1. Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung :*

##### *2.1.1 Trách nhiệm :*

- Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh.

- Kiểm tra đối chiếu hoá đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra của từng cơ sở.
- Kiểm tra đối chiếu bảng kê khai hồ sơ xuất khẩu.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra của toàn Công ty, phân loại theo thuế suất.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu vào của toàn Công ty theo tỉ lệ phân bổ đầu ra được khấu trừ.
- Theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách, hoàn thuế của Công ty.
- Cùng phối hợp với kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán.
- Lập hồ sơ ưu đãi đối với dự án đầu tư mới, đăng ký phát sinh mới hoặc điều chỉnh giảm khi có phát sinh.
- Lập hồ sơ hoàn thuế khi có phát sinh.
- Lập báo cáo tổng hợp thuế theo định kỳ hoặc đột xuất ( nhóm thuế suất, đơn vị cơ sở ).
- Kiểm tra hoá đơn đầu vào ( sử dụng đèn cực tím ) đánh số thứ tự để dễ truy tìm, phát hiện loại hoá đơn không hợp pháp thông báo đến cơ sở có liên quan.
- Hàng tháng đóng chứng từ báo cáo thuế của cơ sở, toàn Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn thế để báo cáo Cục thuế.
- Lập bảng kê danh sách lưu trữ, bảo quản hoá đơn thuế GTGT theo thời gian, thứ tự số quyển không để hư hỏng thất thoát.
- Kiểm tra đối chiếu biên bản trả, nhận hàng để điều chỉnh doanh thu báo cáo thuế kịp thời khi có phát sinh.
- Cập nhật kịp thời các thông tin về Luật thuế, soạn thông báo các nghiệp vụ quy định của Luật thuế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cơ sở biết thực hiện.
- Lập kế hoạch thuế GTGT, thu nhập doanh nghiệp, nộp ngân sách.
- Yêu cầu chấp hành nguyên tắc bảo mật.

- Cập nhật theo dõi việc giao nhận hoá đơn ( mở sổ giao và ký nhận ).
- Theo dõi tình hình giao nhận hoá đơn các đơn vị cơ sở.
- Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn trong kỳ.
- Cập nhật và lập giấy báo công nợ các đơn vị cơ sở.

2.1.2. Quyền hạn :

- Đề xuất hướng xử lý các trường hợp hoá đơn cần điều chỉnh, hoặc thanh huỷ theo quy định của Luật thuế hiện hành.
- Nhận xét đánh giá khi có chênh lệch số liệu giữa báo cáo thuế và quyết toán.
- Hướng dẫn kế toán cơ sở thực hiện việc kê khai báo cáo thuế theo đúng quy định.
- Các công việc khác có liên quan đến thuế.

2.1.3. Môi liên hệ công tác :

- Trực thuộc Phòng kế toán Công ty : nhận sự chỉ đạo, phân công, điều hành trực tiếp của phụ trách phòng.
- Khi cung cấp số liệu liên quan đến nghiệp vụ do mình phụ trách đều phải có sự đồng ý của Ban giám đốc hoặc Kế toán trưởng.
- Quan hệ với các Đơn vị nội bộ thuộc Công ty trong phạm vi trách nhiệm của mình đảm nhiệm để hoàn thành tốt công tác.
- Nhận hoặc trao đổi thông tin với kế toán cơ sở nội bộ.

2.2 *Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng nói riêng :*

- Thứ nhất: Theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng. Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hoá đơn GTGT.

- Thứ hai: Lập bảng kê thuế hàng tháng, bao gồm:

+ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào

+ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Căn cứ để lập các bảng kê trên là hoá đơn GTGT

- Thứ ba: Kê khai thuế phải nộp hàng tháng.

Hàng tháng, kế toán tổng hợp số thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra, xác định số thuế GTGT phải nộp hoặc chưa được khấu trừ, trên cơ sở đó lập tờ khai thuế GTGT, kèm với bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra để nộp cho cơ quan thuế.

- Thứ tư: Vào sổ kế toán và lập báo cáo thuế.

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra và các chứng từ gốc khác như phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có....đề vào các sổ chi tiết tài khoản 133 và 3331, đến cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ chi tiết đề lên sổ cái tài khoản 133 và sổ cái tài khoản 3331 hoặc tổng hợp số liệu trên sổ tổng hợp rồi lên sổ cái. Số liệu trên sổ cái được sử dụng để lên báo cáo thuế hàng năm.

Trên đây là toàn bộ nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT, tuy nhiên trên thực tế, kế toán thuế GTGT còn phải làm nhiều nhiệm vụ khác như: lập giấy xin chi tiền ngân hàng để nộp thuế, lập các báo cáo nội bộ gửi Ban Giám Đốc... Cho dù phải thực hiện toàn bộ công việc kế toán thuế GTGT hoặc chỉ làm một phần trong đó thì yêu cầu mỗi cán bộ kế toán phải có một trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, khách quan, trung thực... bởi vì kế toán thuế GTGT rất khó nhưng cũng rất dễ, đòi hỏi cán bộ kế toán thuế phải biết dung hoà giữa chế độ và qui định của Nhà Nước với yêu cầu của chủ doanh nghiệp.

## **VI. Phương pháp kế toán thuế giá trị gia tăng**

### *1. Chứng từ kế toán*

Các chứng từ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Hoá đơn GTGT
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra
- Tờ khai thuế GTGT
- Quyết toán thuế GTGT
- ...

Các hoá đơn chứng từ trên đều có mẫu thống nhất của Bộ Tài Chính, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn có thể đăng ký với cơ quan thuế để tự in hoá đơn theo mẫu của riêng mình cho phù hợp với hoạt động của đơn vị, các hoá đơn mà doanh nghiệp tự in gọi là hoá đơn đặc thù, không một doanh nghiệp nào giống doanh nghiệp nào.

2. Tài khoản kế toán

Tài khoản kế toán

Kế toán thuế GTGT được phản ánh trên tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ” và tài khoản 3331 “Thuế GTGT phải nộp” kết cấu của 2 tài khoản này như sau:

**2.1 Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.**

\* Nội dung : Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ.

Kết cấu :

Nợ	TK133	Có
<u>SPS tăng</u> : Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tăng trong kỳ.		<u>SPS giảm</u> : Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ giảm trong kỳ: - Khấu trừ thuế GTGT - Hoàn thuế GTGT - Phân bổ thuế GTGT
<u>SDCK</u> :- Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ đến cuối kỳ.		

TK 133 có 2 TK cấp II:

- TK 1331-Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- TK1332- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của TSCĐ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi mua sắm TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

\* Nguyên tắc hạch toán:

Áp dụng đối với các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng đồng thời cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT thì doanh nghiệp phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ. Trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế GTGT đầu vào được hạch toán và tài khoản 133. Cuối kỳ kế toán phải xác định số thuế GTGT được khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu bán ra. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được tính vào giá vốn của hàng bán ra hoặc chi phí sản xuất, kinh doanh tùy theo từng trường hợp cụ thể.

- Trường hợp số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ có giá trị lớn thì tính vào giá vốn của hàng bán ra trong kỳ tương ứng với doanh thu trong kỳ, số còn lại được tính vào giá vốn của hàng bán ra các kỳ kế toán sau.

- Trường hợp doanh nghiệp mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT; sử dụng cho hoạt động sự nghiệp, hoặc thực hiện dự án được trang trải bằng nguồn kinh phí khác; hoặc dùng vào hoạt động phúc lợi, khen thưởng được trang trải bằng quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp thì số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ và không được hạch toán vào Tài khoản 133. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được tính vào trị giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ mua vào.



- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào được dùng chứng từ đặc thù như tem bưu điện, vé cước vận tải các loại,.... Ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT thì doanh nghiệp phải xác định giá chưa có thuế GTGT đầu vào để hạch toán.

- Trong hợp không bóc tách được giá trị vật tư hàng hoá sử dụng cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào vẫn được phản ánh vào TK133, cuối kỳ kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng. Phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn bán hàng (nếu sản phẩm đã được tiêu thụ hết) hoặc phản ánh vào TK1421 “chi phí trả trước”.

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai, khấu trừ với thuế GTGT đầu ra của tháng đó, nếu thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra phải nộp thì khấu trừ theo số nhỏ hơn, số còn lại được khấu trừ tiếp ở kỳ sau. Nếu sau 3 kỳ liên tiếp không khấu trừ hết thì Ngân sách sẽ hoàn thuế.

- Căn cứ để xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT khi mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế GTGT đối với tài sản, hàng hóa nhập khẩu.

- Trường hợp tài sản, hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn GTGT hoặc có hóa đơn GTGT nhưng không đúng quy định của pháp luật thì cơ sở kinh doanh không được khấu trừ thuế.

## **2.2 Tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp.**

\*Nội dung: Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp.

Kết cấu :

Nợ	TK 3331	Có
<u>SPS giảm</u> : Khấu trừ thuế GTGT - Thuế GTGT được miễn giảm - Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN. - Số thuế GTGT		<u>SPS tăng</u> : Số thuế GTGT phải nộp tăng trong kỳ
<u>SDCK</u> : Số thuế GTGT đã nộp thừa vào Ngân sách		<u>SDCK</u> : Số thuế GTGT còn phải nộp đến cuối kỳ

TK 3331 có 2 TK cấp III:

+TK33311: Thuế GTGT đầu ra

+TK33312: Thuế GTGT hàng nhập khẩu

- TK 33311- Thuế giá trị gia tăng đầu ra của hàng hóa, dịch vụ: Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp, số thuế giá trị gia tăng đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp của hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

- TK 33312 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hàng nhập khẩu: Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách.

**\* Nguyên tắc hạch toán:**

Doanh nghiệp chủ động tính thuế, kê khai thuế phải nộp hàng tháng và nộp thuế đúng thời gian qui định theo thông báo của cơ quan thuế.

Doanh nghiệp chủ động tính và xác định số thuế GTGT phải nộp cho Nhà nước theo luật định và kịp thời phản ánh vào sổ kế toán số thuế phải nộp trên cơ sở các

thông báo của cơ quan thuế. Việc kê khai đầy đủ, chính xác số thuế phải nộp cho Nhà nước theo luật định là nghĩa vụ của doanh nghiệp.

Thực hiện việc nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế cho Nhà nước. Mọi thắc mắc, khiếu nại (nếu có) về mức thuế, về số thuế phải nộp theo thông báo cần được giải quyết kịp thời theo quy định hiện hành. Không được viện bất kỳ lý do nào để trì hoãn việc nộp thuế cho Nhà nước.

Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi từng loại thuế GTGT theo số phải nộp, số đã nộp và số còn phải nộp.

Doanh nghiệp nộp thuế bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định để ghi sổ kế toán.

### 3. Trình tự kế toán:

#### 3. Trình tự kế toán:

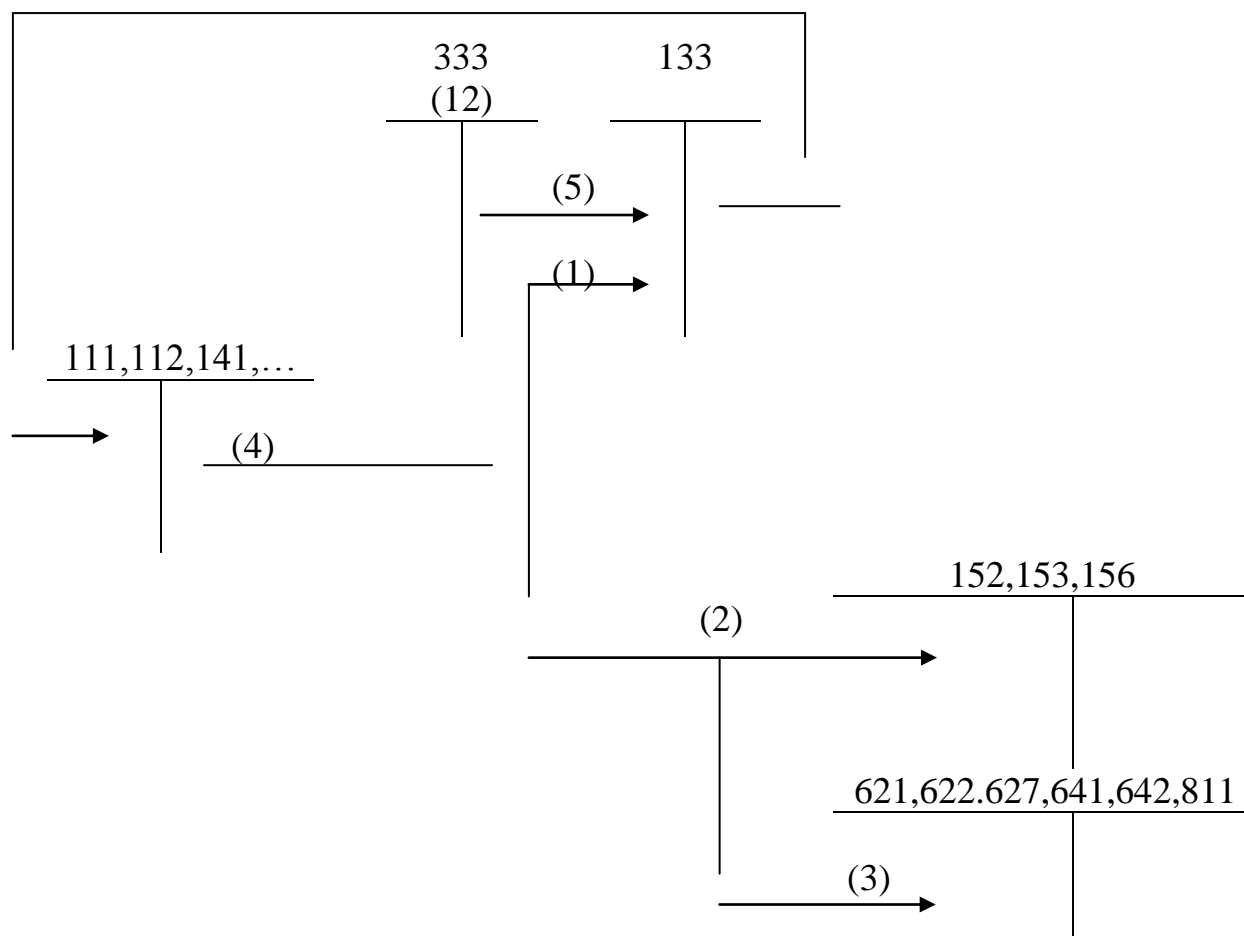
##### 3.1. Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

###### a. Hạch toán thuế GTGT đầu vào

Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu vào được thể hiện trên sơ đồ sau:

Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu vào được thể hiện trên sơ đồ sau:

(6)

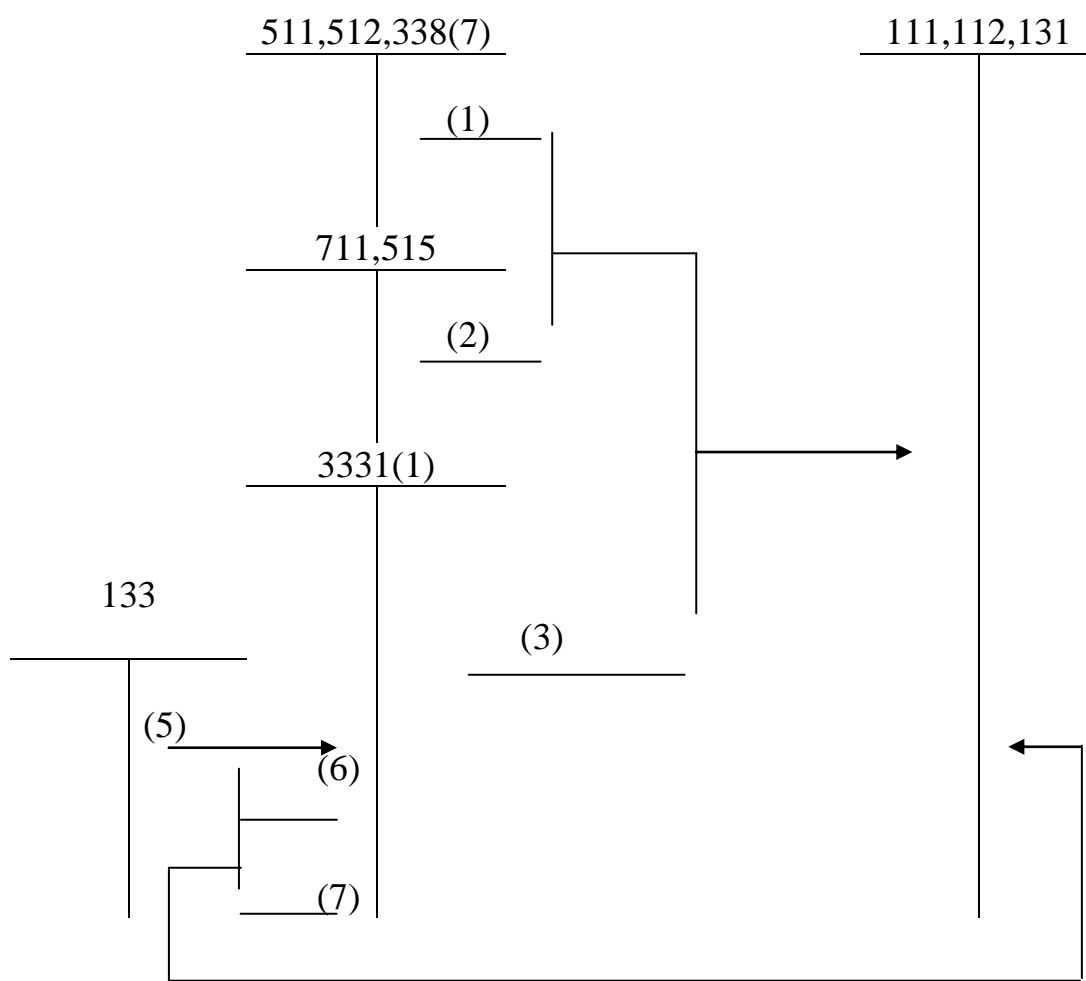


Ghi chú:

- (1): Thuế GTGT đầu vào
- (2): Trị giá mua chưa có thuế của vật tư, hàng hóa, TSCĐ... nhập kho
- (3): Trị giá mua chưa có thuế của vật tư, hàng hóa đưa vào sử dụng ngay
- (4): Tổng giá thanh toán
- (5): Thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp được khấu trừ
- (6): Thuế GTGT được giảm trừ hoặc được hoàn trả đã nhận

b. Hạch toán thuế GTGT đầu ra

Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu ra được thể hiện trên sơ đồ sau:



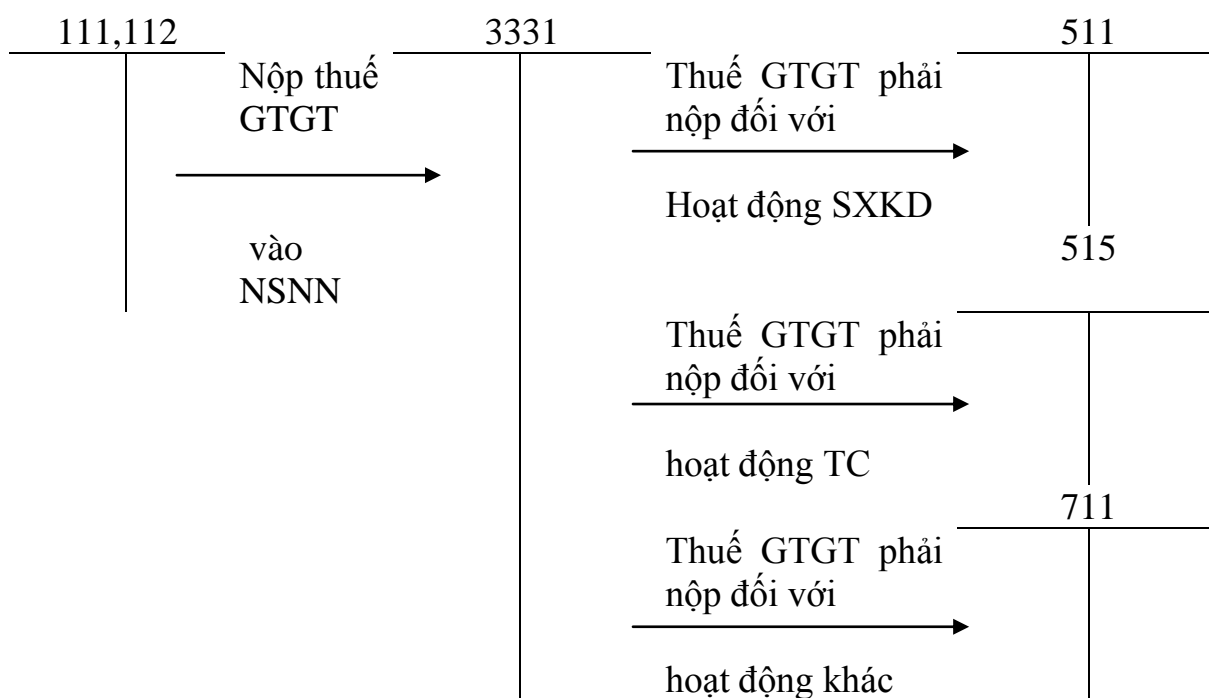
Ghi chú:

- (1): Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.
- (2): Thu nhập khác, doanh thu hoạt động tài chính.
- (3): Thuế GTGT đầu ra.
- (4): Tổng giá thanh toán.
- (5): Khấu trừ thuế GTGT.
- (6): Thuế GTGT giảm trừ đã hoàn trả.
- (7): Nộp thuế GTGT vào ngân sách.

### 3.2. Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Quá trình hạch toán vẫn thực hiện như đối với nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng trong quá trình hạch toán không xuất hiện tài khoản 133 và 33311. Do đó giá trị hàng hóa phản ánh trên các tài khoản 156, 151, 157, 511, 512, 515, 711... là giá đã có thuế GTGT.

Cuối kỳ sau khi hạch toán số thuế phải nộp, kế toán hạch toán theo sơ đồ sau:

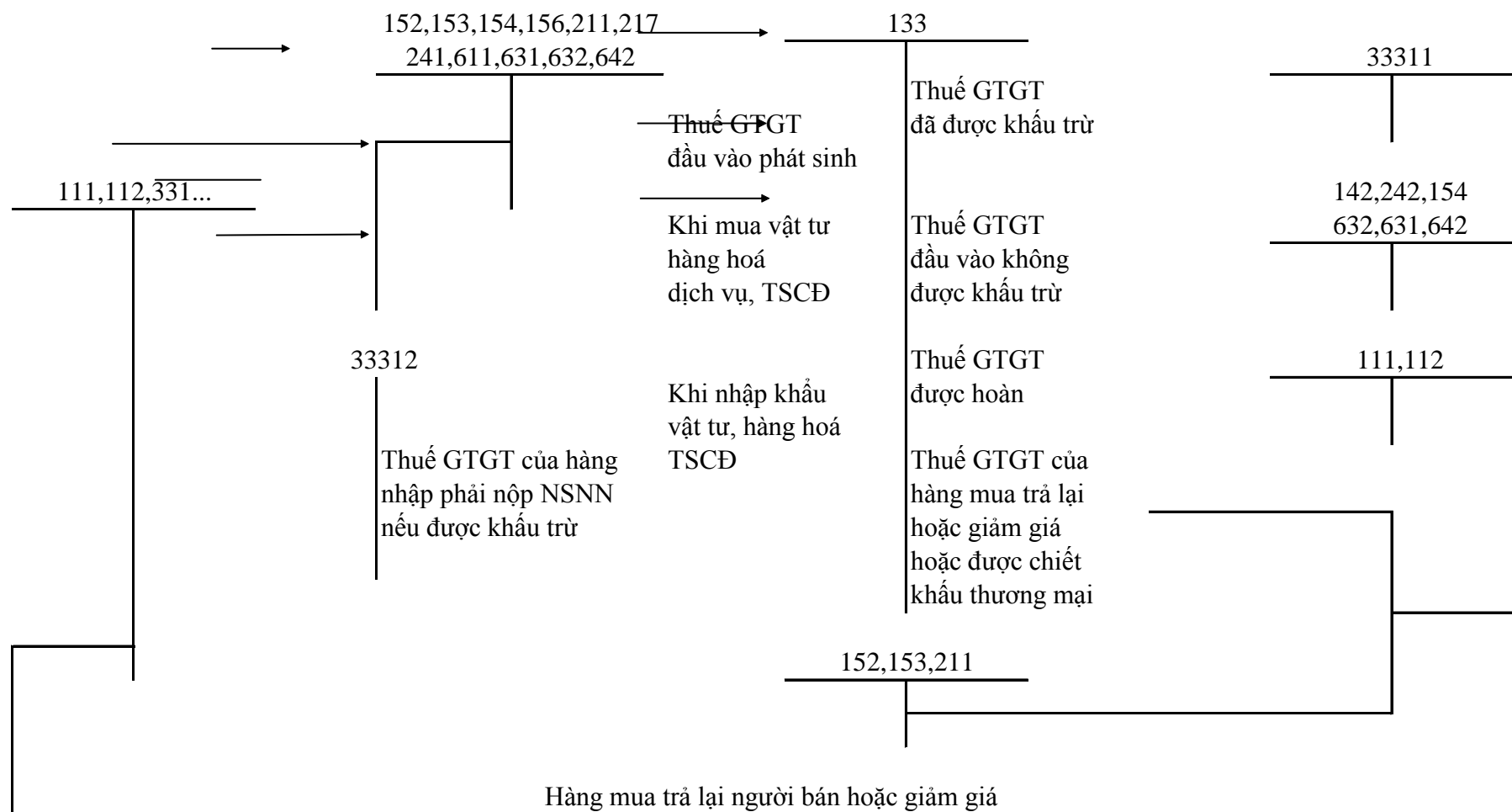


#### 4. Tổ chức sổ kế toán

Theo mỗi hình thức kế toán khác nhau, sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thuế GTGT cũng khác nhau. Quy trình ghi sổ diễn ra như sau:

Chú ý: Căn cứ để xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu (đối với hàng hóa nhập khẩu), chứng từ nộp thuế GTGT thay cho pgias nước ngoài theo quy định của pháp luật (trường hợp nộp hộ thuế cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nhưng không thành lập pháp nhân tại Việt Nam)

KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐẦU VÀO



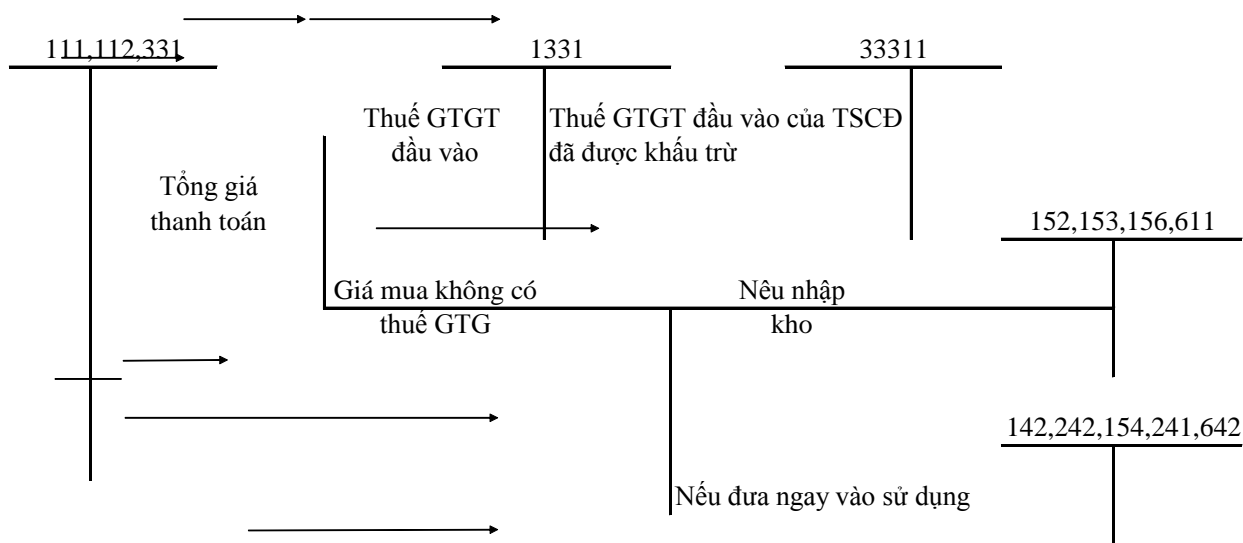
Chú ý: Căn cứ để xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là số tiền thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT khi mua TSCĐ, vật tư, hàng hoá dịch vụ, chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu (đối với hàng hoá nhập khẩu); chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo quy định của pháp luật (trường hợp nộp hộ thuế cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nhưng không thành lập pháp nhân tại Việt Nam)



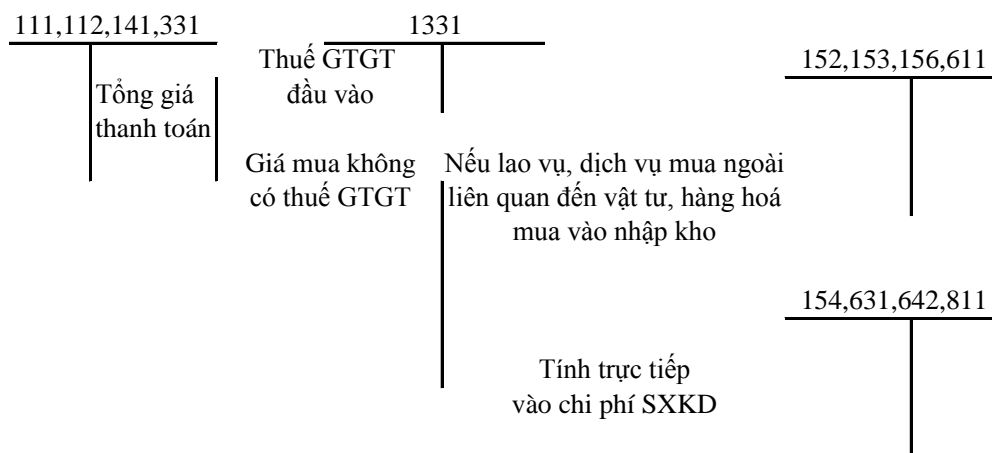


**KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO**

**1. Kế toán thuế GTGT đầu vào của vật tư, hàng hoá mua nội địa**

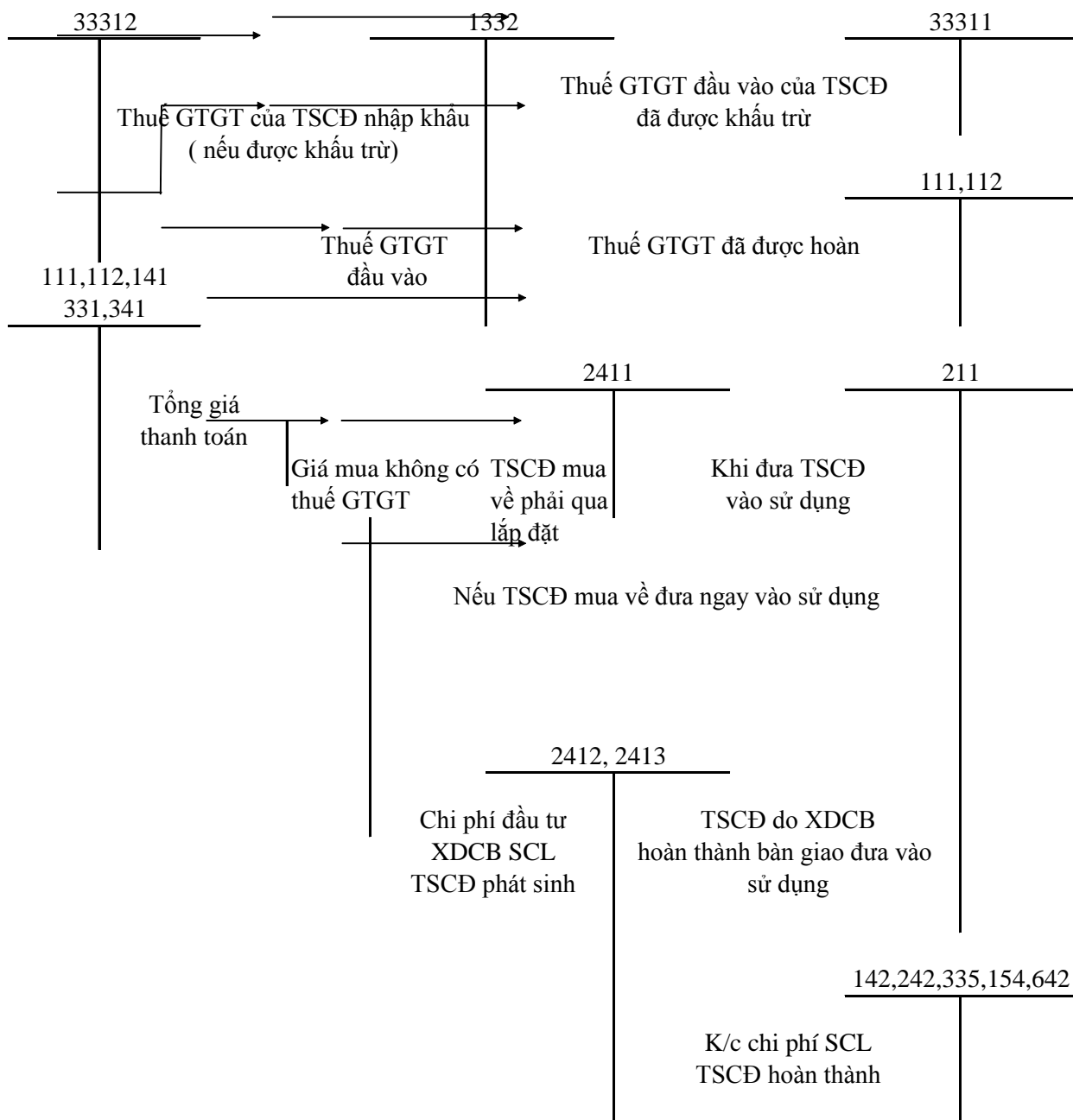


**2. Kế toán thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua ngoài**



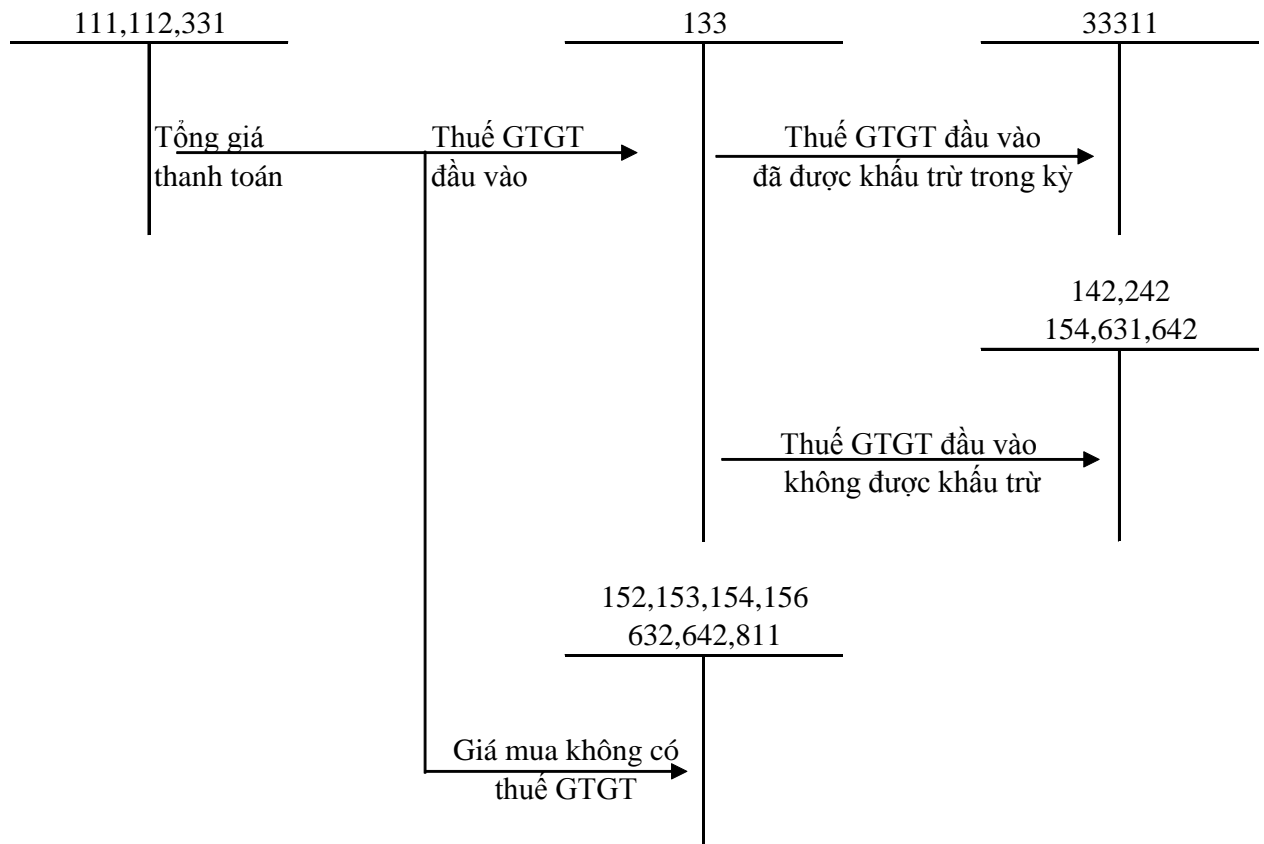
**Chú ý:** Nếu hàng hoá dịch vụ mua vào là loại hàng hoá đặc thù ghi thanh toán là giá đã có thuế GTGT như vé cước vận tải, tem bưu chính ... thì bên mua phải tách thuế GTGT đầu vào để khấu trừ và giá mua chưa có thuế GTGT

**KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO CỦA TSCĐ ĐẦU TƯ, MUA SẮM SỬA CHỮA**



Chú ý: Trường hợp hàng hoá, dịch vụ mua vào không có hoá đơn GTGT hoặc có hoá đơn GTGT nhưng dụng không đúng quy định của pháp luật thì DN không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào như: hoá đơn GTGT không ghi thuế GTGT( trừ TH hàng hoá dịch vụ đặc thù); không ghi hoặc ghi không đúng địa chỉ, mã số thuế, hoá đơn bị giả, hoá đơn bị tẩy xoá, hoá đơn khống; hoá đơn ghi giá trị không đúng giá trị thực tế của hàng hoá dịch vụ mua bán trao đổi.

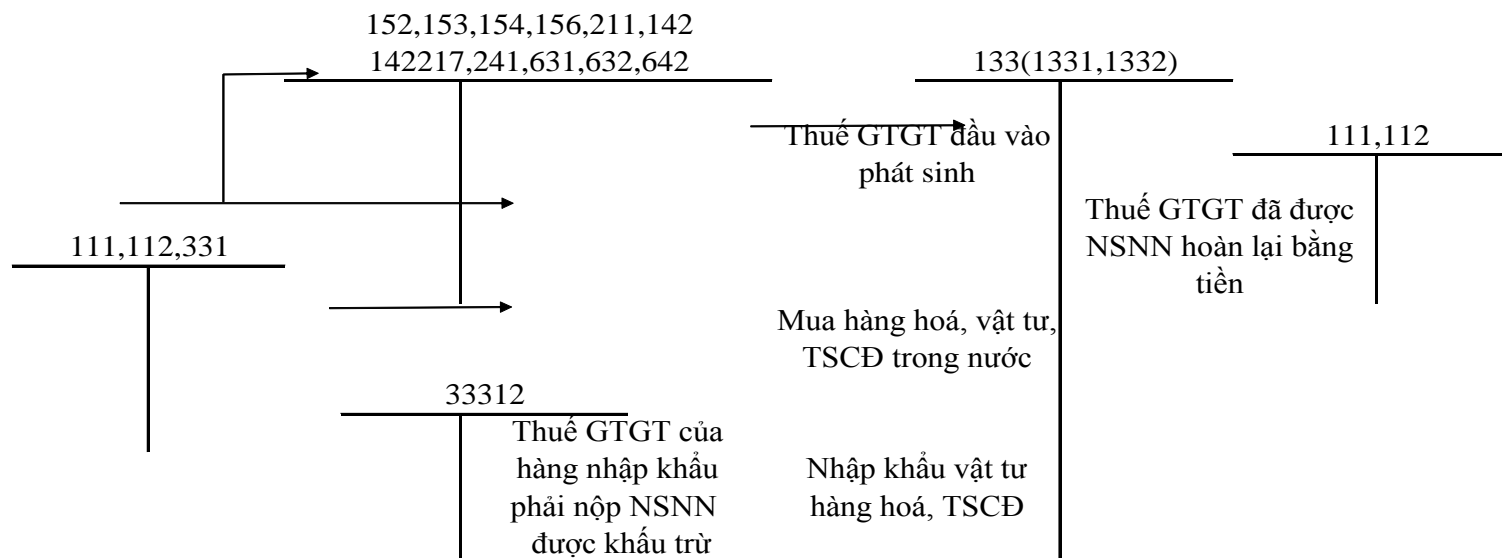
**KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO ĐÃ ĐƯỢC KHẤU TRỪ  
VÀ KHÔNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**



**Chú ý:**

- Thuế GTGT đầu vào của vật tư, hàng hoá và dịch vụ mua về dùng đồng thời cho hoạt động SXKD hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT đầu vào và không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT nhưng DN không hạch toán riêng được thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. Trường hợp này thuế GTGT được khấu trừ theo tỷ lệ giữa doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ
- Thuế GTGT không được khấu trừ được phản ánh vào các tài khoản liên quan tùy theo từng trường cụ thể: thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của vật tư, hàng hoá, dịch vụ ghi nợ TK 632/ có TK nếu phát sinh lớn phải phân bổ dần: Ghi Nợ TK 142,242/ Có TK 133

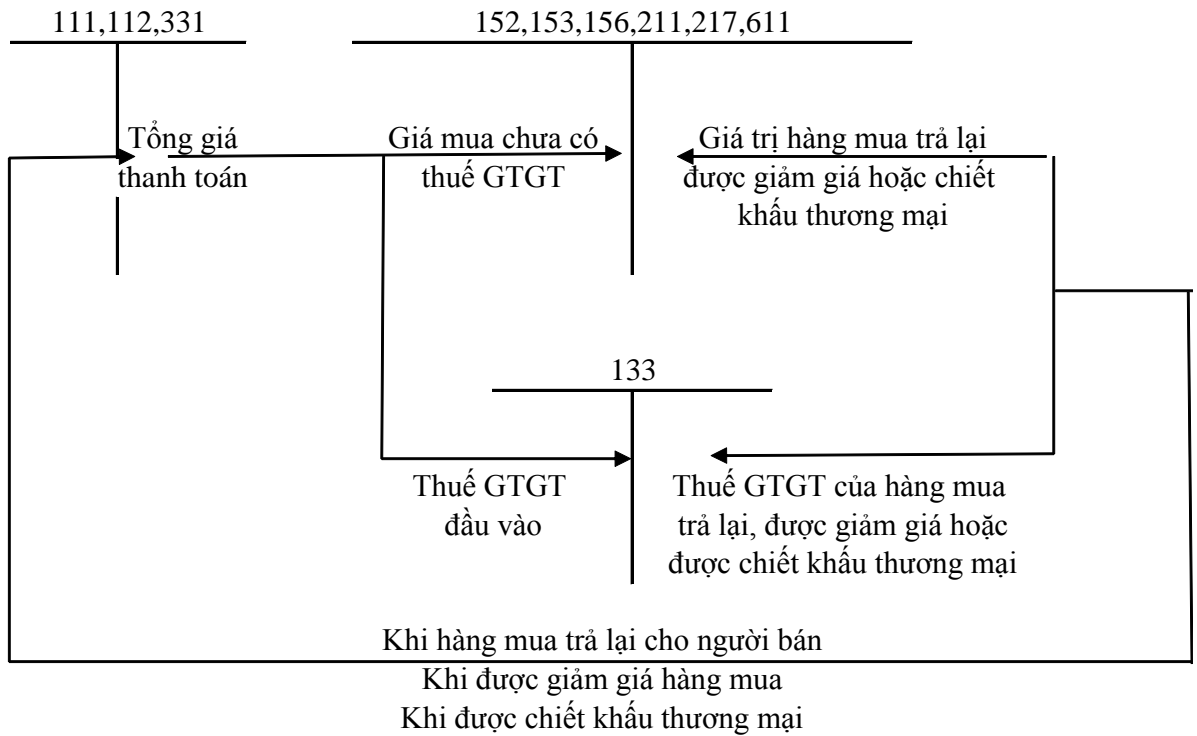
KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN



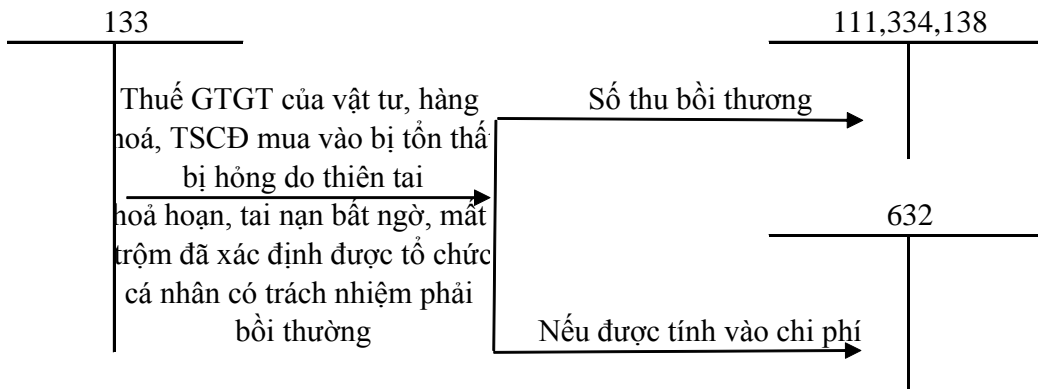
Chú ý:

- Thuế GTGT được hoàn khi đã nhận được tiền cuốn NSNN , ghi nợ TK 111,112/ Có TK 133
- Doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ được xét hoàn thuế trong các trường hợp sau:  
 DN trong 3 tháng liên tục trở lên( không phân biệt theo quý của năm dương lịch cũng như niên độ kế toán), có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết. Trường hợp này áp dụng cho cả DN có đầu tư mới, đầu tư chiều sâu.  
 DN trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, nếu có số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng. DN có hàng hoá xuất khẩu thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT phải đủ các điều kiện, thủ tục theo quy định
- DN đầu tư mới đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, phát sinh thuế đầu ra. Và thời gian đầu tư từ một năm trở lên thì DN vẫn phải lập tờ khai thuế hàng tháng và được xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm dương lịch. Số thuế GTGT đầu vào của tài sản đầu tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo từng quý( 3 tháng liên tục không phân biệt theo năm)

**KẾ TOÁN THUẾ GTGT CỦA HÀNG MUA TRẢ LẠI, ĐƯỢC GIẢM GIÁ  
HOẶC ĐƯỢC CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI**

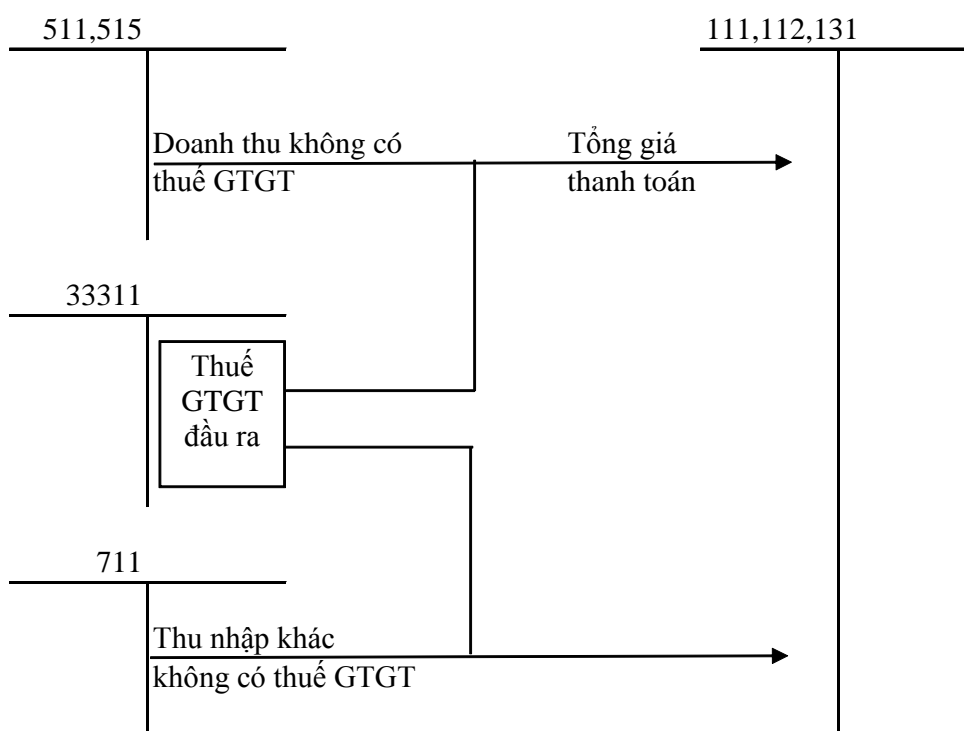


**KẾ TOÁN THUẾ GTGT CỦA VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, TSCĐ MUA VÀO BỊ TỖN THẤT**



Chú ý: Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, vật tư, TSCĐ mua vào bị tổn thất do thiên tai, hoả hoạn tai nạn bất ngờ, bị mất trộm, nếu xác định được tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bồi thường thì thuế GTGT đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường không đ khấu trừ

**KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU RA**



**Chú ý:**

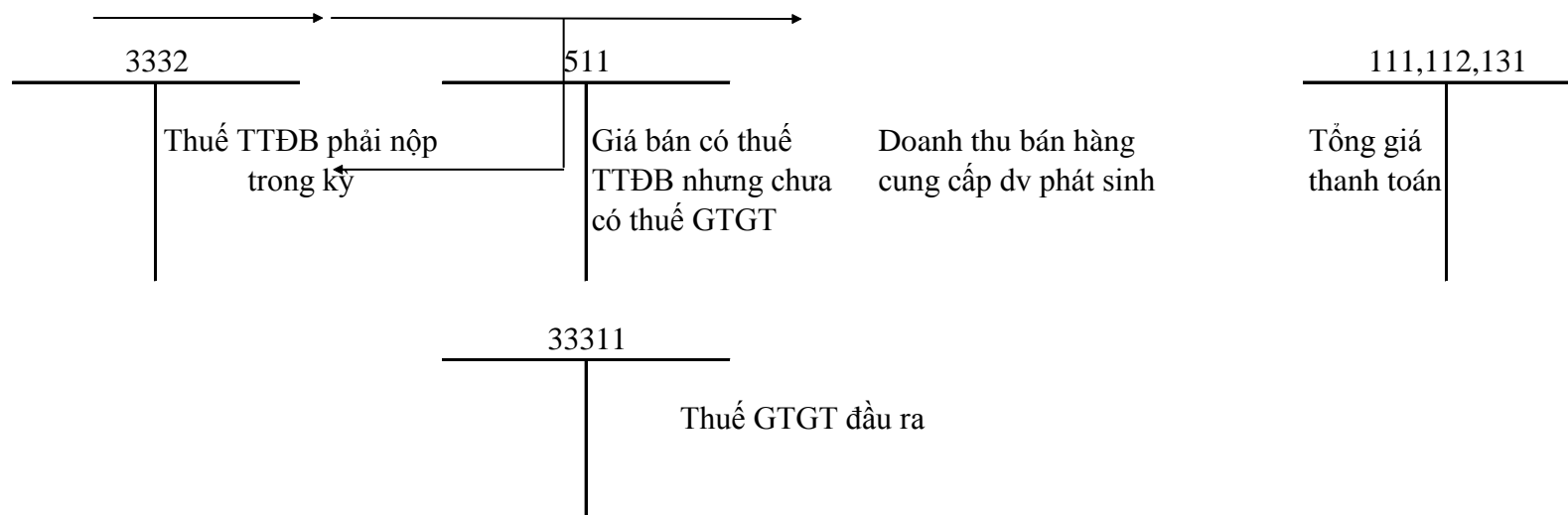
Khi bán hàng hoá, dịch vụ phải sử dụng hoá đơn GTGT

DN trực tiếp bán lẻ hàng hoá, cung cấp dịch vụ có giá trị thấp dưới mức quy định thì không phải lập hoá đơn ( nếu người mua không yêu cầu) thì phải lập bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ đồng thời phải tách doanh thu bán hàng không có thuế và thuế GTGT đầu ra

Giá tính thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ do DN bán ra hoặc cung ứng cho đối tượng khác là giá chưa có thuế GTGT

Giá tính thuế GTGT đối các loại hàng hoá, dịch vụ bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hoá, dịch vụ mà DN được hưởng, trừ các khoản phụ thu và phí DN phải nộp NSNN. Trường hợp DN áp dụng hình thức giảm giá thì giá tính thuế GTGT là giá bán đã giảm ghi trên hoá đơn

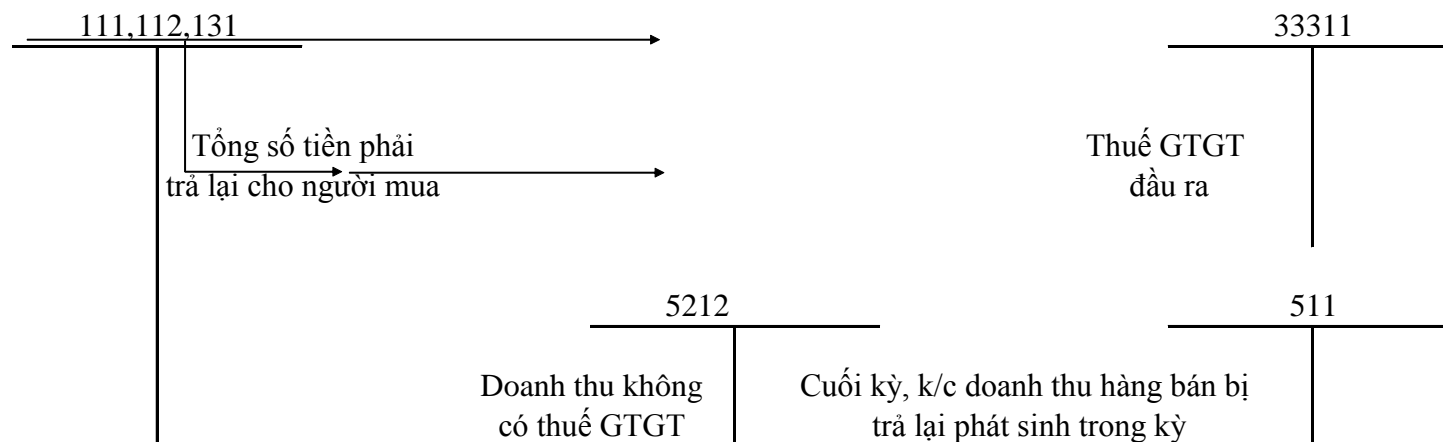
**KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU RA CỦA HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ  
CHỊU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT Ở KHÂU SẢN XUẤT, KINH DOANH  
TRONG NƯỚC PHẢI NỘP NSNN**



Chú ý:

Giá tính thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ chịu thuế TTĐB là giá bán đã có thuế TTĐB nhưng chưa có thuế GTGT  
Giá tính thuế TTĐB đối với hàng hoá sản xuất trong nước là giá bán của DN chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT  
Giá tính thuế TTĐB đối với dịch vụ là giá cung ứng dịch vụ của DN chưa có thuế GTGT và TTĐB

**KÊ TOÁN THUẾ GTGT HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI**



**Chú ý:**

Khi mua hàng hoá, người bán đã xuất hoá đơn, người mua đã nhận hàng, nhưng sau đó người mua phát hiện hàng hoá không đúng quy cách chất lượng phải trả lại toàn bộ hay một phần hàng hoá, khi xuất hàng trả lại cho người bán, người mua phải lập hoá đơn, trên hoá đơn ghi rõ hàng hoá trả lại người bán do không đúng quy cách, chất lượng, tiền thuế GTGT. Hoá đơn này là căn cứ để bên bán, bên mua điều chỉnh doanh số mua, bán, số thuế GTGT đã kê khai.

Nếu người mua là đối tượng không có hoá đơn, khi trả lại hàng hoá, bên mua và bên bán phải lập biên bản hoặc thoả thuận bằng văn bản ghi rõ loại hàng hoá, số lượng, giá trị hàng trả lại theo giá không có thuế GTGT, tiền thuế GTGT theo hoá đơn bán hàng( số, ký hiệu, ngày, tháng của hoá đơn), lý do trả hàng kèm theo hoá đơn gửi cho bên bán. Biên bản này được lưu giữ cùng với hoá đơn bán hàng để làm căn cứ điều chỉnh kê khai doanh số bán, thuế GTGT của bên bán

Nếu người mua đã xuất hàng và lập hoá đơn, người mua chưa nhận hàng nhưng phát hiện hàng hoá không đúng quy cách, chất lượng phải trả lại toàn bộ hoặc một phần hàng hoá, khi trả lại hàng bên mua và bên bán phải lập biên bản ghi rõ hàng hoá, số lượng, giá trị chưa có thuế GTGT, tiền thuế GTGT, lý do trả hàng theo hoá đơn bán hàng đồng thời kèm theo hoá đơn để gửi trả bên bán để bên bán lập lại hoá đơn GTGT cho số lượng hàng hoá đã nhận và làm căn cứ bên bán điều chỉnh doanh số và thuế GTGT đầu ra.

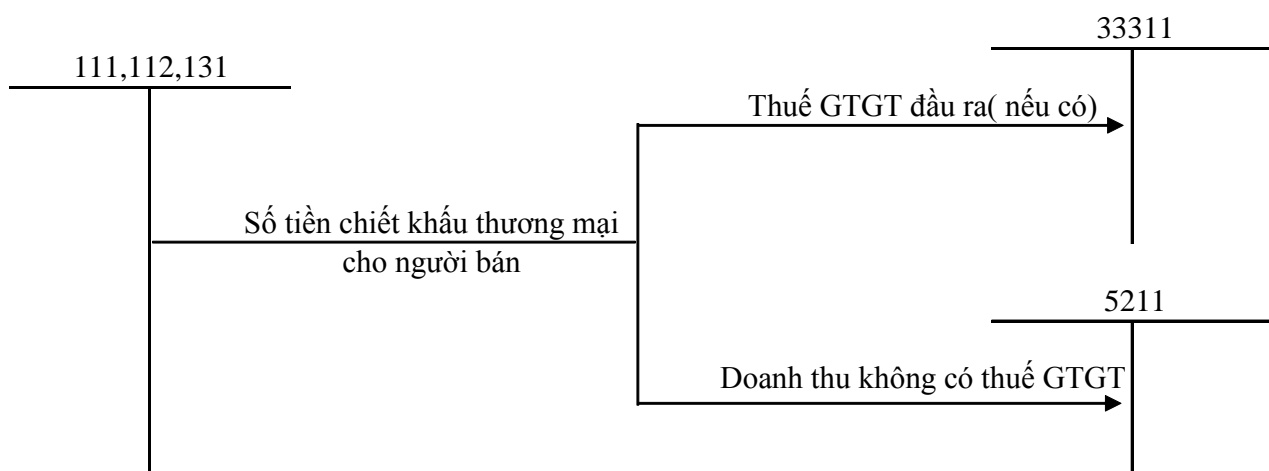
DN áp dụng phương pháp trực tiếp, khi phát sinh hàng bán bị trả lại, ghi: Nợ TK 5212/Có TK111,112,131( theo doanh thu bán hàng bị trả lại có cả thuế GTGT).



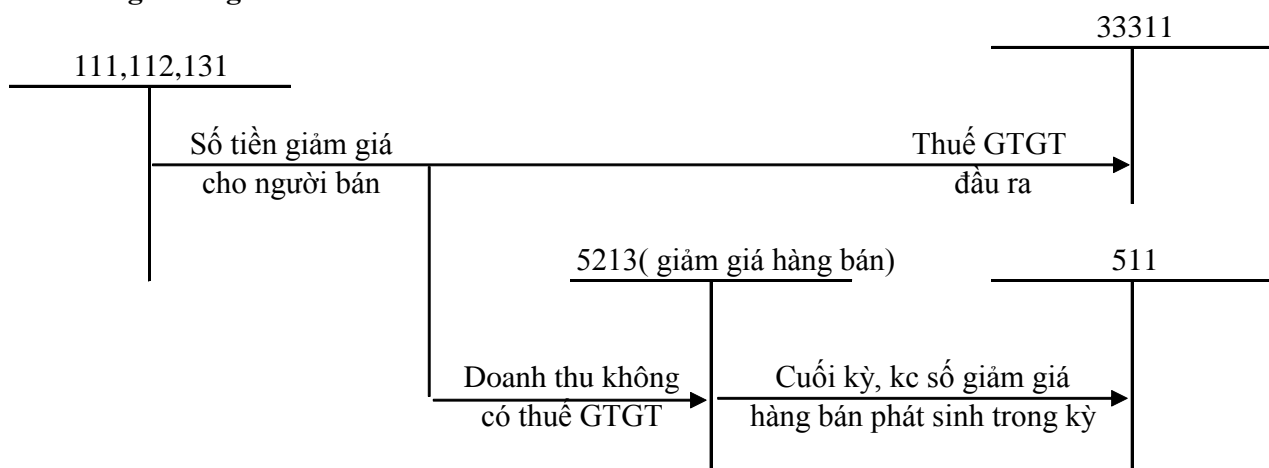


**KẾ TOÁN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI VÀ GIẢM GIÁ HÀNG BÁN**

**1. Chiết khấu thương mại**



**2. Giảm giá hàng bán**



**Chú ý:**

Hàng hoá, dịch vụ có giảm giá ghi trên hoá đơn thì trên hoá đơn phải ghi rõ: tỷ lệ % hoặc mức giảm giá bán chưa có thuế GTGT( giá bán đã giảm giá), thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT. Nếu việc giảm giá áp dụng căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hoá, dịch vụ thực tế mua đạt mức nhất định thì số tiền giảm giá của hàng hoá đã bán được tính điều chỉnh trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trên hoá đơn phải ghi rõ số hoá đơn và số tiền được giảm giá. Nếu khách hàng không tiếp tục mua hàng hoá thì cơ sở kinh doanh lập phiếu chi tiền chi khách hàng đúng quy định.

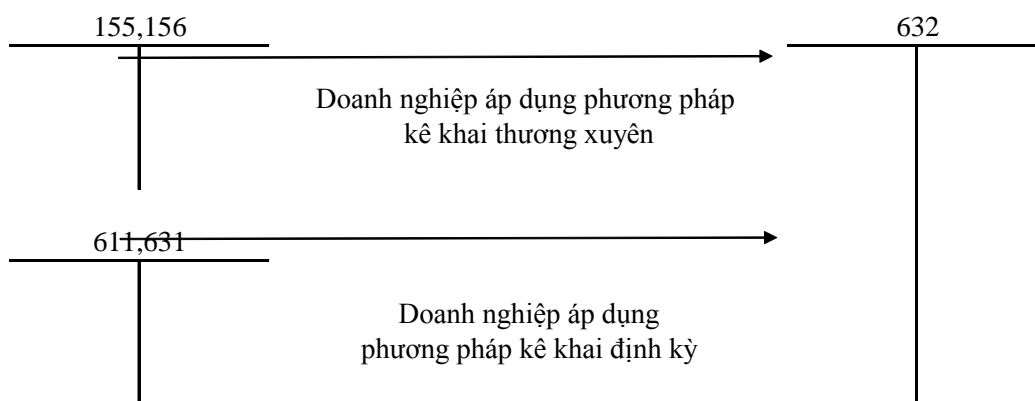
Đối với DN đã xuất bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ và lập hoá đơn do hàng hoá và dịch vụ không đảm bảo chất lượng, quy cách.... phải điều chỉnh( tăng, giảm) giá bán thì bên bán và bên mua phải lập biên bản hoặc có thoả thuận bằng văn bản ghi rõ số lượng, quy cách hàng hoá, mức giá tăng( giảm) theo hoá đơn bán hàng, lý do tăng giảm, đồng thời bên bán lập hoá đơn điều chỉnh mức giá được điều chỉnh. Hoá đơn phải ghi rõ điều chỉnh giá cho hàng hoá, dịch vụ tại hoá đơn số, ký hiệu... Căn cứ vào hoá đơn điều chỉnh giá, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào. Các trường hợp sử dụng hoá đơn điều chỉnh DN không được ghi số âm.

**KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐỐI VỚI SẢN PHẨM HÀNG HOÁ DÙNG ĐỂ TRAO ĐỔI**

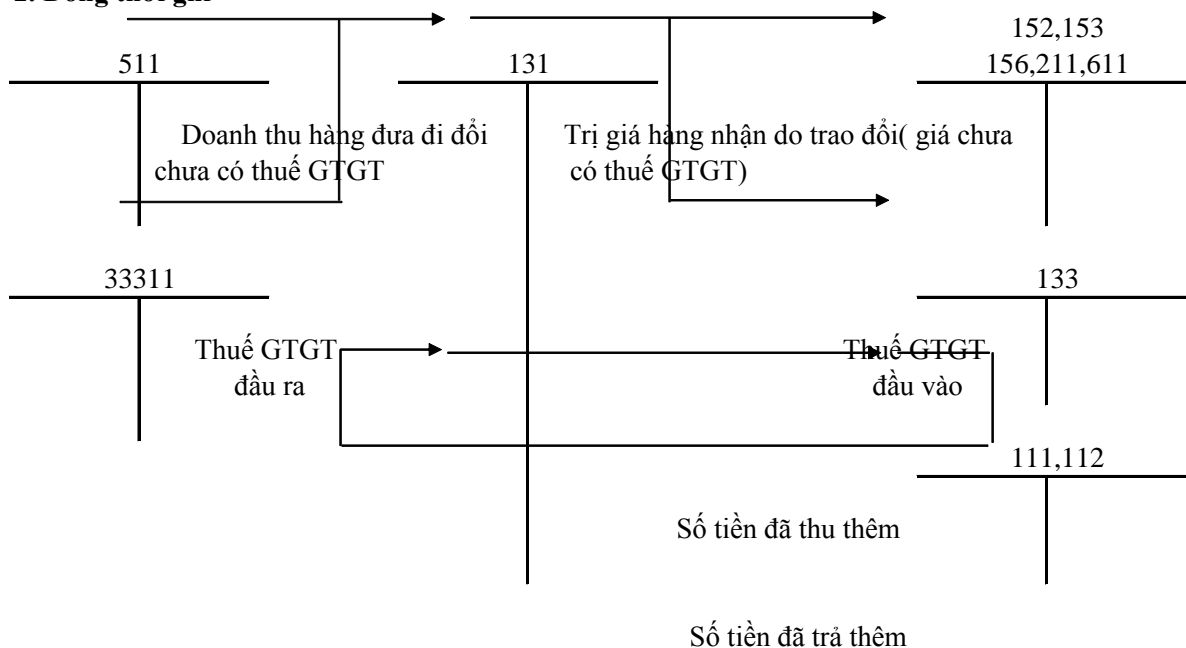
I. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ

1. Trường hợp xuất thành phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT trao đổi lấy TSCĐ vật tư, hàng hoá không tương tự để dùng vào hoạt động SXKD hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT

**1. Trị giá hàng xuất kho đưa đi đổi**



**2. Đồng thời ghi**



Chú ý:

Trao đổi thành phẩm, hàng hoá không tương tự phải hạch toán như mua, bán. Hàng đưa đi trao đổi phải hạch toán xem như mua, hàng nhận được do trao đổi phải hạch toán xem như bán

Khi xuất hàng để trao đổi phải lập hoá đơn GTGT( hoặc hoá đơn bán hàng), trên hoá đơn ghi đầy đủ các chi tiêu và tính thuế GTGT như hoá đơn xuất bán hàng hoá cho khách hàng, Khi nhận hàng do trao đổi phải tách thuế GTGT đầu vào được khấu trừ căn cứ vào hoá đơn GTGT của bên có hàng trao đổi

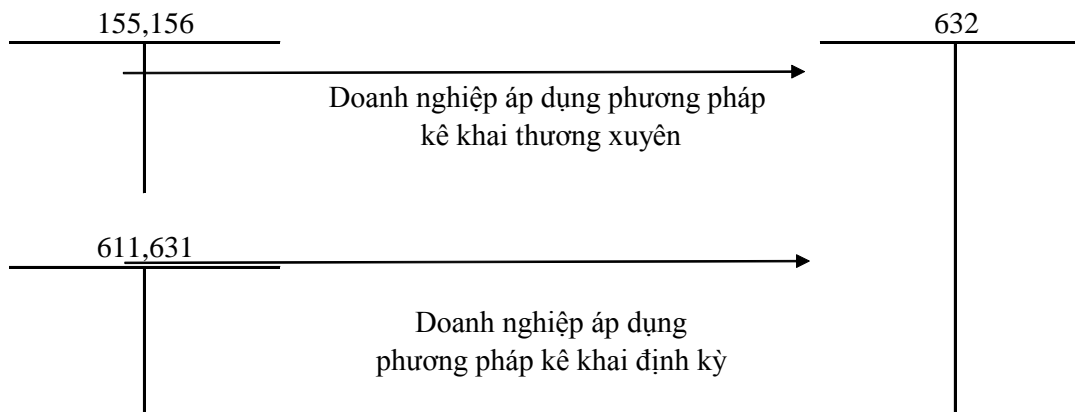
Trị giá hàng nhận được do trao đổi được xác định theo giá trị hợp lý của hàng nhận về hoặc giá trị hợp lý của hàng đưa đi trao đổi sau khi điều chỉnh số tiền phải thu thêm hoặc trả thêm

Giá tính thuế GTGT của hàng xuất để trao đổi là giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hoá cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh hoạt động này

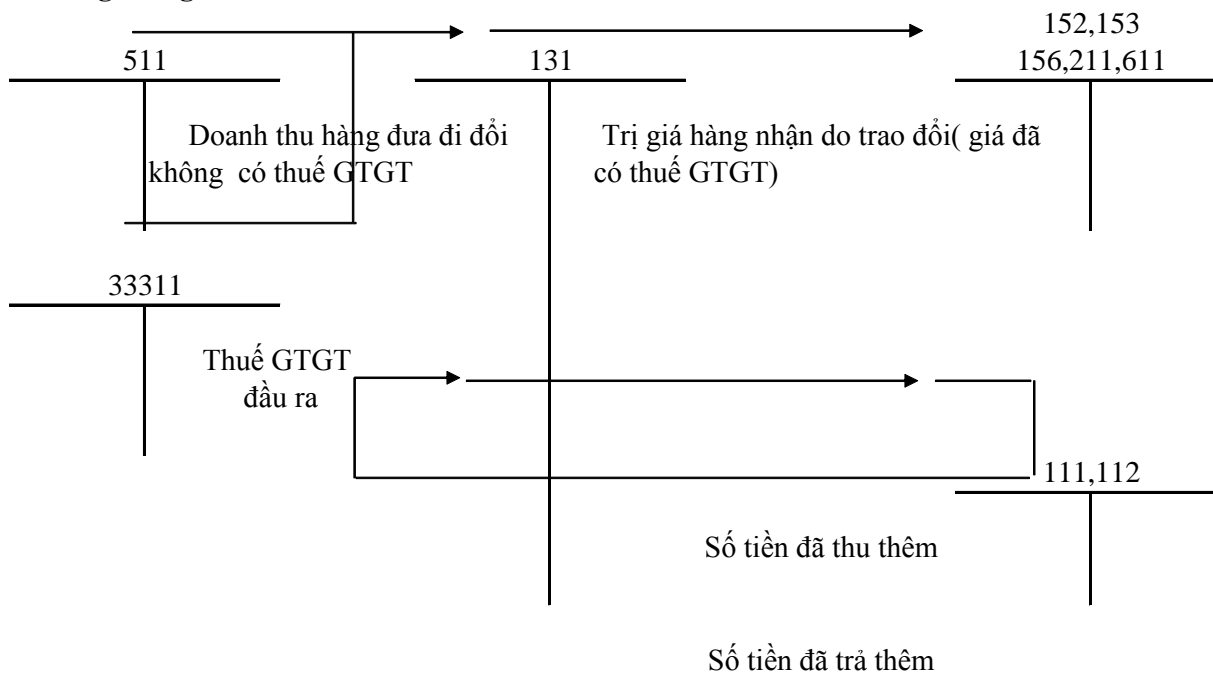
Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với sản phẩm, hàng hoá dùng để trao đổi được xác định theo giá bán của sản phẩm, hàng hoá cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm trao đổi.

2. Trường hợp xuất thành phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT trao đổi lấy TSCĐ vật tư, hàng hoá không tương tự để dùng vào hoạt động SXKD hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế

**1. Trị giá hàng xuất kho đưa đi đổi**



**2. Đồng thời ghi**



Chú ý:

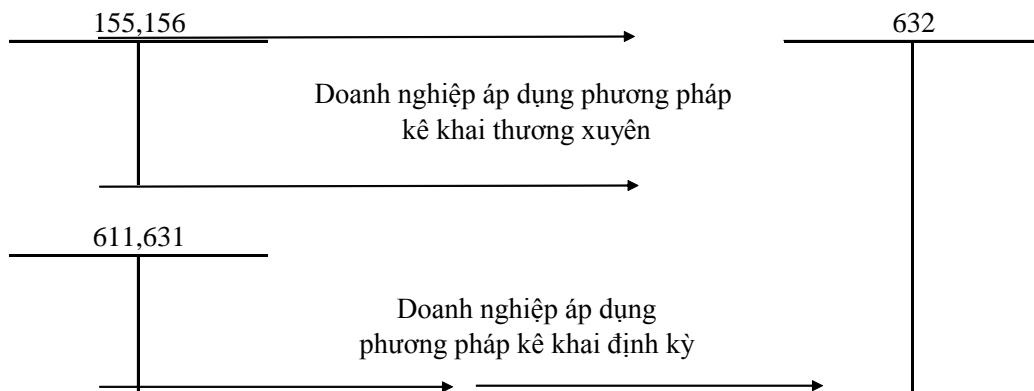
Khi xuất hàng để trao đổi phải lập hoá đơn GTGT

Trị giá hàng nhận được do trao đổi bao gồm cả thuế GTGT đầu vào căn cứ vào hoá đơn của bên có hàng trao đổi

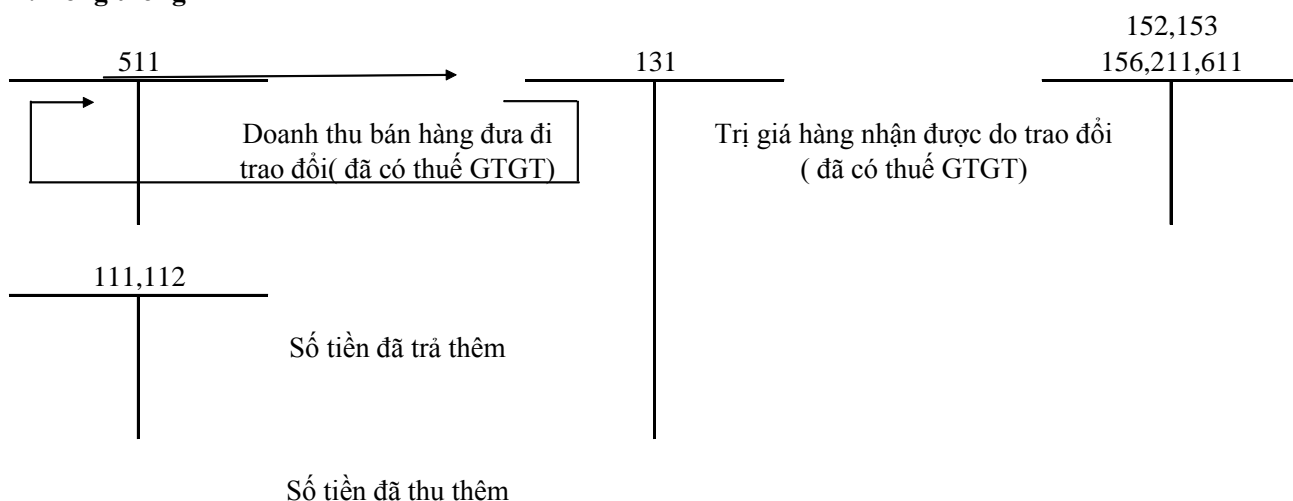
**II. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp trực tiếp**

**1. Trị giá hàng xuất kho đưa đi đổi**

**1. Trị giá hàng xuất kho đưa đi đổi**



**2. Đồng thời ghi**



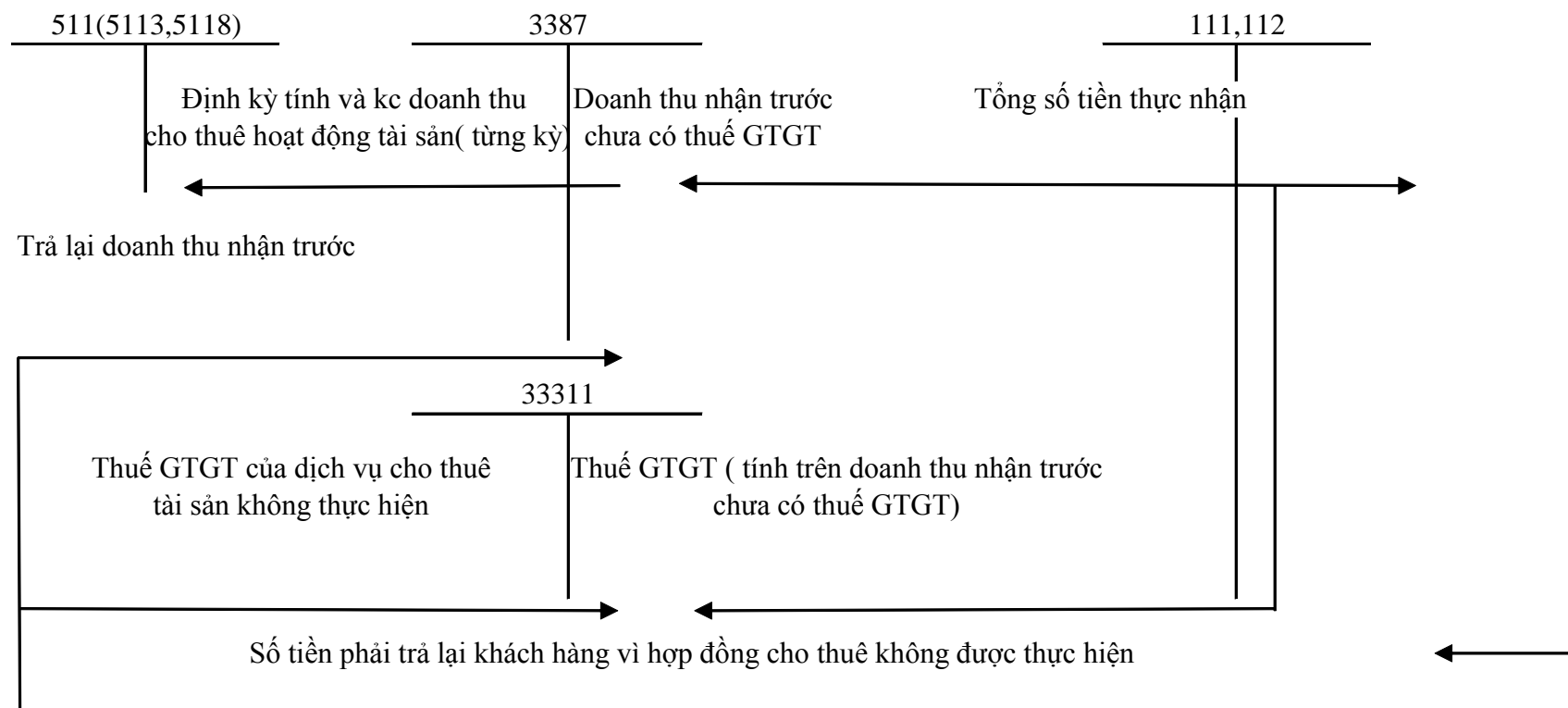
Chú ý:

Khi xuất hàng để trao đổi phải lập hoá đơn bán hàng thông thường

Doanh thu hàng đưa đi đổi bao gồm cả thuế GTGT đầu ra: trị giá hàng nhận được do trao đổi bao gồm cả thuế GTGT đầu vào

**KẾ TOÁN THUẾ GTGT DỊCH VỤ CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG TÀI SẢN**

Trường hợp cho thuê hoạt động TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình hoặc bất động sản đầu tư( gọi chung là cho thuê hoạt động tài sản) thu tiền trước cho thuê nhiều kỳ, doanh thu của kỳ kế toán được xác định bằng tổng số tiền cho thuê hoạt động tài sản đã thu chia cho số kỳ thu tiền trước cho thuê hoạt động tài sản. Trong đó doanh thu cho thuê hoạt động TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình phản ánh vào bên có TK 5113(doanh thu cung cấp dịch vụ); doanh thu cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư phản ánh vào bên có TK 5118( doanh thu khác).

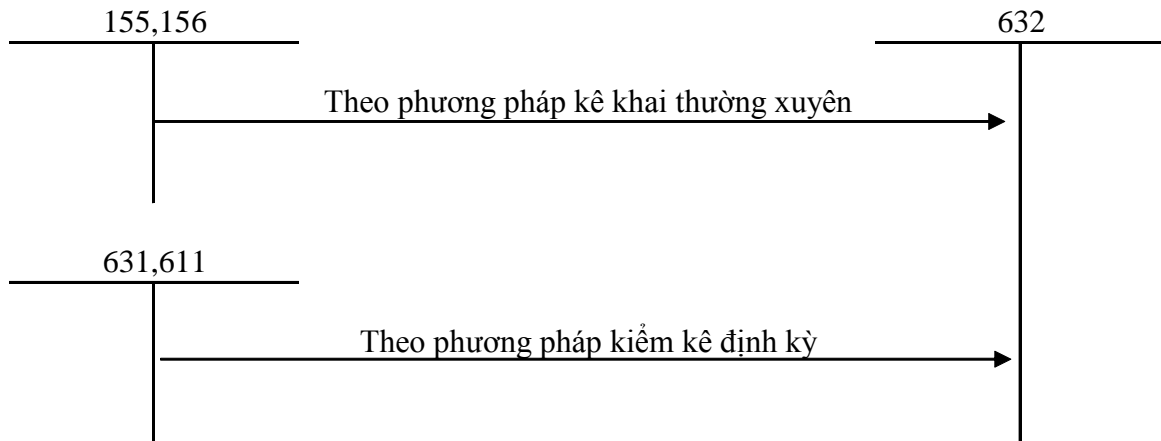


**KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐỐI VỚI SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ**

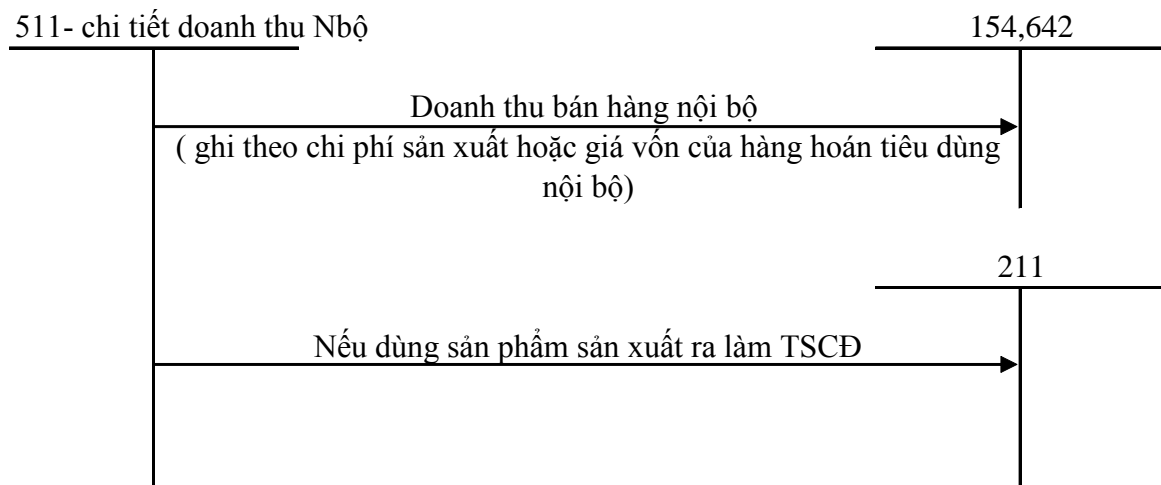
**TIÊU DÙNG NỘI BỘ, KHUYẾN MẠI, QUẢNG CÁO**

I. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ xuất kho để tiêu dùng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo, phục vụ cho hoạt động SXKD hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ

**1. Phản ánh trị giá hàng xuất kho tiêu dùng nội bộ**



**2. Đồng thời ghi doanh thu bán hàng nội bộ**



Chú ý:

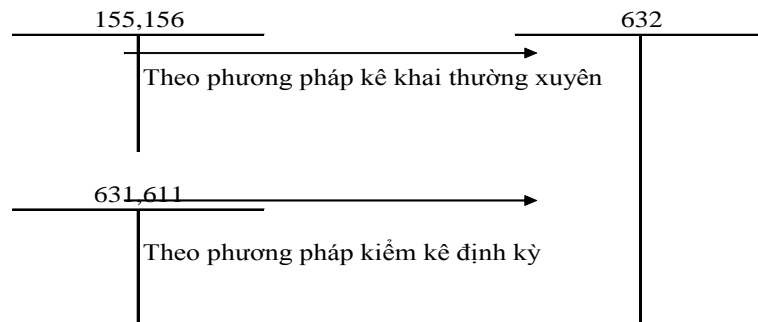
Đối với sản phẩm, hàng hoá xuất để tiêu dùng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo phục vụ cho SXKD hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh nghiệp phải lập hoá đơn GTGT, trên hoá đơn ghi rõ là hàng tiêu dùng nội bộ phục vụ cho SXKD hay khuyến mại, quảng cáo không thu tiền, DN dùng hoá đơn để làm chứng từ thanh toán

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN đối với sản phẩm doanh nghiệp làm ra dùng để trang bị thưởng cho người lao động... được xác định theo giá bán của sản phẩm, hàng hoá cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm trang bị, thưởng cho người lao động

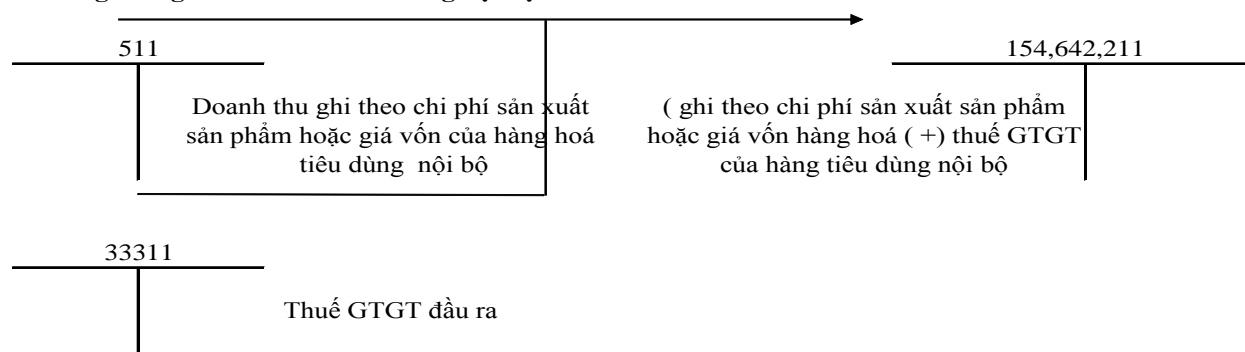
Đối với hàng hoá, dịch vụ do doanh nghiệp làm ra tự dùng để phục vụ cho quá trình SXKD như: đi dùng, sản phẩm sản xuất ra dùng làm TSCĐ, sản phẩm XDCB tự làm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN là chi phí sản xuất ra sản phẩm đó

**II. Trường hợp xuất sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ để tiêu dùng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo phục vụ cho hoạt động SXKD hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì phải tính thuế GTGT đầu ra:**

**1. Phản ánh trị giá hàng xuất kho để tiêu thụ nội bộ**



**2. Đồng thời ghi doanh thu bán hàng nội bộ**



Chú ý:

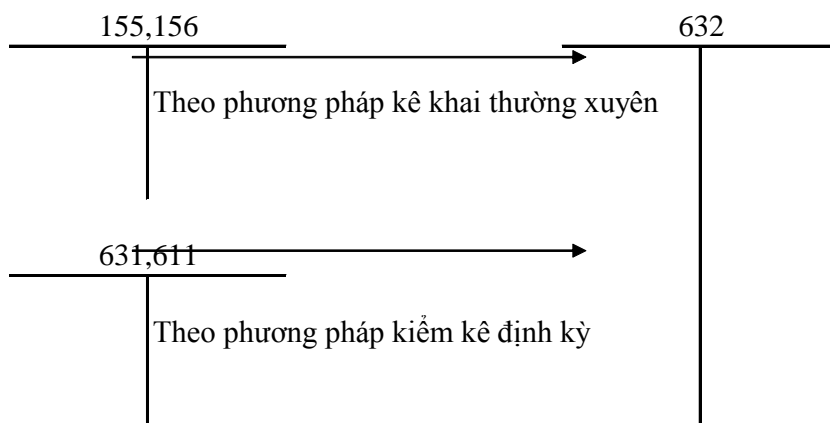
Khi DN xuất sản phẩm, hàng hoá chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ để tiêu dùng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo phục vụ cho SXKD hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải lập hoá đơn GTGT và trên hoá đơn ghi đầy đủ các chi tiêu và tính thuế GTGT như hoá đơn xuất bán hàng hoá cho khách hàng. Giá tính thuế GTGT trong trường hợp này được xác định theo giá bán của sản phẩm, hàng hoá cùng loại tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN là chi phí sản xuất sản phẩm đó. Trường hợp này thuế GTGT không được khấu trừ phải tính vào chi phí SXKD.



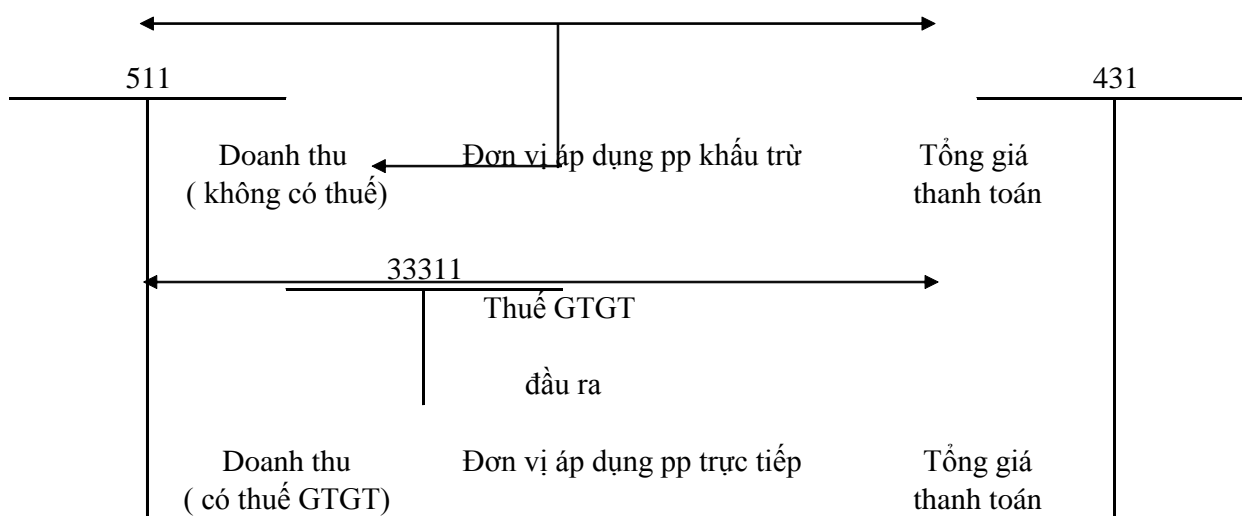
## KẾ TOÁN SỬ DỤNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ ĐỂ BIỂU TẶNG

Trường hợp sử dụng sản phẩm, hàng hoá chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ để biếu tặng các đơn vị, cá nhân bên ngoài được trang trải bằng quỹ khen thưởng, phúc lợi thì số thuế GTGT đầu ra phải nộp NSNN không được khấu trừ

### 1. Phản ánh trị giá hàng xuất kho để biếu tặng



### 2. Đồng thời ghi doanh thu bán hàng



Chú ý:

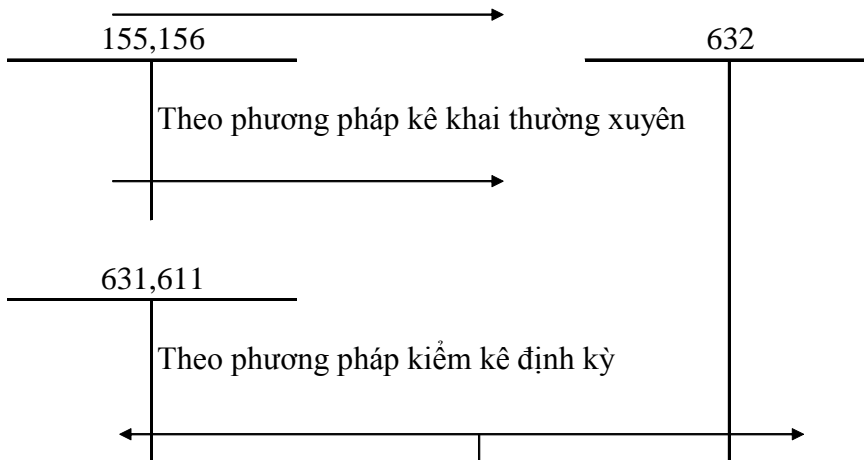
Khi DN xuất sản phẩm, hàng hoá để biếu tặng cho đơn vị, cá nhân bên ngoài bằng quỹ khen thưởng phúc lợi phải lập hoá đơn GTGT hoặc hoá đơn bán hàng, trên hoá đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hoá đơn xuất bán hàng cho khách hàng.

Giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hoá xuất để biếu, tặng được xác định theo giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hoá cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh các hoạt động này.

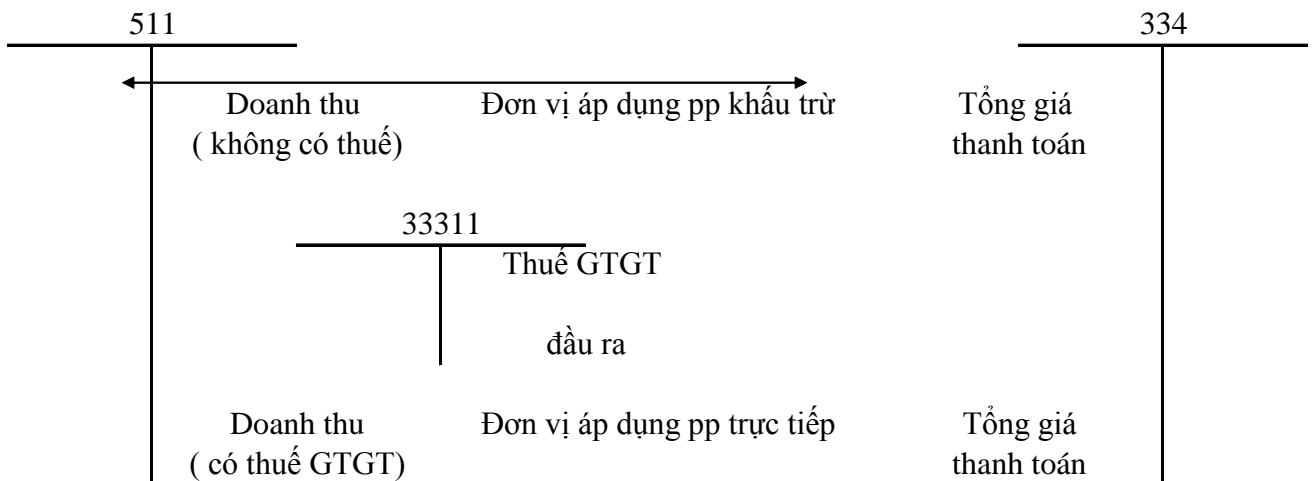
Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của sản phẩm, hàng hoá xuất để biếu tặng được xác định là tiền bán sản phẩm, hàng hoá cùng loại hoặc tương đương trên thị trường tại thời điểm biếu tặng

**KẾ TOÁN SỬ DỤNG SẢN PHẨM HÀNG HOÁ CHỊU THUẾ GTGT  
ĐỂ TRANG BỊ, THƯỞNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

1. Phản ánh giá hàng xuất kho để trang bị, thưởng cho người lao động



2. Đồng thời ghi doanh thu bán hàng



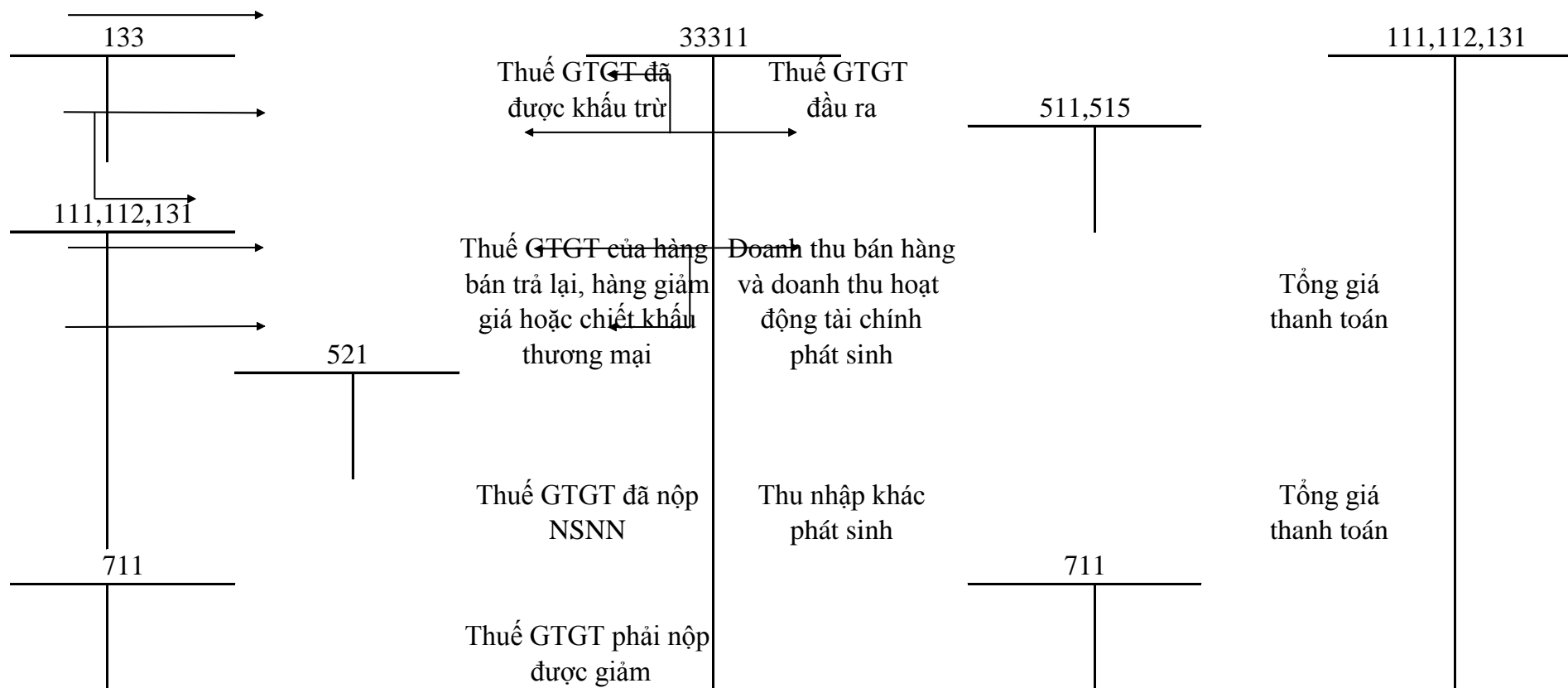
Chú ý:

Giá tính thuế GTGT đối với sản phẩm, hàng hoá xuất để trang bị, thưởng cho người lao động được xác định theo giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hoá cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN đối với sản phẩm, hàng hoá xuất để trang bị, thưởng cho người lao động được xác định là tiền bán sản phẩm, hàng hoá cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm trang bị, thưởng cho người lao động

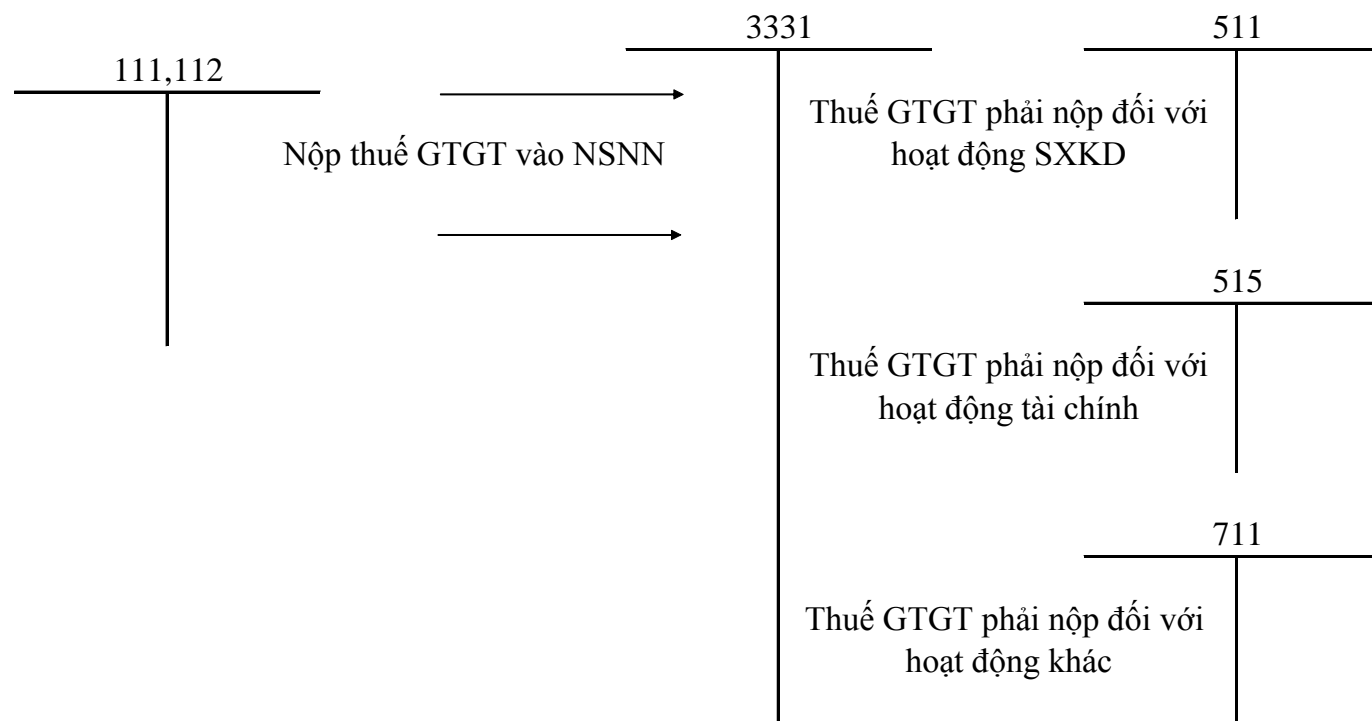
Khi xuất sản phẩm, hàng hoá để trang bị, thưởng cho người lao động, đơn vị phải lập hoá đơn GTGT hoá đơn ghi đầy đủ các chi tiêu và tính thuế GTGT như hoá đơn xuất bán hàng cho khách hàng

KẾ TOÁN TỔNG HỢP THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA PHẢI NỘP NSNN



**KẾ TOÁN THUẾ GTGT PHẢI NỘP Ở DOANH NGHIỆP  
NỘP THUẾ GTGT TÍNH THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP**

Các doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, cuối kỳ số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp ghi: →

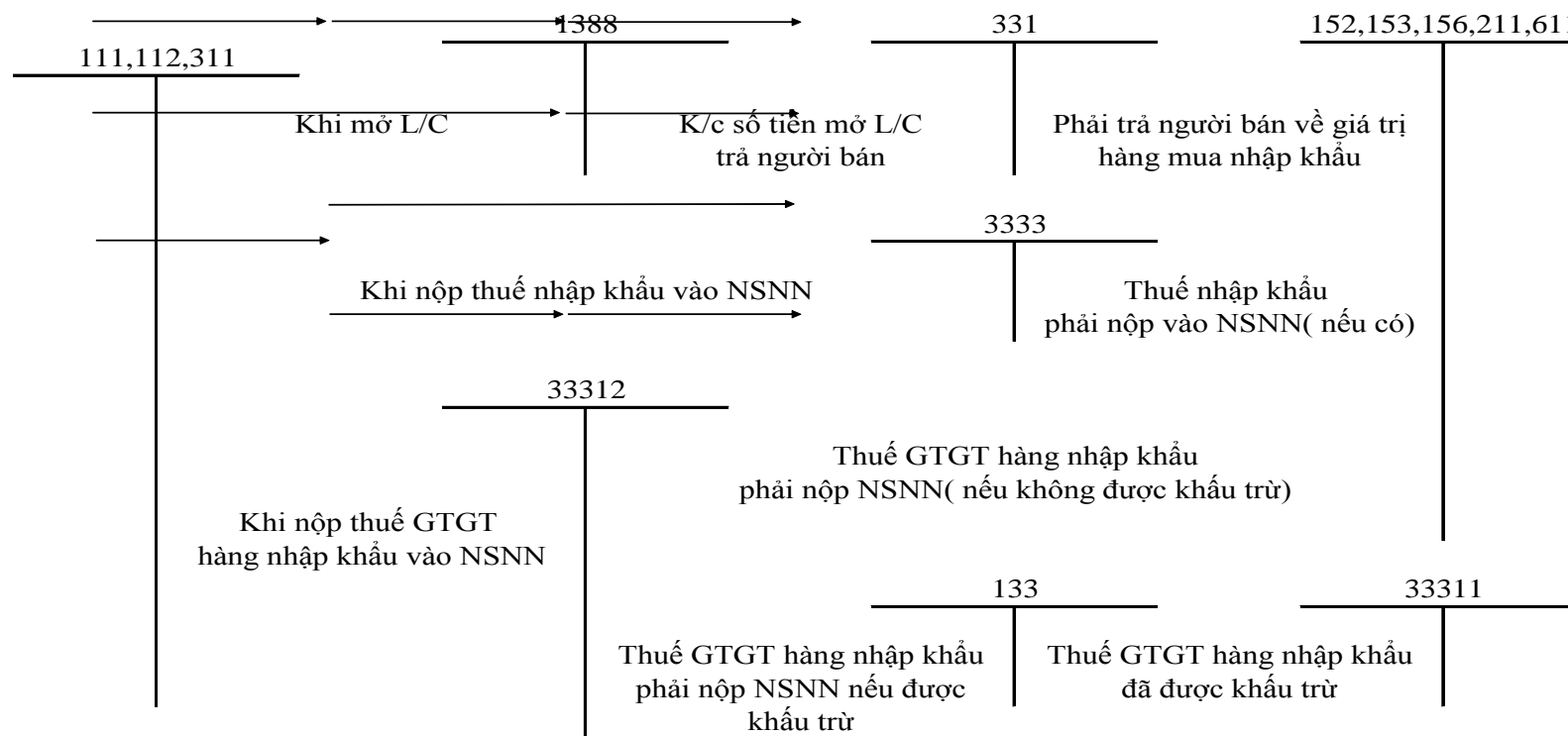


Chú ý:

Các DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp khi bán hàng phải lập hoá đơn bán hàng thông thường, không sử dụng TK 133 và cuối tháng mới phản ánh số thuế GTGT phải nộp

**KẾ TOÁN THUẾ GTGT HÀNG NHẬP KHẨU PHẢI NỘP NSNN**

**1. Đối với hàng nhập khẩu thuộc đối tượng đồng thời chịu 2 loại thuế nhập khẩu và thuế GTGT**



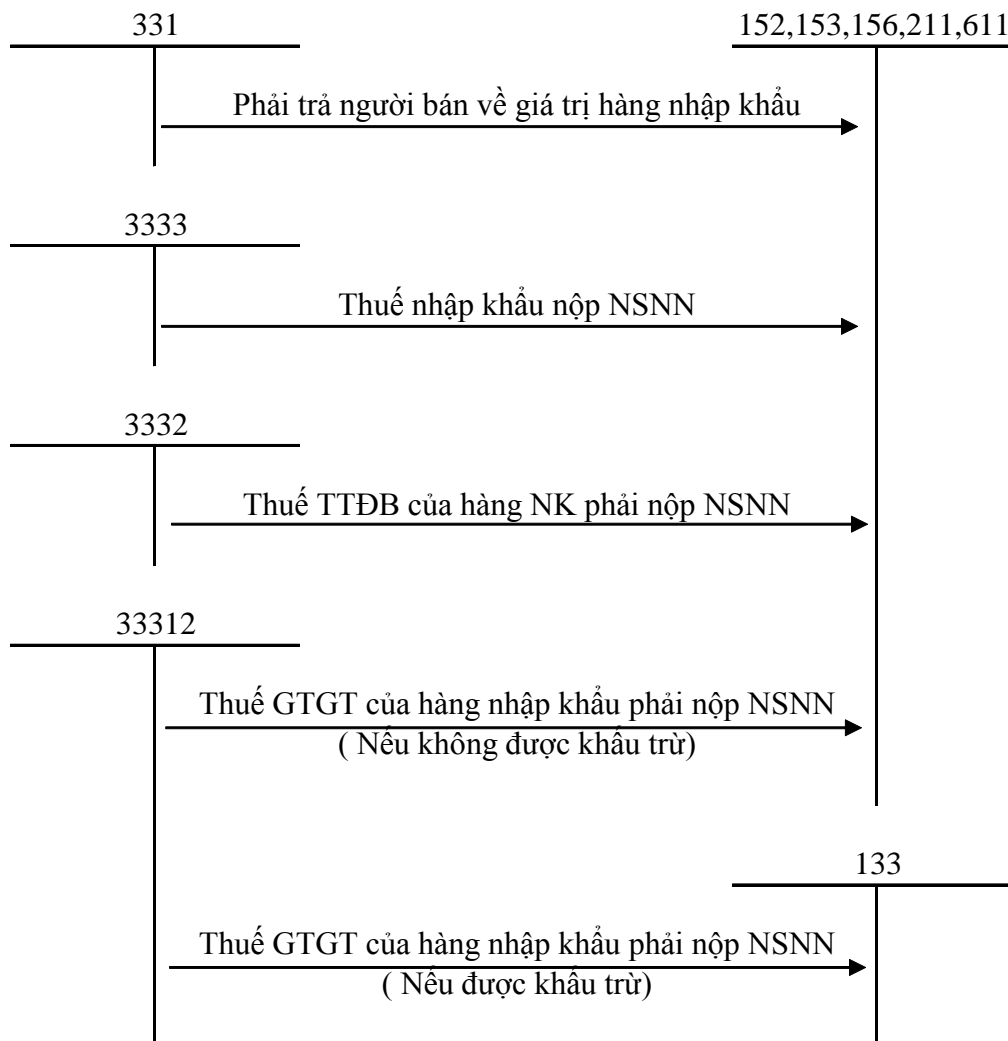
**Chú ý:**

Giá tính thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu là giá nhập khẩu tại cửa khẩu (+) với thuế nhập khẩu. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu làm cơ sở tính thuế GTGT được xác định theo các quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu

Nếu hàng nhập khẩu dùng vào SXKD hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì thuế GTGT của hàng nhập khẩu sẽ được khấu trừ ghi: Nợ TK 133/Có TK 33312

Nếu hàng nhập khẩu dùng vào SXKD hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT phải nộp của hàng nhập khẩu không được khấu trừ và được tính vào giá trị hàng nhập khẩu, ghi Nợ TK 152,153,156,211.../ Có TK 33312

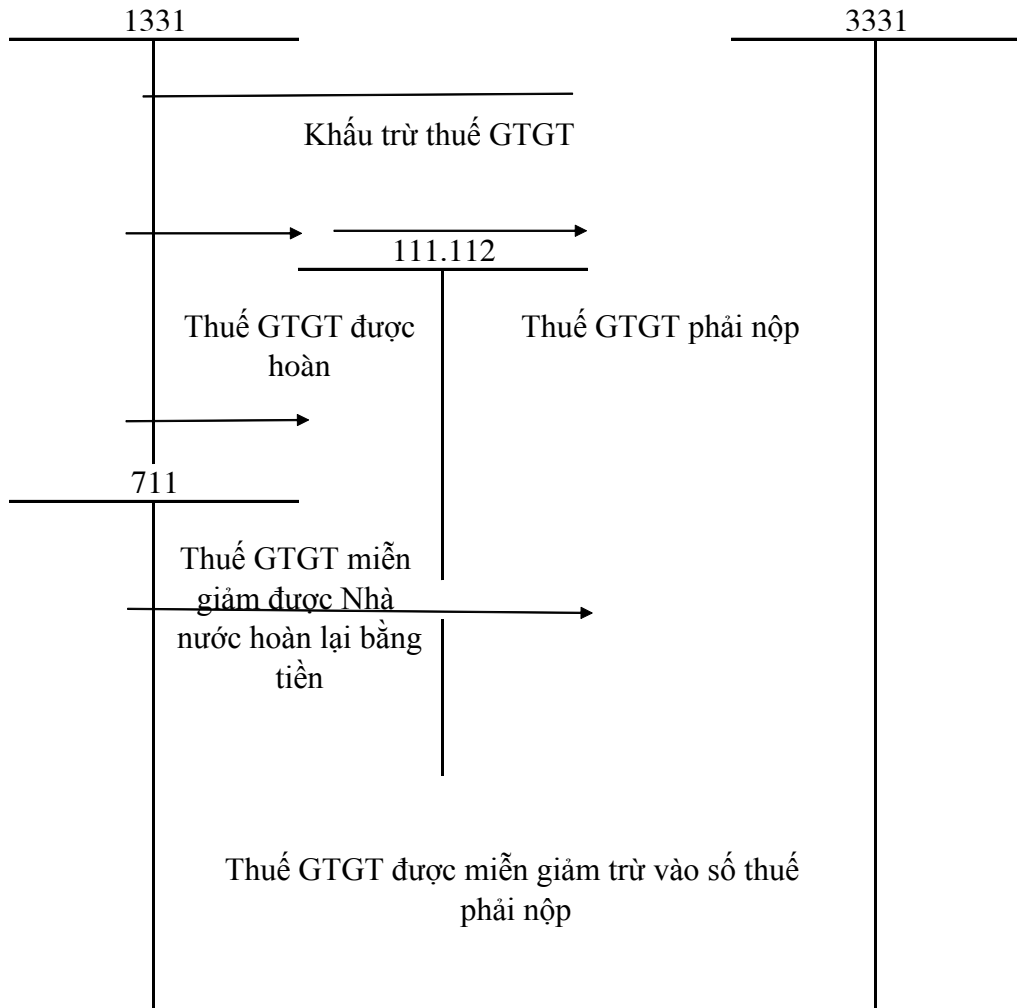
**2. Đối với hàng nhập khẩu thuộc đối tượng đồng thời chịu 3 loại thuế: thuế nhập khẩu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế GTGT**



**Chú ý:**

Giá tính thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu là giá nhập khẩu tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu và thuế TTĐB.

Trường hợp hàng hoá nhập khẩu được miễn giảm thuế nhập khẩu thì tính thuế GTGT là giá hàng hoá nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu xác định theo mức thuế phải nộp sau khi đã được miễn giảm



## PHẦN II

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ HẢI PHÒNG

### I. Khái quát về công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng

#### 1.1. Sơ lược về công ty:

##### 1.1.1. Sơ lược về công ty cổ phần điện tử Hải Phòng

- Tên Tiếng Việt : Công ty Cổ Phần điện tử Hải Phòng
- Tên Tiếng Anh : Hai phong electronics joint stock company
- Tên công ty viết tắt : HAPELEC
- Email: [hapelechp@vnn.vn](mailto:hapelechp@vnn.vn)
- Website : [www.hapelec.com.vn](http://www.hapelec.com.vn)
- Trụ sở chính : Số 73 Điện Biên Phủ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng.
- Điện thoại: (84-31) 3745383.
- Fax: (84-31) 3745003.

##### 1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển công ty

Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng tiền thân là công ty Điện Tử Hải Phòng được thành lập vào năm 1981 trực thuộc tổng công ty Điện Tử và Tin Học Việt Nam. Công ty chuyển đổi thành công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng năm 2003 theo quyết định của Bộ Công Nghiệp số 137/2003/QĐ - BCN ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Bộ Trưởng Bộ Công Nghiệp.

Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng là đơn vị sản xuất kinh doanh các thiết bị điện tử đầu tiên ở Phía Bắc. Cho đến nay công ty đã SX-KD hàng chục triệu sản phẩm điện tử, viễn thông như: Radio các loại, TV, Đồng hồ điện tử, điện thoại, VCR, VCD, DVD, ....

Năm 1981 lắp ráp dạng CKD Radiocassette recorder đầu tiên ở Việt Nam với nhãn hiệu PAVOUR

Năm 1984 lắp ráp Tivi đen trắng đầu tiên ở phía Bắc và sản xuất 100.000 máy thu thanh công nghệ IKD đầu tiên ở Việt Nam.



Năm 1986 công ty đã nghiên cứu sản xuất, lắp ráp Tivi màu đầu tiên ở Việt Nam.

Năm 1988 nghiên cứu, sản xuất, lắp ráp đầu Video.

Năm 1991 nghiên cứu, sản xuất, lắp ráp bộ dàn HIFI.

Năm 1997-2002 công ty là đơn vị đầu tiên được chọn tham gia chương trình cung cấp máy thu thanh cho đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn ở miền núi của Chính Phủ Việt Nam. Máy thu thanh Hapelec là máy thu thanh đầu tiên sản xuất trong nước mang thương hiệu Việt Nam và được tặng thưởng huy chương vàng về thiết kế sản phẩm điện tử điển hình công nghiệp Việt Nam năm 1998.

Năm 2002 nghiên cứu, sản xuất, lắp ráp đầu VCD,DVD.

Năm 1998 đến nay công ty đã tham gia nghiên cứu, thiết kế, sản xuất sản phẩm máy thu trực canh phục vụ công tác thông tin hàng hải: SSAS, Speedlog radar,...Module điều khiển trong các ngành công nghiệp và công nghiệp sản xuất phụ trợ như: sản xuất các sản phẩm nhựa, dây nguồn, cơ khí, ... hướng tập trung phát triển sản xuất của công ty trong thời gian tới là liên doanh triển khai các ngành nghề kinh doanh mà công ty đã đăng ký và các ngành nghề khác phù hợp với điều kiện của công ty.

Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng tiền thân là công ty Điện Tử Hải Phòng sau đó chuyển thành công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng theo quyết định của Bộ Công Nghiệp. Hiện nay công ty đang hoạt động theo quyết định của luật doanh nghiệp với loại hình doanh nghiệp là công ty Cổ Phần.

Hiện nay công ty tiến hành sản xuất và kinh doanh sản phẩm thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, tin học, viễn thông, thiết bị thông tin và nghi khí hàng hải, thiết bị phát thanh, truyền hình, thiết bị truyền học.

### *1.1.3.Lĩnh vực hoạt động chính:*

Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh thương mại, tự động hóa và nghiên cứu khoa học.

- Về kinh doanh thương mại: Hapelec là đại lý chính phân phối các sản phẩm điện tử, điện lạnh, viễn thông của hãng điện tử dân dụng nổi tiếng trên thế giới có mặt tại Việt Nam và hàng nhập khẩu.

- Về tự động hóa: Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng cung cấp các dịch vụ tư vấn, lắp đặt và bảo trì các thiết bị dây chuyền sản xuất công nghiệp, điều khiển tự động, các thiết bị đo lường, ....

- Về nghiên cứu khoa học: Công ty luôn đi đầu trong việc nghiên cứu những sản phẩm mới có tính ứng dụng cao như: Máy thu thanh cho khu vực đặc biệt khó khăn miền núi, hải đảo, VCD, DVD, ... và gần đây nhất là thiết bị tự động cảnh báo cho các loại tàu cá hoạt động trên vịnh Bắc Bộ.

- Về lĩnh vực sản xuất: Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng chuyên sản xuất các thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, tin học, viễn thông, thiết bị thông tin và nghi khí hàng hải, thiết bị phát thanh, truyền hình, thiết bị truyền học.

#### *1.1.4. Ngành nghề kinh doanh:*

Mục tiêu của Công ty cổ phần Điện tử Hải Phòng là không ngừng phát triển hoạt động sản xuất – kinh doanh để mang lại lợi nhuận cao, tạo điều kiện ổn định việc làm và nâng cao mức thu nhập cho người lao động trong Công ty, tăng cổ tức cho các cổ đông, thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước.

Phạm vi hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty gồm các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, vật tư, điện, điện tử, tin học, viễn thông, thiết bị thông tin và nghi khí hàng hải, thiết bị phát thanh, truyền hình, thiết bị trường học.
- Dịch vụ tư vấn và cung cấp lắp đặt thiết bị mạng máy tính, mạng thông tin, công trình điện, điều hoà không khí.
- Kinh doanh sản xuất cơ khí, nhựa, bao bì, kinh doanh thiết bị phụ tùng và sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô.
- Dịch vụ đại lý hàng hải, khai thác kho, bãi, vận tải và giao nhận hàng hoá, cho thuê nhà, văn phòng, cửa hàng, nhà hàng, kho tàng, bến bãi, kinh doanh bất động sản, dự án, công trình xây dựng, hạ tầng cơ sở.
- Dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu, xuất nhập khẩu uỷ thác các mặt hàng thuộc các lĩnh vực: nông lâm sản, thủy sản, khoáng sản, công nghiệp, dịch vụ, hàng tiêu dùng.

- Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng, vui chơi giải trí, quảng cáo, in ấn, trang thiết bị nội ngoại thất.

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

- Dịch vụ đại lý tàu biển.

## 1.2. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động

*1.2.1. Những tài sản hiện có của doanh nghiệp, số lượng chủng loại, tình trạng kỹ thuật:*

a. Cơ sở làm việc, nhà xưởng:

công ty sở hữu 12.500 m<sup>2</sup> mặt bằng, khu sản xuất 11.000m<sup>2</sup> với nhà xưởng có diện tích khoảng 2.000m<sup>2</sup>, khu văn phòng và trung tâm thương mại 4.500m<sup>2</sup>. Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất và trang thiết bị dụng cụ đo lường hiện đại với năng lực sản xuất hàng năm đạt trên 500.000 Radio, 250.000 TV màu và các sản phẩm điện tử khác. Hệ thống thiết bị đo lường nhập khẩu của Nhật Bản bao gồm: máy phát quét trung tâm (dải tần MF-HF, VHF/UHF), máy đo cường độ trường, các máy phát tín hiệu chuẩn RF (AM/FM),... và các thiết bị, công cụ, dụng cụ, test Jig... phục vụ căn chỉnh kiểm tra. Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

- Trụ sở chính :

Địa chỉ : 73 Điện Biên Phủ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: (84-31) 3745383.

Fax: (84-31) 3745003.

Email: [hapelechp@vnn.vn](mailto:hapelechp@vnn.vn)

Website: [www.hapelec.com.vn](http://www.hapelec.com.vn)

Diện tích làm việc : Trên 1.000m<sup>2</sup> sàn làm việc.

- Văn phòng khu vực :

\*Trung tâm thương mại Hồ Sen :

Địa chỉ : Số 4 Hồ Sen, Phường Trại Cau, Quận Lê Chân, Hải Phòng.

Điện thoại : 0313.686669

Fax : 0313.720891

Diện tích làm việc : gần 3.000m<sup>2</sup> sàn làm việc.

**\*Cửa hàng Hòa Bình:**

Địa chỉ : 104 L- ơng Khánh Thiện – Ngô Quyền - Hải Phòng.

Điện thoại : 0313.855012

Fax : 0313.859305

**\*Xí nghiệp Đông Hải:**

Địa chỉ : Km 104 + 800 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng.

Điện thoại : 0313.825828

Fax : 0313.825557

Email : xinghiepdonghai@vnn.vn

**\*Nhà máy sản xuất, lắp ráp :**

Địa chỉ : Km 104 + 800 Quốc lộ 5, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng.

Điện thoại : 0313.769479

Diện tích nhà x- ưởng sản xuất và lắp ráp hơn 2000m<sup>2</sup>.

Diện tích kho bãi : 8000m<sup>2</sup>.

**\*Trung tâm bảo hành:**

Địa chỉ : 104 L- ơng Khánh Thiện – Ngô Quyền - Hải Phòng.

Điện thoại : 0313.855012

Fax : 0313.859305

**b. Trang thiết bị kỹ thuật:**

Công ty có dây chuyền chuyên lắp ráp máy thu hình, máy thu thanh và các thiết bị điện tử khác dạng IKD, CKD, SKD dây chuyền khép kín đồng bộ nhập từ n- ớc ngoài. Năng lực lắp ráp thỏa mãn các yêu cầu về số l- ợng cũng nh- chất l- ợng của sản phẩm của khách hàng. Hiện nay công ty có các loại tài sản nh- sau :

Bảng : Danh mục TSCĐ hiện có của công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng:

Ngoài ra công ty trang bị hệ thống thiết bị chuyên dụng nh- : Thiết bị trung tâm gồm các loại máy phát chuẩn, tròn, chấm, caro, ....

Ngoài ra công ty còn có đầy đủ các ph- ơng tiện vận tải nh- ô tô du lịch 4 – 12 chỗ phục vụ công tác.

*1.2.2. Số lượng các thành phần lao động trực tiếp, gián tiếp, mặt bằng trình độ:*

**Tình hình lao động của công ty**

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		So sánh	
	Số lượng	Cơ cấu	Số lượng	Cơ cấu	Tuyệt đối (+/-)	T- ơng đối (%)
I.Tổng số lao động	180	100	178	100	-2	98.889
Lao động trực tiếp	140	77.778	138	77.528	-2	98.571
Lao động gián tiếp	40	22.222	40	22.472	0	100.000
II.Phân theo trình độ	180	100	178	100	-2	98.889
Trình độ đại học	25	13.889	31	17.416	6	124.000
Cao đẳng, trung cấp	30	16.667	28	15.73	-2	93.333
Công nhân lành nghề	125	69.444	119	66.854	-6	95.200

Ngoài ra công ty còn có mạng lưới cộng tác viên theo các chuyên ngành khác nhau phù hợp với quy mô hoạt động của công ty.

Theo số liệu trên ta thấy rằng lực lượng lao động của công ty đã được nâng cao trình độ một cách rõ rệt. Hầu hết các lao động đều được qua đào tạo, được bồi dưỡng và nâng cao tay nghề. Lao động có trình độ đại học chiếm 17,42%, cao đẳng, trung cấp chiếm 12,24%. Lực lượng lao động phổ thông, công nhân kỹ thuật chiếm 71,34% là lực lượng lao động lớn của công ty cũng được đào tạo bồi dưỡng là những công nhân lao động lành nghề. Rõ ràng, công ty ngày càng coi trọng những lao động có năng lực, có trình độ lao động và tay nghề cao. Đây là một trong những điều kiện tốt giúp cho công ty ngày càng phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

*1.2.3. Tình hình vốn của công ty :*

Tổng vốn của công ty chia ra thành vốn cố định và vốn lưu động.

❖ Năm 2009

Tổng vốn đầu tư của công ty hơn 13,055 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn cố định : 7,949 tỷ đồng
- Vốn lưu động : 5,106 tỷ đồng

❖ Năm 2010

Tổng vốn đầu tư của công ty hơn 16,821 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn cố định : 8,750 tỷ đồng
- Vốn lưu động : 8,071 tỷ đồng

Tài khoản và các ngân hàng hoạt động

- Tài khoản : 3407909 Ngân hàng Á Châu chi nhánh Hải Phòng
- Tài khoản nội tệ : 0031000000446 Ngân hàng Ngoại Thương HP
- Tài khoản ngoại tệ : 0031370016875 Ngân hàng Ngoại Thương HP

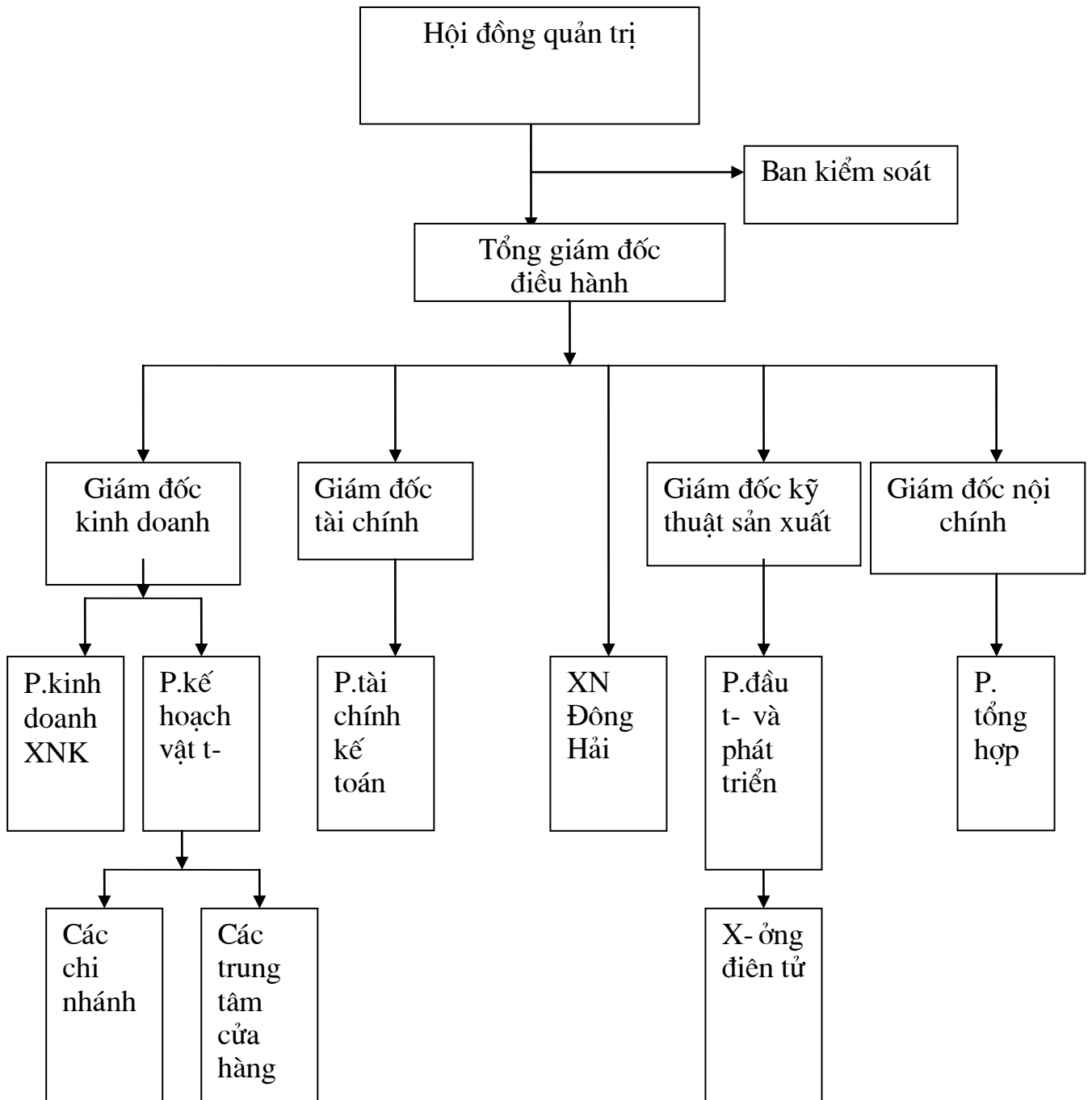
*1.2.4. Nguồn vốn của công ty:*

Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng là một công ty Cổ Phần hoạt động theo hai loại hình cổ phần. Chính vì vậy mà nguồn vốn của công ty bao gồm:

- Vốn chủ sở hữu hơn 14,145 tỷ đồng
- Vốn nợ chỉ hơn 2,676 tỷ đồng

**1.3. Tổ chức quản lý của công ty**

*1.3.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng*



*1.3.2. Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban chức năng*

- Hội đồng quản trị: Là tổ chức có quyền lực cao nhất trong công ty. Chủ tịch hội đồng quản trị là ông Đặng Minh Sơn.

- Tổng giám đốc điều hành: Tổng giám đốc điều hành là ông Đặng Quốc Thái. Tổng giám đốc điều hành có nhiệm vụ xây dựng, tổ chức thực hiện cơ cấu tổ chức,

tiến hành bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các chức danh giám đốc, phó giám đốc, trợ lý, ... nguồn nhân sự chủ chốt của công ty. Tổng giám đốc điều hành còn có nhiệm vụ điều hành toàn bộ mọi hoạt động của công ty, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trình hội đồng quản trị xem xét. Tổng giám đốc điều hành còn đại diện cho công ty trước cơ quan nước ngoài, cơ quan pháp luật của Việt Nam. Thay mặt công ty ký kết các hợp đồng kinh tế, thỏa thuận kinh tế có liên quan đến việc kinh doanh. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về việc kinh doanh và hoạt động của đơn vị.

- Giám đốc kinh doanh: Được tổng giám đốc phân công nhiệm vụ để giúp cho tổng giám đốc nhằm quản lý giám sát việc thi hành các kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty đã đề ra. Lập kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu mà tổng giám đốc đã đề ra. Giám đốc kinh doanh chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc, trước hội đồng quản trị về việc sản xuất kinh doanh của đơn vị, về phần nhiệm vụ mà ban giám đốc đã phân công cho bộ phận.

- Giám đốc tài chính: Giám đốc tài chính có nhiệm vụ quản lý giám sát và thực hiện các nghiệp vụ tài chính. Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về phần tài sản nguồn vốn cũng như các vấn đề tài chính của công ty, lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính trình hội đồng quản trị. Giám đốc tài chính chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và tổng giám đốc về vấn đề tài chính, các công nợ của công ty. Đây là một bộ phận nhạy cảm và có ảnh hưởng rất to lớn đến tình hình hoạt động của công ty.

- Giám đốc kỹ thuật sản xuất: có chức năng nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, nghiên cứu thử nghiệm các sản phẩm mới có tính năng mới, không ngừng nâng cao và cải thiện chất lượng sản phẩm thông qua các thành tựu của khoa học kỹ thuật.

- Giám đốc nội chính: có chức năng quản lý giám sát chung mọi hoạt động của doanh nghiệp. Giám đốc nội chính thực hiện công tác quản lý chung, các nghiệp vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh như lập dự án đầu tư ... Giám đốc nội chính chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và tổng giám đốc điều hành về phần công việc của mình



- Xí nghiệp Đông Hải: là xí nghiệp lớn nhất của công ty chuyên sản xuất các mặt hàng điện tử, điện gia dụng, điện lạnh cung cấp các mặt hàng sản xuất trong nước với chất lượng cao.

- Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu và phòng kế hoạch đầu tư: chịu trách nhiệm trực tiếp giám đốc kinh doanh về việc kinh doanh xuất nhập khẩu và việc cung ứng, mua sắm vật tư cho các bộ phận một cách đầy đủ kịp thời.

- Phòng tài chính kế toán: Là phòng thuộc sự quản lý của giám đốc tài chính. Phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm về việc ghi chép, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, quản lý và báo cáo tình hình tài chính của công ty một cách đầy đủ chính xác, kịp thời cho tổng giám đốc và hội đồng quản trị.

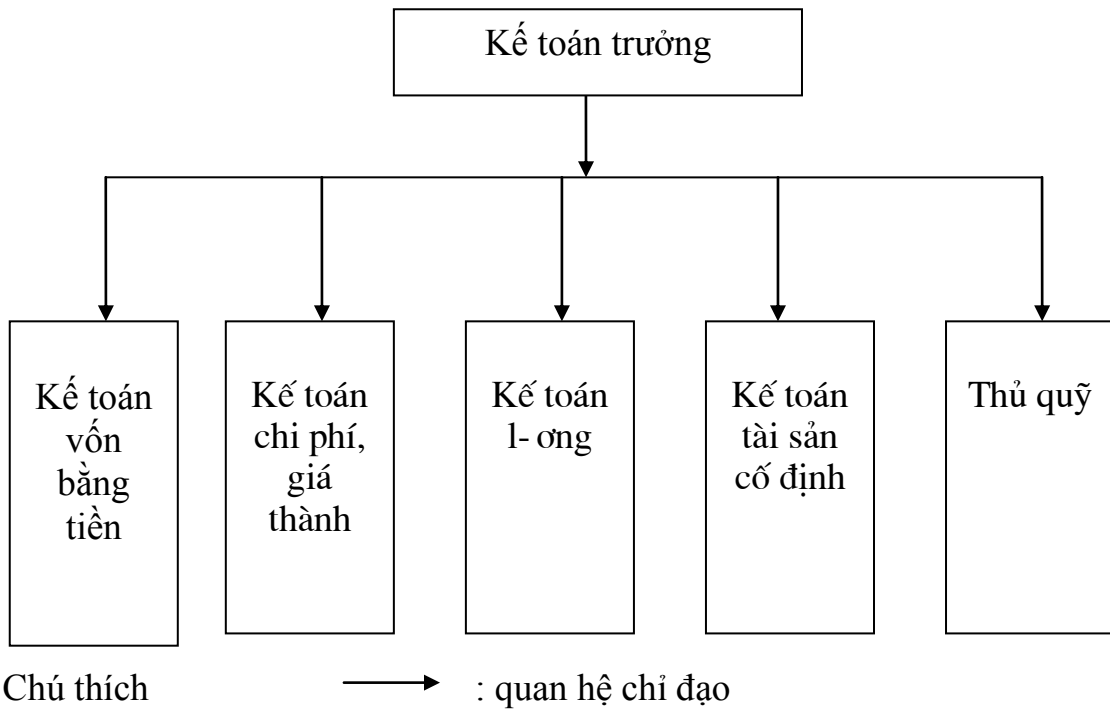
- Phòng đầu tư và phát triển: là một phòng thuộc sự quản lý của Giám đốc kỹ thuật. Nhiệm vụ chính của phòng đầu tư và phát triển là tìm kiếm các cơ hội đầu tư, nghiên cứu thị trường, nghiên cứu kỹ thuật nhằm phát triển hơn nữa khoa học công nghệ của công ty, nâng cao trình độ khai thác.

- Phòng tổng hợp: là phòng chịu sự giám sát của giám đốc nội chính. Phòng tổng hợp có nhiệm vụ là tổng hợp các báo cáo và làm nhiệm vụ hành chính.

#### 1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.

Tổ chức bộ máy kế toán là công việc tạo mối quan hệ giữa các cán bộ kế toán nhằm đảm bảo thực hiện công tác kế toán với đầy đủ các chức năng thông tin và kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở phương tiện tính toán và thông tin kỹ thuật hiện có. Tổ chức bộ máy lao động bao gồm nhiều công việc khác nhau như lựa chọn phương thức tổ chức bộ máy kế toán xác định các phân hành kế toán... Việc tổ chức bộ máy kế toán phải lấy hiệu quả của công việc làm tiêu chuẩn sao cho thu nhập thông tin vừa chính xác, kịp thời, vừa tiết kiệm được chi phí. Trong bộ máy kế toán, các kế toán viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ kế toán dưới sự lãnh đạo của kế toán trưởng.

## SƠ ĐỒ BỘ MÁY KẾ TOÁN TRONG CÔNG TY



### \* Nhiệm vụ các nhân viên trong phòng kế toán.

- Kế toán trưởng: Kế toán trưởng là người đứng đầu trong phòng kế toán chịu trách nhiệm trước ban giám đốc về các thông tin tài chính mà phòng tài chính kế toán cung cấp. Đồng thời kế toán trưởng cũng là người chỉ đạo cao nhất trong phòng kế toán, hướng dẫn chỉ đạo việc thực hiện ghi chép và hạch toán kế toán của các bộ phận. Mặt khác, kế toán trưởng cũng thực hiện phân hành kế toán đó là xác định doanh thu, kết quả sản xuất kinh doanh và lập báo cáo tài chính. Kế toán trưởng có nhiệm vụ kiểm tra giám sát chặt chẽ quá trình hoạch toán kế toán và kịp thời sửa chữa các sai phạm trong quá trình thực hiện.

- Kế toán vốn bằng tiền: kế toán vốn bằng tiền tiến hành ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến việc thu chi bằng tiền. Phản ánh một cách chính xác, kịp thời tình hình thu chi và hiện có của các khoản vốn bằng tiền. Phải mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền, ngoại tệ, từng loại vàng bạc đá quý. Theo dõi các khoản thu chi tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng một cách chi tiết. Là một căn cứ để lập báo cáo tài chính. Kế toán phụ trách mảng này cần thường xuyên đối chiếu kiểm tra với ngân hàng, thủ quỹ nhằm phát hiện những sai lệch, khác biệt số dư tài khoản.

- Kế toán chi phí giá thành: Công ty Cổ phần điện tử Hải Phòng là một công ty hoạt động trên nhiều lĩnh vực, nhiều sản phẩm vì vậy kế toán chi phí giá thành phải tập hợp chi phí theo từng khoản mục, từng yếu tố. Tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, từng hoạt động nhờ đó có thể tính giá vốn và xác định doanh thu một cách hiệu quả và chính xác.

- Kế toán Tài sản cố định: Kế toán tài sản cố định theo dõi một cách chi tiết cụ thể từng loại tài sản cố định. Kiểm kê một cách thường xuyên để phát hiện những tài sản thiếu, thừa hoặc bị hỏng hóc, không còn sử dụng để tiến hành thanh lý, sửa chữa. Tiến hành phân bổ trích khấu hao một cách chi tiết đối với từng loại tài sản. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi từng loại tài sản.

- Kế toán L- ơng, các khoản trích theo l- ơng và thanh toán nội bộ: Kế toán L- ơng thực hiện chức năng theo dõi tính l- ơng cho từng cán bộ công nhân viên trong công ty, tiến hành theo dõi, hoạch toán tiền l- ơng về BHXH, BHYT, KPCĐ cho từng đối t- ơng, cán bộ công nhân viên trong công ty. Tiến hành theo dõi các khoản thanh toán nội bộ, tiền th- ởng, tiền phụ cấp cho các đối t- ơng.

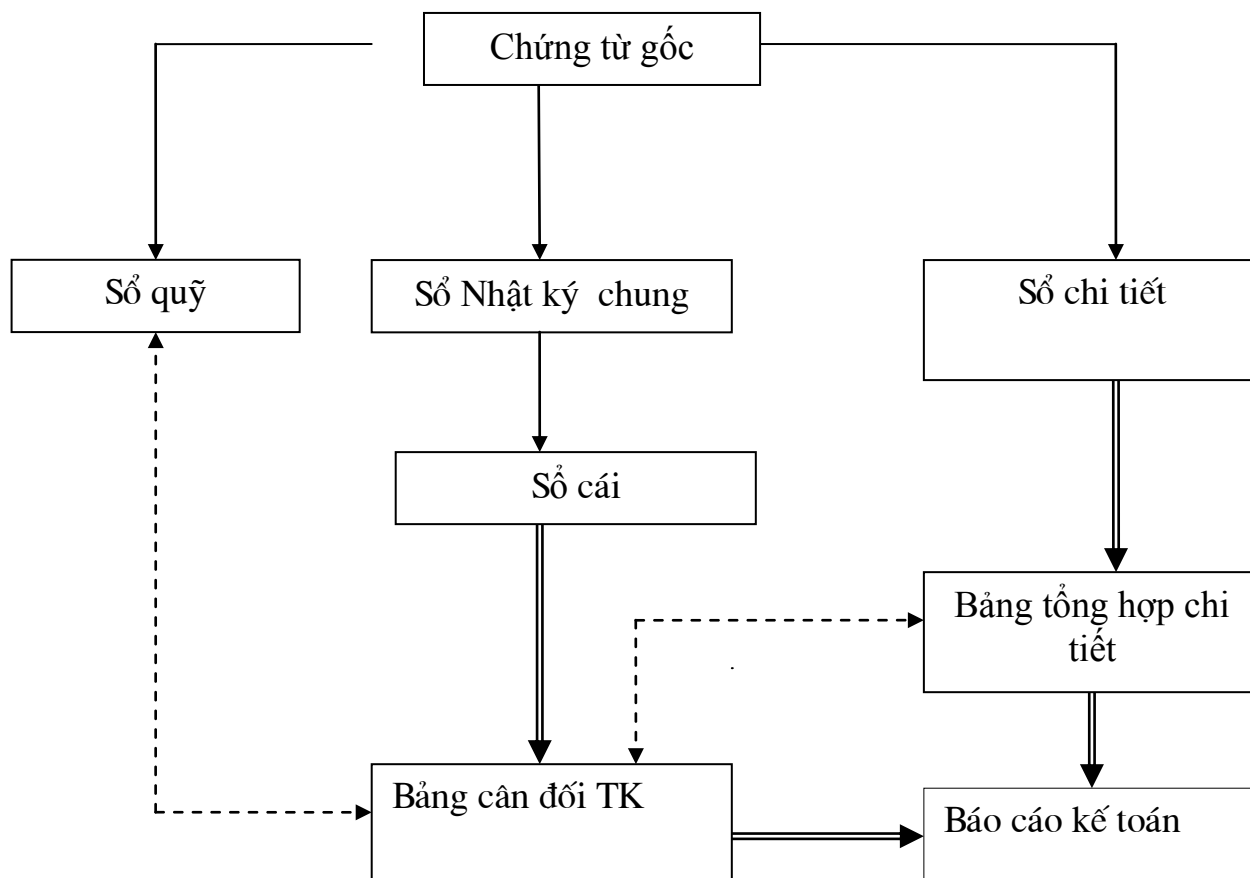
- Thủ quỹ: Thủ quỹ có nhiệm vụ là giữ tiền mặt, ghi chép, và quản lý việc thu chi tiền mặt. Thủ quỹ phải lập sổ theo dõi chi tiết các khoản thu chi hàng ngày vào cuối mỗi ngày tiến hành lập sổ quỹ tiền mặt.

### 1.5. Hình thức kế toán

#### *1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty:*

Trình tự hạch toán theo hình thức “Nhật ký chung” tại công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng đ- ợc thể hiện qua sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ THEO HÌNH THỨC NKC TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ HẢI PHÒNG



Chú thích:

- : ghi hàng ngày.
- ⇒ : ghi cuối tháng.
- ← - - - - - : Quan hệ đối chiếu.

*1.5.2. Tổ chức hệ thống chứng từ tại công ty:*

Công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

*1.5.3. Tổ chức tài khoản tại công ty:*

Công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

*1.5.4. Tổ chức hệ thống sổ tại công ty:*

Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, công ty áp dụng hệ thống kế toán theo hình thức: “Nhật Ký Chung”.

Hình thức sổ nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật Ký Chung
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung:

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán, kế toán tiến hành ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung, đồng thời kế toán cũng tiến hành ghi vào sổ, thẻ chi tiết các tài khoản liên quan, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung kế toán tiến hành ghi vào sổ cái.

Cuối quý căn cứ vào số liệu trên sổ cái kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết( đ- ọc lập từ sổ, thẻ kế toán chi tiết) kế toán bắt đầu đi vào lập báo cáo tài chính.

## 1.6.Những thuận lợi, khó khăn và định hướng phát triển trong t- ơng lai của công ty

### 1.6.1. Những thuận lợi của công ty trong những năm tới:

Năm 2010 công ty đã có những b- ớc phát triển v- ợt bậc cả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và trong các hoạt động đầu t- tài chính. Năm 2010 công ty đã có những tiến bộ v- ợt bậc là cơ sở cho những b- ớc phát triển vào năm tới.

Trong nền kinh tế thị tr- ờng, đặc biệt trong công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất n- ớc thì ngành sản xuất và kinh doanh mặt hàng điện tử, mặt hàng có hàm l- ượng kỹ thuật cao, càng trở lên quan trọng và đ- ợc Đảng và Nhà N- ớc quan tâm. Hơn nữa, trong nền kinh tế thị tr- ờng, đời sống của ng- ời dân không ngừng đ- ợc cải thiện và nâng cao vì vậy các sản phẩm điện tử, điện lạnh, viễn thông ngày càng trở thành các mặt hàng cần thiết trong đời sống của ng- ời dân. Đây là một lợi thế, là một cơ hội để công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng là một công ty có lịch sử phát triển lâu đời là một công ty trực thuộc Tổng công ty Điện Tử và Tin Học Việt Nam. Chính vì vậy mà công ty nằm trong sự quản lý của Nhà N- ớc. Ngày nay, công ty đã chuyển đổi thành công ty Cổ Phần nh- ng Nhà N- ớc vẫn nắm giữ 51% cổ phần nên công ty vẫn đ- ợc Nhà N- ớc khuyến khích phát triển bằng các chính sách - u đãi.

Công ty hoạt động trên nhiều lĩnh vực, nhiều ngành nghề, là một lợi thế để công ty phát triển thu hút nhiều đối tác, nhiều khách hàng và tăng doanh thu. Không chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các thiết bị điện tử công ty còn tham gia thực hiện các dự án xây dựng, lắp đặt thiết bị điện tử...

Việt Nam là một n-ớc có dân số đông, sức tiêu thụ là rất lớn. Mặc dù là một n-ớc đang phát triển nh- ng mức tiêu thụ ngày càng lớn, số l- ợng ng- òi có thu nhập cao ngày càng nhiều. Hải Phòng là một thành phố phát triển một cách mạnh mẽ và cũng là một thành phố lớn sức tiêu thụ là khá ổn định. Trong t- ơng lai công ty không chỉ kinh doanh tại Hải Phòng mà còn mở rộng sang các tỉnh lân cận để mở rộng thị tr- ờng tiêu thụ.

Về năng lực kỹ thuật Công ty CP Điện Tử Hải Phòng có đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ s- , kỹ thuật viên, công nhân kỹ thuật lành nghề có kinh nghiệm và uy tín. Hơn thế nữa công ty có dây chuyền chuyên lắp ráp máy thu hình, máy thu thanh và các thiết bị điện tử khác dạng IKD, CKD, SKD dây chuyền khép kín đồng bộ nhập từ n- ớc ngoài. Năng lực lắp ráp thỏa mãn các yêu cầu về số l- ợng cũng nh- chất l- ợng sản phẩm của khách hàng.

Công ty trang bị hệ thống thiết bị chuyên dụng nh- : Thiết bị trung tâm gồm các loại máy phát chuẩn, tròn, chấm, caro, máy phát quét, máy phát sọc màu hệ PAL, SECAM, NTSC, các oxylo và các hệ thống căn chỉnh dùng hoàn toàn bằng máy cân bằng trắng có phòng tối đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cao, hệ thống chạy rà, kiểm tra độ rung, độ bền chắc, nhiệt độ cai, điện áp cao,... Có máy đo kiểm tra độ chạy (dB) và kiểm soát chất l- ợng của sản phẩm.

#### *1.6.2. Khó khăn mà công ty gặp phải trong những năm tới:*

Bên cạnh những thuận lợi và - u điểm công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng cũng gặp phải những khó khăn sau:

Do sức ép của nền kinh tế thị tr- ờng, đặc biệt khi Việt Nam gia nhập Th- ơng mại Thế Giới WTO thì các doanh nghiệp Việt Nam phải có các ph- ơng h- ớng và biện pháp đúng đắn để chống lại đ- ợc những sức ép của nền kinh tế hội nhập. Có nhiều doanh nghiệp, công ty cùng tham gia vào thị tr- ờng sản xuất và kinh doanh các mặt hàng điện tử điện lạnh... Từ năm 2000, nền kinh tế Việt Nam có nhiều biến

động các sản phẩm điện tử ngày càng nhiều, mức độ cạnh tranh ngày càng lớn làm cho giá cả nguồn linh phụ kiện, vật liệu nhập vào ngày càng tăng, chi phí tăng hơn những năm tr- ớc.

Sản phẩm của công ty mang tính chất hàm l- ượng kỹ thuật cao trong khi đó khoa học công nghệ ngày càng phát triển có càng nhiều các sản phẩm điện, điện tử, điện lạnh... mới ra đời có mẫu mã, hình dáng, tính năng sử dụng nhiều hơn, đa dạng và phong phú hơn. Điều đó đòi hỏi tập thể cán bộ công nhân viên và ban quản lý công ty phải có những thay đổi cải cách tìm tòi và nghiên cứu để bắt kịp với thời đại để sản phẩm của công ty không trở nên lạc hậu so với đối thủ cạnh tranh, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của ng- ời Việt.

### *1.6.3. Định hướng phát triển trong t- ương lai của công ty:*

Toàn thể ban giám đốc cùng ban quản lý công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác tổ chức sản xuất kinh doanh trong nă, tới nhằm đạt đ- ợc mục tiêu đặt ra:

- Tiếp tục sản xuất kinh doanh các mặt hàng của công ty. Thực hiện sản xuất với mục tiêu tiết kiệm chi phí ở mức độ tối đa, tạo điều kiện hạ giá thành sản phẩm.
- Nâng cao tay nghề để nâng cao chất l- ượng sản phẩm và khối l- ượng sản phẩm nhằm thu đ- ợc mức doanh lợi tối đa.
- Kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao năng lực quản lý.
- Tiếp tục nghiên cứu khoa học tạo ra những sản phẩm mới, những tính năng mới đáp ứng nhu cầu của ng- ời tiêu dùng, thỏa mãn hơn nữa nhu cầu sử dụng thiết bị hiện đại công nghệ cao của khách hàng.
- Trong t- ương lai cố gắng phấn đấu trở thành một công ty điện tử lớn nhất Việt Nam cung cấp những sản phẩm điện tử, điện lạnh, điện, viễn thông, ... có chất l- ượng cao, nhiều tính năng đa dạng về chủng loại, phong phú về các loại sản phẩm.
- Tiếp tục đầu t- vào các lĩnh vực hoạt động khác, đẩy mạnh việc tham gia thực hiện các dự án đầu t- .

## **II. Tình hình thực hiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng**

### 1. Các mức thuế suất được áp dụng:

Công ty Cổ phần Điện Tử Hải Phòng hiện đang áp dụng các mức thuế suất: 10%

Đây là mức thuế suất áp dụng chủ yếu với các mặt hàng của Công ty

Đối với hàng hóa dịch vụ mua vào:

- Xăng dầu , điện, các dịch vụ bưu điện, bưu chính viễn thông,...
- Các dịch vụ như: tiếp khách, Cước vận chuyển...

Đối với hàng hóa, dịch vụ bán ra:

- Xẻ cuộn băng dính, thuê quản lý, thuê nhà xưởng, phí khai thác mặt bằng,...

### 2. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán:

#### *2.1. Tài khoản sử dụng :*

TK 133 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

TK 1331 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hàng hoá, dịch vụ

TK 13311 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ có hoá đơn

TK 3331 : Thuế giá trị gia tăng

TK 33311 : Thuế giá trị gia tăng đầu ra

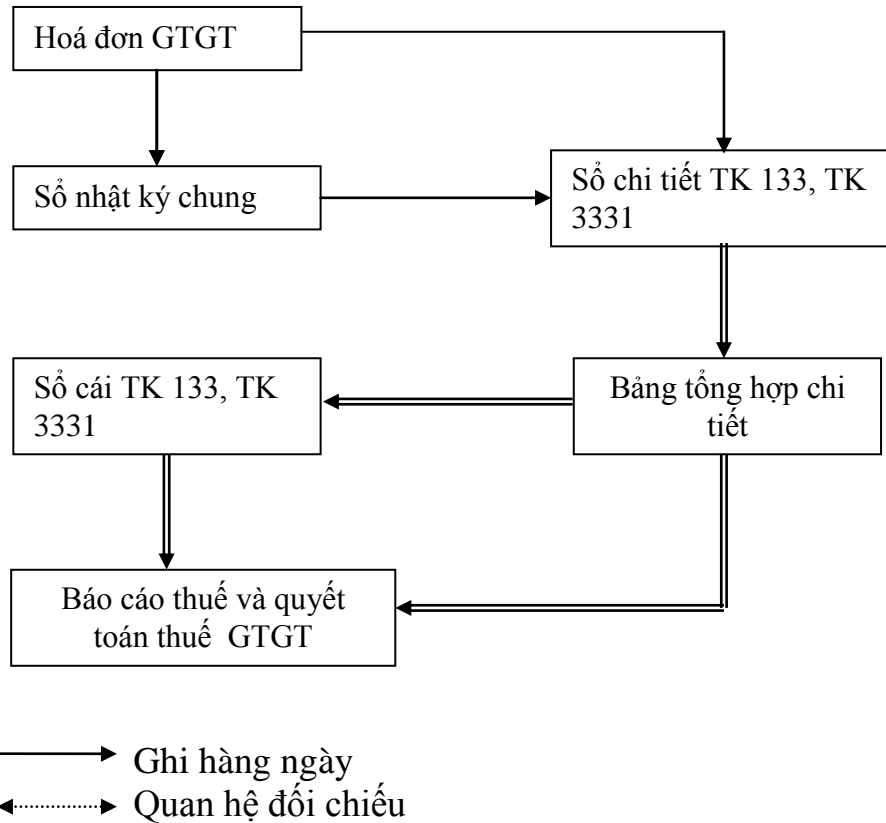
Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Các loại sổ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản theo ngày TK 133, TK 3331
- Sổ cái tài khoản tổng hợp TK 133, TK 3331
- Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản TK 133, TK 3331



2.2. Sơ đồ hạch toán :

*Quy trình ghi sổ kế toán được khái quát theo sơ đồ sau*



Số liệu để vào sổ chi tiết tài khoản 133 và sổ chi tiết tài khoản 3331 là hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ của hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra. Hàng ngày khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh vào sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng, kế toán tiêu thụ sẽ căn cứ vào hoá đơn bán hàng (GTGT) để vào sổ chi tiết bán hàng, kế toán thanh toán, kế toán tiền mặt, kế toán ngân hàng sẽ tiến hành vào sổ công nợ, sổ tiền mặt, sổ tiền gửi Ngân hàng sau đó chuyển hoá đơn đến bộ phận kế toán thuế GTGT để vào sổ chi tiết tài khoản 3331. Khi có các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến mua hàng hoá, dịch vụ, kế toán vật liệu sẽ căn cứ vào phiếu nhập kho để và sổ chi tiết vật liệu, kế toán chi phí sẽ căn cứ vào hoá đơn GTGT để vào sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh, và các bộ phận kế toán thanh toán sẽ căn cứ vào hoá đơn GTGT và phiếu chi để vào sổ chi tiết thanh toán, sổ quỹ

tiền mặt... sau đó hoá đơn GTGT được chuyển đến bộ phận kế toán thuế GTGT để vào sổ chi tiết tài khoản 133...

Cụ thể quá trình ghi sổ diễn ra như sau:

Hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tất cả được phản ánh vào sổ nhật ký chung căn cứ vào chứng từ gốc, đồng thời từ các chứng từ gốc, hoặc sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ chi tiết TK 133 và 3331.

### 3. Hạch toán ban đầu

Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ do vậy Công ty thực hiện đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của Nhà nước:

- Hóa đơn GTGT mẫu số 01 GTKT
- Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01 GTGT
- Bảng kê, hóa đơn chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào và bán ra theo mẫu quy định của Bộ tài chính và các chứng từ, hóa đơn đặc thù khác.

Dưới đây là một số chứng từ phản ánh một số nghiệp vụ chủ yếu của Công ty liên quan đến thuế GTGT:

#### *3.1. Chứng từ đầu vào*

Ví dụ:

- Ngày 17/12/2010 : Hoá đơn GTGT số 0092866 do Công ty TNHH dịch vụ thủy sản Hải Đăng cung cấp. Nội dung hoá đơn là tiếp khách cho Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng, với giá trị chưa thuế là 1.109.000 đồng, thuế suất 10%.
- Ngày 18/12/2010 : Hoá đơn GTGT số 0079717 do Công ty CP vận tải và dịch vụ PETROLIMEX Hải Phòng cung cấp. Nội dung hoá đơn là bán mogas 92 cho Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng, với giá trị chưa thuế là 490.500 đồng, thuế suất 10%.
- Ngày 23/12/2010 : Hoá đơn GTGT số 0004149 do Công ty TNHH một thành viên thương mại và dịch vụ gà Mạnh Hoạch cung cấp. Nội dung hoá đơn là tiếp khách cho Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng, với giá trị chưa thuế là 800.000, thuế suất 10%.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty CP Điện tử Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ HẢI PHÒNG  
73 – ĐIỆN BIÊN PHỦ - HB - HP

Mẫu số S03a – DN  
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Từ ngày 01/12/2010 đến 31/12/2010

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn Giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Dư đầu kỳ		-	
			Số phát sinh			
02/12	PC10/12	02/12	Mua gas butan 30/70	642	372.734	
				133	37.273	
				111		410.007
15/12	PC17/12	15/12	Tiền điện thoại	642	147.205	
				133	14720	
				111		161.925
<b>17/12</b>	<b>PC20/12</b>	<b>17/12</b>	<b>Tiếp khách</b>	<b>642</b>	<b>1.109.000</b>	
				<b>133</b>	<b>110.900</b>	
				<b>111</b>		<b>1.219.900</b>
<b>18/12</b>	<b>PC25/12</b>	<b>18/12</b>	<b>Mua mogas 92</b>	<b>642</b>	<b>490.500</b>	
				<b>133</b>	<b>49.000</b>	
				<b>111</b>		<b>574.000</b>
<b>23/12</b>	<b>PC58/12</b>	<b>23/12</b>	<b>Tiếp khách</b>	<b>642</b>	<b>800.000</b>	
				<b>133</b>	<b>80.000</b>	
				<b>111</b>		<b>880.000</b>
25/12	PC65/12	25/12	Mua lịch lò xo, túi lịch, thiệp xuân	642	4.750.000	
				133	475.000	
				111		5.225.000
			.....			
			Tổng cộng tháng 12		<u>61.484.742.275</u>	<u>61.484.742.275</u>

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## Sổ chi tiết tài khoản

Tài khoản: 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ : 754.635.623

Chứng từ		Khách hàng	Diễn Giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
02/12	AA/2010/T 0050506	Công ty xăng dầu khu III	Mua gas butan 30/70	1111	410.007	
15/12	LR/2010T 0581603	Trung tâm thông tin di động khu vực V	Thanh toán tiền điện thoại	1111	161.925	
17/12	QM/2010B 0092866	Công ty TNHH dịch vụ thủy sản Hải Đăng	Tiếp khách	1111	<b>1.219.900</b>	
18/12	QV/2010B 0079717	Công ty CP vận tải & DV Petrolimex HP	Mua mogas A92	1111	<b>574.000</b>	
23/12	PA/2010/B 0004149	Công ty TNHH một thành viên TM&DV gà Mạnh Hoạch	Tiếp khách	1111	880.000	
25/12	NB/2010B 0062107	Công ty CP ĐT&TM Việt Đức	Mua lịch lò xo, túi lịch, thiệp xuân	1111	5.225.000	
..	.....	.....	Cộng đối ứng TK 1111	...	9.559.273	
			K/c bù trừ thuế GTGT đầu vào, đầu ra	3331		169.873.045

Tổng số phát sinh nợ : 9.559.273

Tổng số phát sinh có : 169.873.045

Số dư nợ cuối kỳ : 594.321.851

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty CP Điện tử Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ HẢI PHÒNG

73 – ĐIỆN BIÊN PHỦ - HB - HP

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính)

## SỔ CÁI

Tên TK: Thuế GTGT được khấu trừ

Số hiệu: 133

Năm: 2010

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn Giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Dư đầu kỳ		-	
			Số phát sinh			
02/12	PC10/12	02/12	Mua gas butan 30/70	111	410.007	
15/12	PC17/12	15/12	Tiền điện thoại	111	161.925	
<b>17/12</b>	<b>PC20/12</b>	<b>17/12</b>	<b>Tiếp khách</b>	<b>111</b>	<b>1.219.000</b>	
<b>18/12</b>	<b>PC25/12</b>	<b>18/12</b>	<b>Mua mogas 92</b>	<b>111</b>	<b>574.000</b>	
<b>23/12</b>	<b>PC58/12</b>	<b>23/12</b>	<b>Tiếp khách</b>	<b>111</b>	<b>880.000</b>	
25/12	PC65/12	25/12	Mua lịch lò xo, túi lịch, thiệp xuân	111	5.225.000	
			.....			
31/12	PKC	31/12	Kết chuyển thuế GTGT	3331		169.873.045
			Tổng cộng tháng 12		9.559.273	

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## *2.1. Chứng từ đầu ra*

Ví dụ:

- Ngày 07/12/2010 : Hoá đơn GTGT số 0084625 do Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng cung cấp cho Công ty CP quốc tế Samnec. Nội dung hoá đơn là tiền phí khai thác mặt bằng từ 01/10/2008 đến ngày 31/12/2009 của công ty CP quốc tế Samnec, với giá trị chưa thuế là 1.499.999.091 đồng, thuế suất 10%.
- Ngày 16/12/2010 : Hoá đơn GTGT số 0084626 do Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng cung cấp cho Công ty CP quốc tế Samnec. Nội dung hoá đơn là tiền thuê nhà xưởng tháng 12/2010 (Hợp đồng 140509/HĐKT ngày 14/5/2009) của Công ty CP quốc tế Samnec, với giá trị chưa thuế là 70.196.364đồng, thuế suất 10%.
- Ngày 16/12/2010 : Hoá đơn GTGT số 0084627 do Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng cung cấp cho Công ty CP quốc tế Samnec. Nội dung hoá đơn là tiền thuê quản lý điều hành vận hành tháng 12/2010 (Hợp đồng 100809/SAM-HAP/QLĐH ngày 10/8/2009) của Công ty CP quốc tế Samnec, với giá trị chưa thuế là 50.000.000đồng, thuế suất 10%.
- Ngày 24/12/2010 : Hoá đơn GTGT số 0084628 do Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng cung cấp cho Công ty TNHH CHIYODA INTEGRÉ Việt Nam. Nội dung hoá đơn là bán xẻ cuộn băng dính các kích thước cho công ty TNHH CHIYODA INTEGRÉ Việt Nam, với giá trị chưa thuế là 10.335.000 đồng, thuế suất 10%.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty CP Điện tử Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ HẢI PHÒNG

73 – ĐIỆN BIÊN PHŨ - HB - HP

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Từ ngày 01/12/2010 đến 31/12/2010

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn Giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Dư đầu kỳ		-	
			Số phát sinh			
<b>07/12</b>	<b>PT35/12</b>	<b>07/12</b>	<b>Tiền phí khai thác mặt bằng</b>	<b>112</b>	<b>1.649.999.000</b>	
				<b>642</b>		<b>1.499.999.091</b>
				<b>3331</b>		<b>149.999.909</b>
<b>16/12</b>	<b>PT50/12</b>	<b>16/12</b>	<b>Tiền thuê nhà xưởng</b>	<b>112</b>	<b>77.216.000</b>	
				<b>642</b>		<b>70.196.364</b>
				<b>3331</b>		<b>7.019.636</b>
<b>16/12</b>	<b>PT51/12</b>	<b>16/12</b>	<b>Tiền thuê quản lý điều hành</b>	<b>112</b>	<b>55.000.000</b>	
				<b>642</b>		<b>50.000.000</b>
				<b>3331</b>		<b>5.000.000</b>
<b>24/12</b>	<b>PT125/12</b>	<b>24/12</b>	<b>Bán xẻ cuộn băng dính các loại</b>	<b>112</b>	<b>11.368.500</b>	
				<b>511</b>		<b>10.335.000</b>
				<b>3331</b>		<b>1.033.500</b>
			.....			
			Tổng cộng tháng 12		<u>61.484.742.275</u>	<u>61.484.742.275</u>

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## Sổ chi tiết tài khoản

Tài khoản: 3331- Thuế GTGT phải nộp

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn Giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
07/12	GY/2010B 0084625	Công ty quốc tế Samnec	Phí khai thác mặt bằng	112		1.649.999.000
16/12	GY/2010B 0084626	Công ty quốc tế Samnec	Thuê nhà xưởng t12/2010	112		77.216.000
16/12	GY/2010B 0084627	Công ty quốc tế Samnec	Thuê quản lý điều hành	112		55.000.000
24/12	GY/2010B 0084628	Công ty TNHH CHIYODA INTEGRE Việt Nam	Xẻ cuộn băng dính các loại	112		11.368.500
....	....	.....	.....	.....	....	.....
			Cộng đối ứng tài khoản 112			169.873.045
31/12	PKT	31/12	K/c bù trừ thuế GTGT đầu vào, đầu ra	1331	169.873.045	

Tổng số phát sinh nợ : 169.873.045

Tổng số phát sinh có : 169.873.045

Số dư nợ cuối kỳ : 0



Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty CP Điện tử Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ HẢI PHÒNG

73 – ĐIỆN BIÊN PHỦ - HB - HP

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính)

## SỔ CÁI

Tên TK: Thuế GTGT được khấu trừ

Số hiệu: 333

Năm: 2010

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
07/12	PT35/12	07/12	Tiền phí khai thác mặt bằng	112		1.649.999.000
16/12	PT50/12	16/12	Tiền thuê nhà xưởng	112		77.216.000
16/12	PT51/12	16/12	Tiền thuê quản lý điều hành	112		55.000.000
24/12	PT125/12	24/12	Bán xẻ cuộn băng dính các loại	112		11.368.500
			.....			
31/12	PKC	31/12	Kết chuyển thuế GTGT	133	9.559.273	
			Cộng SPS		9.559.273	169.873.045
			SDCK			160.313.772

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên)

### 3. Quy trình lập tờ khai thuế giá trị gia tăng:

Hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế “ do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp miễn phí cho các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế.

Phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế “ cung cấp cho Công ty các chức năng sau :

- Lập tờ khai thuế và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lục kê khai theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật thuế.
- Các nội dung hướng dẫn việc tính thuế, khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều thuận lợi cho doanh nghiệp kê khai thuế một cách chính xác và nhanh chóng.

Phần mềm này được xây dựng trên cơ sở công nghệ mã vạch 2 chiều ( mã hoá thông tin thành các mã vạch ) sẽ kết xuất và in các tờ khai thuế có mã vạch để doanh nghiệp gửi tờ khai đó cho cơ quan thuế. Thông qua các mã vạch đã mã hoá thông tin trên tờ khai, cơ quan Thuế đảm bảo sẽ ghi nhận, xử lý thông tin kê khai của tổ chức cá nhân nộp thuế đầy đủ, chính xác và nhanh chóng.

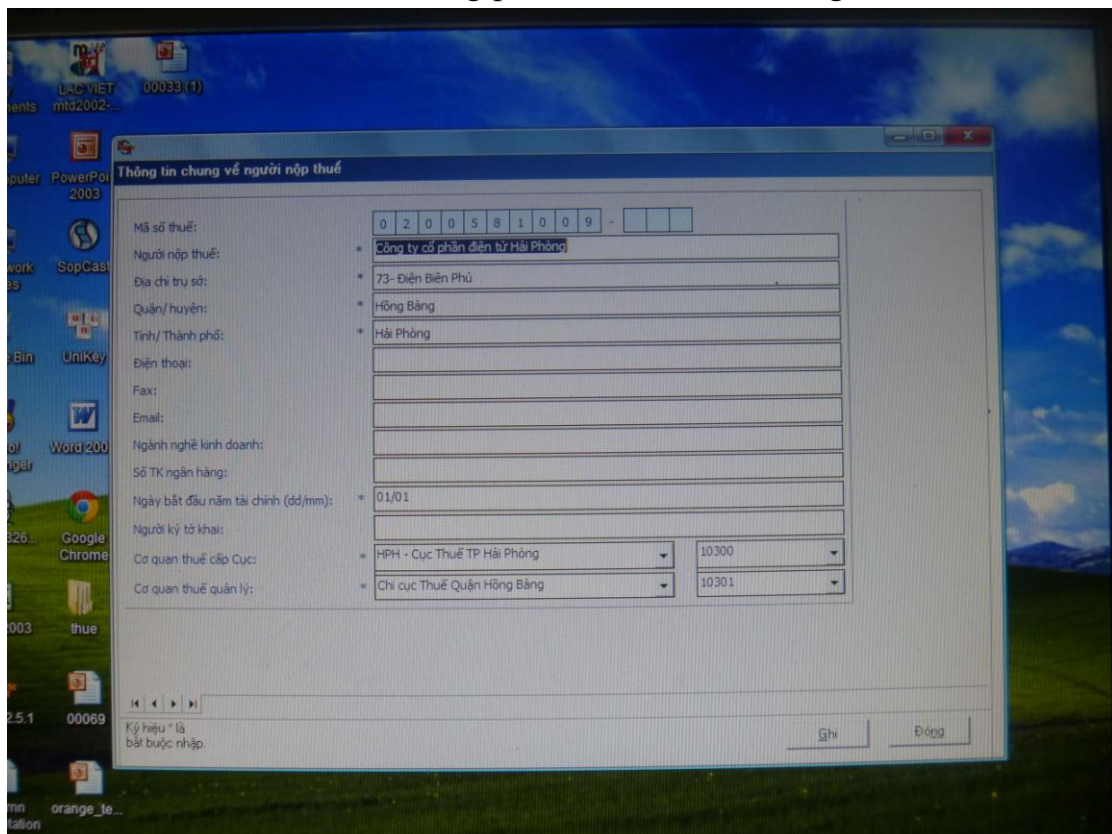
Sau khi kê khai cơ sở kinh doanh cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, ký tên đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành ( in thành ba bộ, cơ quan thuế sẽ lưu giữ lại 2 bộ, bộ còn lại sẽ lưu giữ tại Công ty để phục vụ công tác thanh kiểm tra sau này ).

Hiện nay Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng đang sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản 2.5.1



Giới thiệu về cách sử dụng phần mềm để kê khai thuế giá trị gia tăng. Sau khi bật phần mềm lên, kế toán viên sẽ thấy giao diện như hình trên. Kế toán sẽ điền mã số thuế của Công ty vào phần “ Mã số thuế “. Sau đó kích chuột vào chữ “ Đồng ý “

Nếu như là lần đầu tiên sử dụng phần mềm sẽ hiện lên giao diện như sau :



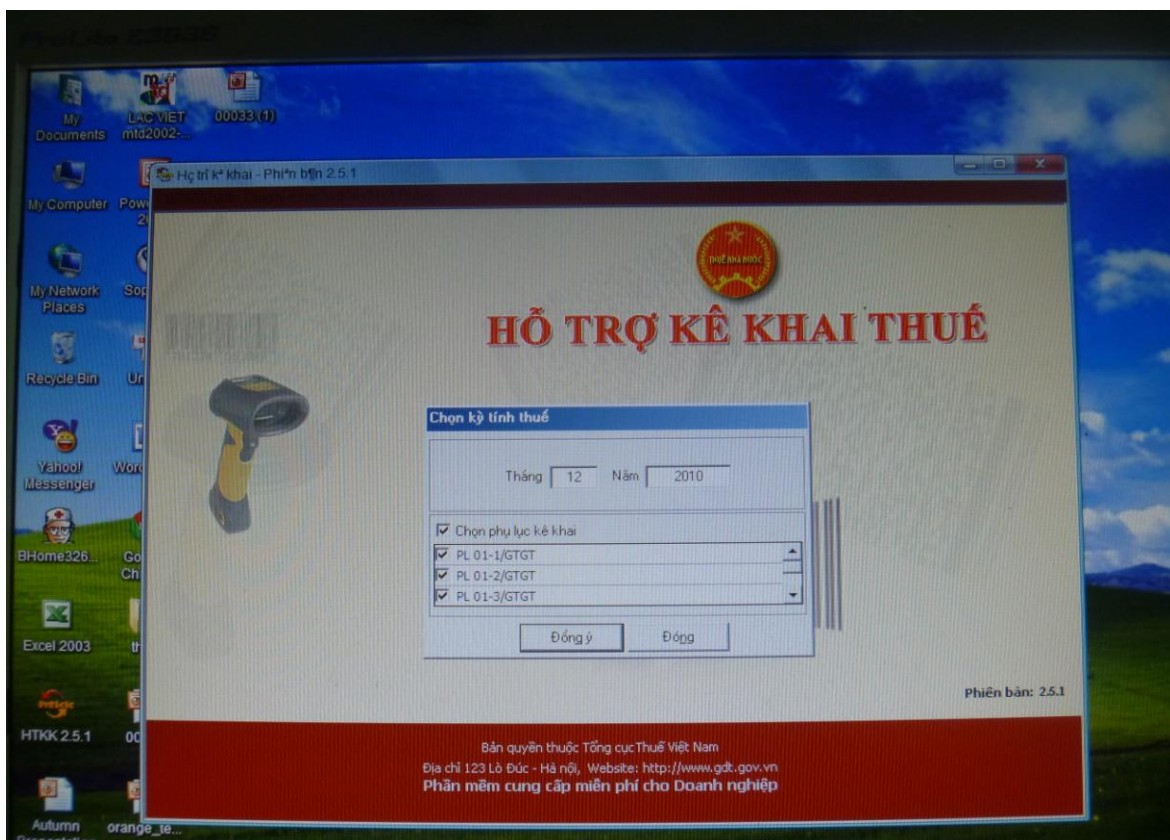
Trên giao diện này bắt buộc người sử dụng phải điền đầy đủ thông tin về doanh nghiệp của mình. Một số thông tin bắt buộc như :

- Người nộp thuế : ở đây phải điền là “ Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng “
- Địa chỉ trụ sở : ở đây điền là “ 73- Điện Biên Phủ “
- Quận/ huyện : ở đây điền là “ Hồng Bàng “
- Tỉnh/ thành phố : ở đây điền là “ Hải Phòng “
- Điện thoại, fax, email, ngành nghề kinh doanh, số TK ngân hàng, người ký tờ khai có thể bỏ qua.
- Ngày bắt đầu năm tài chính : ở đây điền là “ 01/01 “
- Cơ quan thuế cấp Cục : sẽ có cho mình lựa chọn, tùy theo doanh nghiệp của mình ở tỉnh hay thành phố nào trên toàn quốc, ở đây ta chọn “ HPH- Cục thuế TP Hải Phòng “
- Cơ quan thuế quản lý : sẽ có chi cục thuế các quận và thành phố. Ví dụ như : Chi cục thuế quận Hồng Bàng, chi cục thuế quận Lê Chân ... và cục thuế thành phố Hải Phòng. Kế toán chọn cục thuế TP Hải Phòng vì Công ty do cục thuế quản lý.

Tiếp đó kế toán kích chuột vào chữ “ Ghi “ sau khi có dòng chữ “ Đã ghi dữ liệu thành công “, kế toán đóng giao diện đó lại bằng cách kích vào chữ “ Đóng “. Ngay sau đó một giao diện mới sẽ hiện ra.



Lúc này kế toán sẽ lựa chọn dòng “ Tờ khai GTGT khấu trừ ( 01/GTGT )”. Giao diện tiếp theo là :



## Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty CP Điện tử Hải Phòng

Ở phần chọn phụ lục kê khai kế toán sẽ chọn “ PL 01-1/GTGT “ và “ PL 01-2/GTGT “ rồi kích chuột vào “ đồng ý “. Kế toán chỉ sử dụng “ PL 01-3/GTGT “ sau khi phát hiện Tờ khai thuế giá trị gia tăng mà mình nộp cho cơ quan thuế có sai sót, cần phải điều chỉnh hay bổ sung.

Ở giao diện mới xuất hiện ta sẽ thấy có dòng chữ nhỏ ở phía dưới cùng bên tay trái “ Tờ khai “ , “ PL 01-1/GTGT “ , “ PL 01-2/GTGT “.

Kích chuột vào “ PL 01-1/GTGT ‘ nếu như muốn kê khai hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.

The screenshot shows a software window titled "Hệ trị kê khai - Phiên bản 2.5.1" with a sub-window "Nhập tờ khai". The main content is a table titled "BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA". The table has 11 columns: STT, Ký hiệu hoá đơn, Số hoá đơn, Ngày, tháng, năm phát hành, Tên người mua, Mã số thuế người mua, Mặt hàng, Doanh số bán chưa có thuế, Thuế suất (%), Thuế GTGT, and Ghi chú. The table is divided into four sections based on tax rates: 1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT; 2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%; 3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%; 4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%. Each section has a '1' row for data entry and a 'Tổng' row for totals. Below the table, there are two summary rows: "Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra:" and "Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra:", both with a value of 0. The interface includes navigation buttons at the bottom and a Windows taskbar at the very bottom.

Tại đây kế toán bắt đầu kê khai các hoá đơn, chứng từ bán ra. Phần này có chia ra thành các phần như sau :

1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%

Khi kê khai lưu ý cần phải điền cho thật chính xác thông tin.

Ví dụ : Ngày 24/12/2010 : Hoá đơn GTGT số 0084628 do Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng cung cấp cho Công ty TNHH CHIYODA INTEGRE Việt Nam. Nội dung hoá đơn là bán xẻ cuộn băng dính các kích thước cho công ty TNHH CHIYODA INTEGRE Việt Nam, với giá trị chưa thuế là 10.335.000 đồng, thuế suất 10%. Kế toán kê khai như sau : vào phần 4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 10%. Điền đầy đủ các thông tin như :

- Ký hiệu hoá đơn : là GY/2010B
- Số hoá đơn : là 0084628.
- Ngày, tháng năm phát hành : là ngày tháng ghi hoá đơn cho khách. Ở đây là 24/12/2010.
- Tên người mua : là Công ty TNHH CHYODA INTEGRE
- Mã số thuế người mua : 0101415297
- Mặt hàng : Xẻ cuộn băng dính các kích thước.
- Doanh số bán chưa có thuế : 10.335.000
- Thuế suất : 10%.
- Thuế giá trị gia tăng : 1.033.500

Đến hoá đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai. Nếu hết thì thôi.

Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ “ ghi “. Tiếp đó hiện lên dòng chữ “ Đã ghi số liệu thành công “. Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ “ Đóng “. Hoàn thành việc kê khai hoá đơn, chứng từ bán ra.

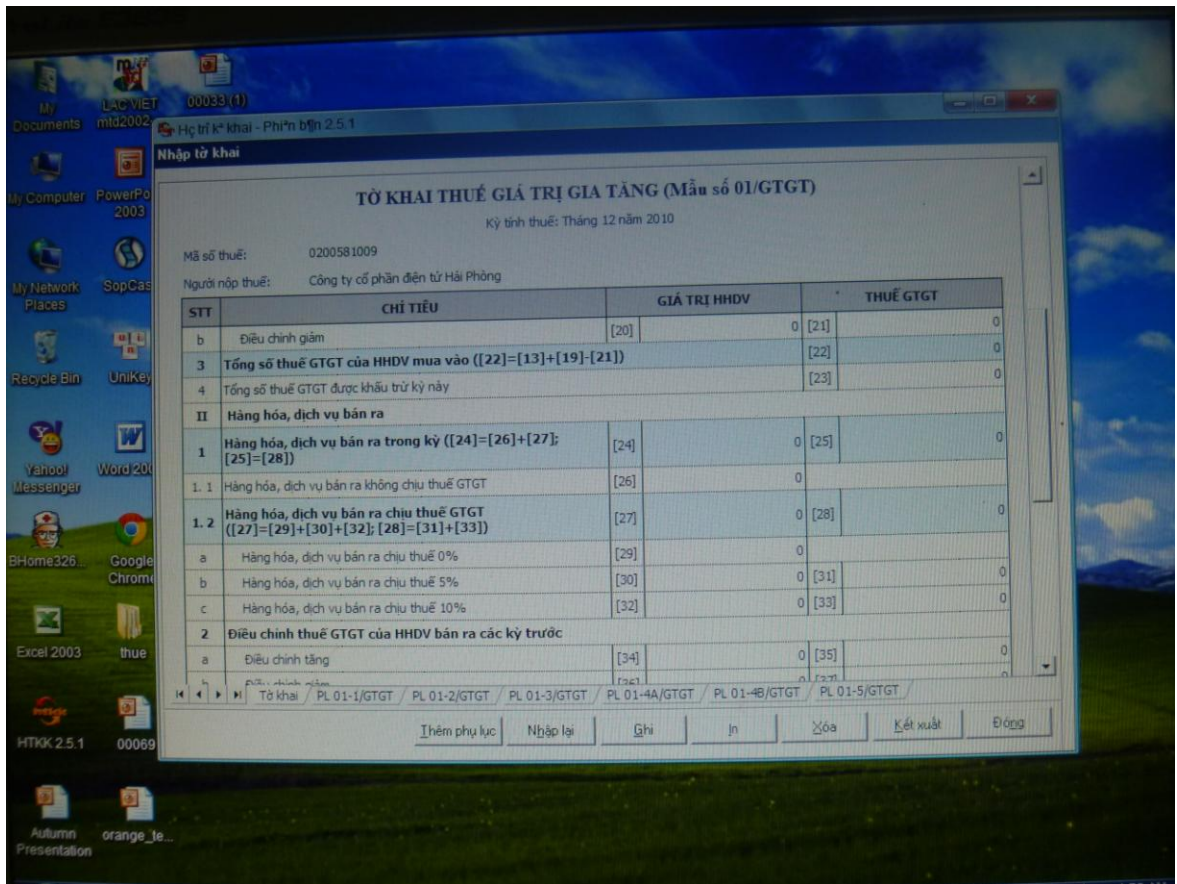
Kích chuột vào “ PL 01-2/GTGT “, nếu như muốn kê khai hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào.

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Doanh số mua chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú		
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)		
<b>1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT:</b>												
1								0	0%	0		
	Tổng										0	0
<b>2. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT:</b>												
1								0	0%	0		
	Tổng										0	0
<b>3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT:</b>												
1								0	0%	0		
	Tổng										0	0
Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào:										0		
Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào:										0		

Ở phần này, kế toán cũng thực hiện các thao tác y như với phần kê khai bán ra, nhưng hoá đơn là những hoá đơn mua vào.

Kế toán chỉ cần kê khai ở trong 2 phụ lục này, dữ liệu sẽ tự nhảy sang Tờ khai thuế giá trị gia tăng.





#### 4. Một số quy định chung, nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng

##### 4.1. Một số quy định chung :

4.1.1. Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt như sau:

- “GTGT” là các ký tự viết tắt của cụm từ “giá trị gia tăng”
- “CSKD” là các ký tự viết tắt của cụm từ “cơ sở kinh doanh”
- “HHDV” là các ký tự viết tắt của cụm từ “hàng hóa, dịch vụ”.

4.1.2. Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế (tháng... năm....) và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số từ [01] đến [09] như: mã số thuế, tên cơ sở kinh doanh, địa chỉ nơi đặt văn phòng trụ sở, số điện thoại, số Fax và địa chỉ E-mail để cơ quan thuế có thể liên lạc khi cần thiết.

Nếu có sự thay đổi các thông tin từ mã số [02] đến mã số [09], CSKD phải thực hiện đăng ký bổ sung với cơ quan thuế theo qui định hiện hành và kê khai theo các thông tin đã đăng ký bổ sung với cơ quan thuế.

Đối với Tờ khai thuế GTGT của dự án đầu tư thì cơ sở kinh doanh phải kê khai rõ tên của từng dự án đang trong giai đoạn đầu tư.

4.1.3. Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam. Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế GTGT. Đối với các chỉ tiêu không có số liệu phát sinh trong kỳ tính thuế thì bỏ trống không ghi. Nếu các chỉ tiêu có kết quả tính toán nhỏ hơn không thì phần số ghi vào Tờ khai được để trong ngoặc (...). Các chỉ tiêu điều chỉnh trên tờ khai phải có Bảng giải trình đính kèm.

4.1.4. Tờ khai thuế GTGT gửi đến cơ quan thuế chỉ được coi là hợp pháp khi tờ khai được kê khai theo đúng mẫu quy định, các chỉ tiêu trong tờ khai được ghi đúng và đầy đủ theo các nguyên tắc nêu tại các điểm 1,2,3 mục I này và được người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên, đóng dấu vào cuối tờ khai.

*4.2. Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng (mẫu số 01/GTGT)*

**A- Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ**

Nếu trong kỳ kê khai cơ sở kinh doanh không có các hoạt động mua, bán hàng hoá dịch vụ thì đánh dấu “X” vào ô mã số [10], đồng thời không phải điền số liệu vào các chỉ tiêu phản ánh hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ.

**B- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang**

Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang được ghi vào mã số [11] của Tờ khai thuế GTGT kỳ này là số thuế đã ghi trên mã số [43] của Tờ khai thuế GTGT kỳ trước.

**C- Kê khai thuế GTGT phải nộp ngân sách Nhà nước**

**I- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) mua vào**

Số liệu để kê khai vào các chỉ tiêu của mục này bao gồm hàng hoá dịch vụ mua vào trong kỳ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm thuế GTGT đầu vào của các Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh. Số thuế GTGT đầu vào của Dự án đầu tư được kê khai, theo dõi riêng tại Tờ khai thuế GTGT của Dự án đầu tư (mẫu số 01B/GTGT).

**1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ”**

- **Mã số [12]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT, bao gồm giá trị HHDV mua vào trong nước và nhập khẩu.

- **Mã số [13]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ, bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong nước và số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu.

## **2. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong nước”**

- **Mã số [14]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong nước (giá trị chưa có thuế GTGT) theo chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ như: hóa đơn GTGT (kể cả hóa đơn đặc thù), hóa đơn bán hàng và các chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ khác (nếu có) không bao gồm giá trị hàng hóa do cơ sở kinh doanh nhập khẩu (ủy thác hoặc trực tiếp nhập khẩu). Đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng hóa đơn đặc thù ghi giá thanh toán đã có thuế GTGT, cơ sở kinh doanh phải tính tách riêng giá bán chưa có thuế GTGT và thuế GTGT.

- **Mã số [15]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế giá trị gia tăng trên các hoá đơn GTGT và các chứng từ đặc thù (do cơ sở kinh doanh tính lại) của hàng hoá dịch vụ mua vào trong nước.

Trường hợp hoá đơn GTGT hoặc chứng từ nộp thuế của HHDV mua vào phát sinh các tháng trước nhưng chưa quá thời hạn kê khai quy định (3 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh) thì cơ sở kinh doanh cũng kê khai vào chỉ tiêu này.

## **3. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu”**

- **Mã số [16]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị của HHDV nhập khẩu trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT), căn cứ theo chứng từ của hàng hoá nhập khẩu như hợp đồng nhập khẩu, hoá đơn của phía nước ngoài cung cấp...

- **Mã số [17]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu trong kỳ, căn cứ vào các chứng từ nộp thuế của hàng hoá nhập khẩu (như Biên lai thu thuế GTGT hàng nhập khẩu, Giấy nộp tiền vào Ngân sách...)

## **4. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước”.**

- **Mã số [18], [20]**: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh giá trị của HHDV mua vào (giá trị chưa có thuế GTGT) điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

- **Mã số [19], [21]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh số thuế GTGT của HHDV mua vào điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

Cơ sở kinh doanh ghi số liệu vào các chỉ tiêu điều chỉnh tăng, giảm nêu trên trong các trường hợp sau đây:

+ Điều chỉnh tăng, giảm do kê khai sai, nhầm lẫn về thuế và giá trị của HHDV mua vào các kỳ trước.

+ Điều chỉnh do hàng hoá không đúng quy cách, chất lượng phải trả lại cho bên bán hoặc phải điều chỉnh lại giá bán theo biên bản và hoá đơn điều chỉnh.

+ Điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá mua vào bị tổn thất do thiên tai hoặc hoả hoạn, bị mất đã tính vào giá trị tổn thất phải bồi thường theo quy định.

+ Các trường hợp chế độ quy định được điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT đầu vào khác.

**Lưu ý:** Trường hợp CSKD có kê khai tại các chỉ tiêu điều chỉnh này, CSKD phải kê khai Bảng giải trình tờ khai thuế GTGT (mẫu số 02A/GTGT).

### **5. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào”**

- **Mã số [22] :** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước.

### **6. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này”**

- **Mã số [23] :** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT được khấu trừ.

Trường hợp CSKD vừa sản xuất, kinh doanh mặt hàng chịu thuế GTGT, vừa sản xuất, kinh doanh mặt hàng không chịu thuế GTGT thì CSKD phải hạch toán riêng thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho sản xuất kinh doanh mặt hàng chịu thuế và mặt hàng không chịu thuế. Trường hợp không hạch toán được riêng thì CSKD tính phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với tỷ lệ doanh thu của HHDV chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu của HHDV bán ra.

**Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được hướng dẫn cụ thể theo từng trường hợp như sau :**

- + Trường hợp CSKD chỉ sản xuất, kinh doanh HHDV chịu thuế GTGT, thì số liệu để ghi vào chỉ tiêu này bằng số liệu ở chỉ tiêu mã số [22].
- + Trường hợp cơ sở kinh doanh vừa sản xuất, kinh doanh HHDV chịu thuế GTGT; vừa sản xuất, kinh doanh HHDV không chịu thuế GTGT mà *theo dõi riêng* được thì số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho sản xuất kinh doanh mặt hàng chịu thuế GTGT.
- + Trường hợp cơ sở kinh doanh vừa sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT; vừa sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT nhưng *không theo dõi riêng* được thì số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT được phân bổ theo tỷ lệ (%) doanh số HHDV bán ra chịu thuế trên tổng doanh thu của tháng. Cơ sở kinh doanh phải giải trình căn cứ phân bổ và số thuế GTGT được khấu trừ của tháng theo mẫu số 02B/GTGT.

Kết thúc năm, cơ sở kinh doanh tính phân bổ lại số thuế GTGT được khấu trừ trong năm theo tỷ lệ (%) doanh số HHDV bán ra chịu thuế GTGT trên tổng doanh số bán của HHDV của năm và xác định số chênh lệch về thuế GTGT được khấu trừ do phân bổ lại theo mẫu số 02C/GTGT- Bảng kê khai điều chỉnh thuế GTGT được khấu trừ năm. Số liệu điều chỉnh được tổng hợp vào chỉ tiêu số [23] “Tổng số thuế GTGT được khấu trừ” tại Tờ khai thuế GTGT của tháng thực hiện việc phân bổ lại.

+ Các khoản điều chỉnh khác về thuế GTGT được khấu trừ cũng được tổng hợp vào chỉ tiêu này.

## **II- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) bán ra**

### **1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ”**

- **Mã số [24] :** Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT), bao gồm HHDV bán ra không chịu thuế GTGT và HHDV bán ra chịu thuế GTGT.

- **Mã số [25]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra, tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ đã ghi vào mã số [24]. Số liệu ở mã số này bằng số liệu ghi ở mã số [28].

## **2. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT”**

- **Mã số [26]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ thuộc diện không chịu thuế của cơ sở kinh doanh.

## **3. Chỉ tiêu “Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT”**

- **Mã số [27]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT.

- **Mã số [28]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27].

## **4. Chỉ tiêu "Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%"**

- **Mã số [29]**: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế GTGT theo thuế suất 0%.

## **5. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% " :**

- **Mã số [30]**: Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 5%.

- **Mã số [31]**: Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 5% đã ghi vào mã số [30].

## **6. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%" :**

- **Mã số [32]**: Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 10%.

- **Mã số [33]** : Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 10% đã ghi vào mã số [32].

## **7. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước” :**

- **Mã số [34], [36]**: Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm của tổng giá trị của HHDV bán ra (giá trị chưa có thuế GTGT) của các kỳ kê khai trước.

- **Mã số [35], [37]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm số thuế GTGT của HHDV bán ra của các kỳ kê khai trước.

Cơ sở kinh doanh ghi số liệu vào các chỉ tiêu điều chỉnh nêu trên trong các trường hợp sau đây:

+ Số liệu điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT đầu ra do phát hiện sai sót trong kê khai của các kỳ kê khai trước.

+ Điều chỉnh do hàng hoá không đúng quy cách, chất lượng do bên bán trả lại hoặc phải điều chỉnh lại giá bán theo biên bản và hoá đơn điều chỉnh.

+ Các trường hợp điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT đầu ra khác theo quy định.

### **8. Chỉ tiêu “Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra” :**

- **Mã số [38]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng giảm của các kỳ kê khai trước.

$$[38] = [24] + [34] - [36]$$

- **Mã số [39]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra bao gồm số thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước. Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức :

$$[39] = [25] + [35] - [37]$$

### **III- Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ :**

#### **1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT phải nộp trong kỳ”:**

- **Mã số [40]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức :

$$[40] = [39] - [23] - [11] \geq 0$$

Trường hợp kết quả tính toán của chỉ tiêu  $[39] = 0$  thì phải ghi số “0” vào kết quả.

#### **2. Chỉ tiêu : “Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này”:**

- **Mã số [41]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức

$$[41] = [39] - [23] - [11] < 0$$

Nếu đã có số liệu để ghi vào chỉ tiêu [41] thì sẽ không có số liệu ghi chỉ tiêu [40].

### **3. Chỉ tiêu “Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này ”**

- **Mã số [42]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà CSKD đề nghị hoàn theo chế độ quy định.

CSKD không được chuyển sang khấu trừ của kỳ sau đối với số thuế đã đề nghị hoàn trong kỳ.

CSKD đã ghi số liệu vào ô mã số [42] thì phải gửi công văn đề nghị hoàn thuế và hồ sơ hoàn thuế theo qui định cho cơ quan thuế để được xét hoàn thuế.

Trường hợp CSKD không ghi số thuế đề nghị hoàn vào ô mã số [42] của tờ khai thì số thuế còn được khấu trừ này đã chuyển sang kỳ sau để khấu trừ tiếp. Nếu sau đó CSKD gửi công văn và hồ sơ đề nghị hoàn thuế cho số thuế này thì cơ quan thuế sẽ không xét hoàn thuế.

### **4. Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau :**

- **Mã số [43]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$[43] = [41] - [42]$$

Kết quả của mã số [43] của tờ khai thuế GTGT kỳ này được dùng để ghi vào mã số [11] của tờ khai thuế GTGT của kỳ tiếp theo.



### PHẦN III

## MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ HẢI PHÒNG

### 1. Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện kế toán thuế GTGT

#### 1.1 cần thiết của kế toán thuế GTGT:

Như ta có thể thấy rằng việc hoàn thiện thuế GTGT là việc rất cần thiết.

- Thuế GTGT đảm bảo nguồn thu ổn định của ngân sách Nhà nước.
- Thuế GTGT có vai trò khuyến khích đầu tư thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh.

#### 1.2 cầu việc hoàn thiện kế toán thuế GTGT tại công ty:

Như trên đã đề cập, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán thuế GTGT nói riêng là cần thiết. Tuy vậy việc hoàn thiện cần đảm bảo các yêu cầu mang tính nguyên tắc là:

- Việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán thuế GTGT nói riêng tại công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng phải tôn trọng đúng chính sách, chế độ hiện hành của Nhà nước về kế toán công cũng như kế toán thuế GTGT.

- Những giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT phải phù hợp với đặc điểm của đơn vị. Không nên áp dụng một cách máy móc mô hình của đơn vị khác vào đơn vị mình trong khi điều kiện, đặc điểm, tổ chức quản lý, sản xuất kinh doanh là không giống nhau. Từ thực tế của đơn vị mình mà áp dụng linh hoạt các chế độ, chính sách chung vào hoạt động của đơn vị. Phù hợp ở đây là phù hợp với khả năng, trình độ đội ngũ cán bộ, với trang thiết bị phương tiện ghi chép, tính toán của công ty. Có như vậy mới phát huy được thế mạnh của việc đổi mới.

- Một trong những nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT là cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật. Vì vậy việc hoàn thiện công tác kế toán cần phải đảm bảo cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cho người cần sử dụng

- Hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT cần phải đảm bảo tính khả thi, tiết kiệm và có hiệu quả. Có khả thi thì thực hiện và hoàn thiện mới có ý nghĩa.

### 1.3 Ý nghĩa của việc hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT:

Việc hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT có ý nghĩa rất quan trọng. Nó giúp phân giảm bớt tình trạng trốn thuế và tăng thêm nguồn ngân sách cho Nhà nước.

## 2.Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng

Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng là một công ty cổ phần có quy mô lớn chính bởi vậy mà ngay khi bắt đầu ứng dụng phần mềm kế toán đối với việc quản lý tài chính, việc thực hiện kế toán trên máy dường như vẫn là chủ yếu, sổ sách kế toán mà Công ty sử dụng chỉ như một công cụ hỗ trợ cho việc kế toán, chính nhờ vậy mà giảm nhẹ được khối lượng công việc và nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Công tác kế toán của Công ty đều tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng những qui định của Bộ tài chính, đặc biệt là trong kế toán về thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng, Công ty đều thực hiện đúng theo các Thông tư hướng dẫn, khi có bất kỳ một sự sửa đổi nào về luật thuế GTGT, đơn vị đều làm theo những hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế. Qua quá trình nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty mà cụ thể là tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty, về cơ bản em nhận thấy Công ty đều làm đúng theo chế độ kế toán về thuế GTGT, thực hiện việc kê khai thuế, nộp thuế theo đúng như hướng dẫn của cơ quan thuế. Tuy nhiên bên cạnh đó, công tác kê khai thuế GTGT của Công ty vẫn tồn tại những hạn chế. Cụ thể là:

#### ***\*/ Về ưu điểm:***

- Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống chứng từ kế toán về thuế GTGT như: Hoá đơn bán hàng (GTGT), bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào, bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ bán ra, tờ khai Thuế GTGT...

- Kê khai đầy đủ các hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào cũng như bán ra theo đúng thời gian quy định
- Công ty đã áp dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản mới nhất trong việc kê khai thuế, giúp cho việc kê khai tương đối thuận tiện, nhanh chóng và chính xác.
- Việc khấu trừ thuế GTGT và nộp thuế GTGT đều thực hiện theo đúng qui định về cách thức tiến hành cũng như thời gian.

***\*/ Về hạn chế:***

- Công ty chưa tiến hành lập bảng kê bán lẻ theo qui định tại các cửa hàng bán lẻ mà tất cả các nghiệp vụ bán hàng đều được phản ánh chung vào bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra, do vậy sẽ khó khăn trong việc theo dõi chi tiết doanh thu bán lẻ và doanh thu bán buôn dẫn đến hạn chế trong công tác quản lý các kênh phân phối sản phẩm cũng như việc thúc đẩy tiêu thụ.
- Thiếu đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 133, TK 3331 với bảng kê và tờ khai thuế. Dẫn đến số liệu không khớp( trong tháng 07 ta thấy số liệu không hề khớp với bảng kê, khi ta lấy số dư đầu kỳ của TK 133 trừ đi số dư đầu kỳ của TK 3331 là  $675.025.351 - 356.060.900 = 318.964.451$  và số dư cuối kỳ của TK 133 trừ đi số dư cuối kỳ của TK 133 là  $996.542.321 - 994.529.086 = 2.013.235$ ; như vậy là lệch mất 2.013.235 so với tờ khai thuế, việc này chỉ được phát hiện vào tháng 08 và sau đó Công ty đã điều chỉnh lại )
- Đồng thời ngược lại kế toán ghi sổ không cập nhật kịp thời các nghiệp vụ tăng giảm doanh thu dẫn đến việc không phản ánh được kịp các nghiệp vụ tăng giảm thuế.
- Trên tờ khai số thuế được hoàn còn quá lớn
- Trong điều kiện áp dụng Luật thuế GTGT hiện nay hành vi gian lận càng trở lên tinh vi hơn cho nên cũng không tránh khỏi những sai sót khi nhận hóa đơn GTGT. Và khi phát hiện ra sai sót đó thì kế toán thường không chú trọng đến việc hủy hóa đơn đó.

### Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty CP Điện tử Hải Phòng

- Kế toán thuế là một mảng rất quan trọng trong công tác kế toán của bất kỳ doanh nghiệp nào, nhưng tại Công ty vẫn chưa có một kế toán độc lập phụ trách mảng thuế, kế toán tổng hợp kiêm luôn kế toán về thuế dẫn đến việc theo dõi chặt chẽ là hết sức khó khăn và không khách quan. Nguyên nhân theo em là do việc bố trí nhân viên và phân bổ khối lượng công việc là chưa thực sự hợp lý.

-Tất cả các nghiệp vụ đều được phản ánh vào sổ nhật ký chung, Công ty không mới chỉ mở các sổ nhật ký đặc biệt như nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền chứ chưa mở sổ nhật ký mua hàng và nhật ký bán hàng; vậy theo em là chưa đúng với hình thức nhật ký chung mà Công ty đang áp dụng.

Trên đây là một vài tồn tại trước mắt, bộ phận kế toán của Công ty nên đưa ra các biện pháp giải quyết để công tác kế toán thuế GTGT của Công ty được hoàn thiện hơn nữa.

### 3.Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng:

Căn cứ vào những nhận xét đã nêu ở chương trên, tôi xin có một số đề xuất như sau:

- Công ty nên tiến hành lập bảng kê bán lẻ tại các cửa hàng bán lẻ để một mặt là thực hiện theo đúng qui định tránh việc trốn thuế, mặt khác là để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý các kênh phân phối sản phẩm, đồng thời nhằm theo dõi riêng việc bán lẻ hàng hoá. Bảng kê bán lẻ có thể được thực hiện theo bảng mẫu sau:

**BẢNG KÊ BÁN LẺ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ**

(Ngày... tháng..... năm 200....)

Tên cơ sở kinh doanh:.....

Mã số

Địa chỉ:.....

Họ tên người bán hàng:.....

Địa chỉ nơi bán hàng:.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Doanh thu có thuế GTGT	Thuế suất thuế GTGT
A	B	C	1	2	3	4
Tổng cộng tiền thanh toán:.....						

Tổng số tiền (bằng chữ):.....

.....

Người bán

(Ký, ghi rõ họ tên)

Bảng kê bán lẻ HH, DV dùng cho các cơ sở kinh doanh trực tiếp bán lẻ HH, DV có giá trị dưới mức quy định (dưới 100.000 đồng ) không thuộc diện phải lập hóa đơn bán hàng

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty CP Điện tử Hải Phòng*

- Cần có sự đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 133, TK 3331 với bảng kê và Tờ khai thuế, tránh trường hợp không khớp về số liệu. Việc này đòi hỏi kế toán viên cần kiểm tra lại thường xuyên chứng từ gốc nhằm tránh trường hợp bỏ sót nghiệp vụ. Việc đối chiếu kiểm tra có thể được thực hiện thông qua các mẫu bảng sau:

Niên độ kế toán: Năm 2010

Khoản mục TK 13311 và TK 33311

Tháng	Hạch toán				Kê khai				Chênh lệch	
	VAT đầu vào	VAT đầu ra	Số còn được khấu trừ	Số phải nộp	VAT đầu vào	VAT đầu ra	Số còn được khấu trừ	Số phải nộp	VAT đầu vào	VAT đầu ra
Dư đầu kỳ										
T1/2010										
T2/2010										
T3/2010										
.....										
T9/2010										
T10/2010										
T12/2010										
Cộng										

Số còn được khấu trừ :

Chênh lệch :

Niên độ kế toán: Năm 2010

Khoản mục TK 511

Kê khai			Chênh lệch		Tờ khai		
Doanh thu	VAT đầu ra	Thuế suất	Doanh thu	VAT đầu ra	Doanh thu	VAT đầu ra	Thuế suất

- Ngoài ra trong nhiều trường hợp, khi mua bán hàng qua điện thoại; kế toán cần đến tận nơi lấy hoá đơn, hoặc phải so sánh đối chiếu với các hoá đơn đã có để tránh lấy phải hoá đơn giả do bên bán cung cấp. Đồng thời tránh được việc số tiền trên các liên hoá đơn không khớp nhau do bên bán làm giả hoá đơn để tránh được doanh thu và thuế GTGT đầu ra. Ngược lại khi bán hàng cho khách hàng ở xa thiếu chữ ký của người mua hàng ta cần đóng dấu “ Bán hàng qua điện thoại “ vào hoá đơn. Việc này hiện nay rất nhiều doanh nghiệp bán lẻ đã thực hiện.

- Trong thực tế, công ty khi kê khai thuế GTGT đôi khi còn bỏ sót hoá đơn đầu vào và hoá đơn đầu ra. Việc này cần phải được kế toán điều chỉnh kịp thời vào tháng phát hiện ra sai sót này. Với hoá đơn đầu vào thì trong thời hạn 6 tháng có thể khai bổ sung còn nếu quá 6 tháng thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nữa mà kế toán sẽ phải hạch toán vào chi phí. Còn đối với hoá đơn đầu ra khi không được phép kê khai bổ sung mà phải làm làm các tờ khai điều chỉnh theo các mẫu biểu 01/KHSB và phụ lục 01-3/GTGT.

Phụ lục 01-3/GTGT

BẢNG TỔNG HỢP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
THEO BÀN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH  
Phụ lục 01-3/GTGT

STT	Kỳ tính thuế được khai bổ sung	Ngày lập tờ khai bổ sung	Số thuế GTGT điều chỉnh tăng	Số thuế GTGT điều chỉnh giảm
1			0	0
Tổng cộng			0	0

- Hiện nay số thuế còn được khấu trừ của doanh nghiệp là khá lớn vì thế công ty cần sớm có tờ trình xin hoàn thuế để tăng vốn lưu động cho doanh nghiệp đồng thời tránh sự nghi ngờ của cơ quan thuế đặt ra với doanh nghiệp tại sao không xin hoàn thuế. Vì thông thường chỉ những doanh nghiệp có sự gian lận trong hoá đơn đầu vào mới để một số thuế được khấu trừ lớn như vậy mà không xin hoàn.
- Khi phát hiện ra sai sót trong hóa đơn thì kế toán cần lập biên bản để hủy hóa đơn đó ngay thời điểm phát hiện. Biên bản hủy hóa đơn có thể được lập theo mẫu sau:



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN HỦY HÓA ĐƠN**

- Căn cứ vào thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng.

- Căn cứ vào tình hình giao nhận hàng hóa thực tế.

Hôm nay, ngày ...../...../..... tại.....

Hai bên chúng tôi gồm:

**BÊN A:**

.....  
**Địa chỉ:** .....  
**Mã số thuế:** .....  
**Người đại diện:** .....  
**Chức vụ:** .....

**BÊN B:**

.....  
**Địa chỉ:** .....  
**Mã số thuế:** .....  
**Người đại diện:** .....  
**Chức vụ:** .....

**Chúng tôi cùng tiến hành lập biên bản với nội dung sau:**

Ngày ...../...../..... bên ..... lập hoá đơn cho bên..... với nội dung:

- Xeri .....
- Số .....
- Nội dung .....
- Số tiền là ..... đ (..... đồng chẵn).

Tuy nhiên, sau khi bên.....nhận hoá đơn mới phát hiện hoá đơn bị ghi sai nội dung:.....

Bên .....yêu cầu trả lại, đồng thời hủy hóa đơn ..... số .....

Vậy, chúng tôi cùng thống nhất hủy hóa đơn trên.

Biên bản thanh lý được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty CP Điện tử Hải Phòng*

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày đều được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, như vậy khối lượng ghi chép là rất lớn gây khó khăn cho việc theo dõi. Theo tôi Công ty nên mở thêm một số sổ Nhật ký chuyên dùng để theo dõi một số loại nghiệp vụ chủ yếu như mua hàng, bán hàng, để cuối tháng kế toán thuế GTGT có thể lấy số liệu tổng hợp từ các Nhật ký chuyên dùng đó để đối chiếu số liệu đã tổng hợp được trên các sổ chi tiết.

Dưới đây là một số mẫu sổ Nhật ký chuyên dùng Công ty nên mở thêm:

**SỔ NHẬT KÝ MUA HÀNG**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Phải trả người bán (Có TK 331)	Ghi nợ các tài khoản			Tài khoản khác	
	Số	ngày			152	153	...	Số hiệu	Số tiền

**SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Phải thu của khách hàng(N ợ TK 131)	Ghi có tài khoản doanh thu			Ghi chú
	Số	ngày y			Hàng hoá	Thàn h phẩm	Dịch vụ	

- Việc bố trí nhân sự trong phòng kế toán- tài chính phải được xem xét lại, nên bố trí một nhân viên kế toán chỉ chuyên theo dõi thuế, còn mảng kế toán tiền mặt mà cán bộ này đang kiêm nhiệm nên giao cho người khác theo dõi, bởi Công ty chuyên về phân phối các sản phẩm nên nghiệp vụ phát sinh nhiều, do vậy khối lượng công việc về thuế, đặc biệt là thuế GTGT cũng rất nhiều, để việc kê khai thuế hàng tháng và cập nhật thông tin về thuế thực sự nhanh thì công ty nên có một kế toán chỉ chuyên theo dõi về thuế.

## **KẾT LUẬN**

Luật thuế giá trị gia tăng ra đời và ngày càng khẳng định vị trí, tầm quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội. Nhưng để luật thuế GTGT được áp dụng một cách sâu rộng đồng bộ thì cần phải có công cụ đắc lực trợ giúp, công cụ không thiếu đó là kế toán thuế GTGT.

Nhận thức được phần nào tầm quan trọng đó của thuế GTGT, công ty Cổ phần Điện Tử Hải Phòng đã đưa vào áp dụng ngay các hóa đơn, chứng từ liên quan đến thuế GTGT tại công ty cổ phần lớn đều hợp lý, hợp lệ và sử lý linh hoạt. Từ đó các tờ khai thuế GTGT, các bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào, các bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra được lập và gửi đến cơ quan thuế đầy đủ và đúng thời hạn. Tuy vậy do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan mà công tác kế toán tại công ty còn có những vướng mắc. Trên cơ sở lý luận công như kiến thức thực tế của mình em xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp để công ty có thể xem xét.

Với một vấn đề còn nhiều vướng mắc và phức tạp trong khi vốn kinh nghiệm của em còn ít ỏi, nhận thức còn nhiều hạn chế, thời gian nghiên cứu không nhiều nên không tránh khỏi những khiếm khuyết trong luận văn này. Em rất mong được sự cảm thông, kính mong được sự góp ý của các thầy, cô giáo và các bạn để luận văn tốt nghiệp được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân trọng cảm ơn sự chỉ bảo hướng dẫn tận tình của cô giáo, Ths. Đồng Thị Nga, sự giúp đỡ nhiệt tình của quý công ty đã giúp em hoàn thành luận văn này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2011.

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>PHẦN 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> .....	3
I. Lý luận chung về thuế giá trị gia tăng : .....	3
1. Khái niệm : .....	3
2. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong lưu thông hàng hoá : .....	4
3. Cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng : .....	4
4. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong quản lý Nhà nước về kinh tế : .....	5
5. Chức năng của thuế : .....	5
6. Phân loại thuế : .....	6
7. Các yếu tố cấu thành sắc thuế : .....	6
II. Các quy định của thuế giá trị gia tăng : .....	7
1. Đối tượng chịu thuế.....	7
2. Người nộp thuế.....	7
3. Đối tượng không chịu thuế.....	7
4. Căn cứ và phương pháp tính thuế .....	8
4.1. Giá tính thuế GTGT : .....	8
4.2. Thuế suất : .....	9
III. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG .....	11
1. Phương pháp khấu trừ thuế .....	11
1.1. Đối tượng: .....	11
1.2. Công thức xác định : .....	11
1.3. Điều kiện khấu trừ thuế : .....	13
2. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng .....	14
2.1. Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT áp dụng đối với các đối tượng sau đây: .....	14
2.2. Xác định thuế GTGT phải nộp.....	15
IV. Thủ tục kê khai thuế, nộp thuế : .....	17
1. Kê khai thuế .....	17
2. Nộp thuế .....	17
3. Hoàn thuế .....	18
V. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán thuế .....	19

1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT. ....	19
2. Nhiệm vụ kế toán thuế GTGT.....	19
2.1.Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung : .....	19
VI. Phương pháp kế toán thuế giá trị gia tăng .....	22
1. Chứng từ kế toán .....	22
2. Tài khoản kế toán .....	23
2.2 Tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp. ....	25
3. Trình tự kế toán: .....	27
3.2. Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. ....	29
4. Tổ chức sổ kế toán .....	30
<b>PHẦN II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ HẢI PHÒNG.....</b>	<b>56</b>
I. Khái quát về công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng .....	56
1.1. Sơ lược về công ty:.....	56
1.1.1.Sơ lược về công ty cổ phần điện tử Hải Phòng.....	56
1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển công ty .....	56
1.1.3.Lĩnh vực hoạt động chính:.....	57
1.1.4.Ngành nghề kinh doanh: .....	58
1.2. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động .....	59
1.2.1.Những tài sản hiện có của doanh nghiệp, số lượng chủng loại, tình trạng kỹ thuật:.....	59
1.2.2. Số lượng các thành phần lao động trực tiếp, gián tiếp, mặt bằng trình độ: ...	61
1.2.3. Tình hình vốn của công ty : .....	61
1.2.4. Nguồn vốn của công ty:.....	62
1.3.Tổ chức quản lý của công ty.....	63
1.3.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng.....	63
1.3.2. Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban chức năng.....	63
1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty. ....	65
1.5. Hình thức kế toán .....	67
1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty: .....	67
1.5.2. Tổ chức hệ thống chứng từ tại công ty: .....	68
1.5.3. Tổ chức tài khoản tại công ty: .....	68
1.5.4.Tổ chức hệ thống sổ tại công ty: .....	68

1.6.Những thuận lợi, khó khăn và định hướng phát triển trong tương lai của công ty	69
1.6.1. Những thuận lợi của công ty trong những năm tới: .....	69
1.6.2. Khó khăn mà công ty gặp phải trong những năm tới: .....	70
1.6.3. Định hướng phát triển trong tương lai của công ty: .....	71
II. Tình hình thực hiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty Cổ Phân Điện Tử Hải Phòng .....	72
1. Các mức thuế suất được áp dụng: .....	72
2. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán: .....	72
2.1.Tài khoản sử dụng : .....	72
2.2.Sơ đồ hạch toán : .....	73
3. Hạch toán ban đầu .....	74
3.1. Chứng từ đầu vào .....	74
3.1. Chứng từ đầu ra .....	78
3.Quy trình lập tờ khai thuế giá trị gia tăng: .....	82
4.Một số quy định chung, nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng .....	89
4.1.Một số quy định chung : .....	89
4.2.Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng ( mẫu số 01/GTGT ) .....	90
<b>PHẦN III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ HẢI PHÒNG.....</b>	<b>97</b>
1.Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện kế toán thuế GTGT .....	97
1.1 cần thiết của kế toán thuế GTGT: .....	97
2.Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ Phần Điện Tử Hải Phòng .....	98
3.Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ Phân Điện Tử Hải Phòng: .....	100
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>108</b>